

—Người mà tâm ý thức làm những việc như vậy, lúc chết phải đi vào địa ngục.

Đức Phật nói:

—Nếu ngươi bảo: “Dòng họ của ta vốn từ Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, là tối tôn trong loài người”, sao lại đi vào trong địa ngục được?

Đức Phật nói:

—Con người trong thiên hạ không có chủng loại, không có cố định. Bậc cao minh nhờ tâm ý chí thiện, làm điều tốt đẹp, đó là bậc tôn quý. Còn tâm ý của người làm điều ác, đó là kẻ hạ tiện.

Át-ba-la-diên tự suy nghĩ: “Ta vốn không muốn đến đây, do mọi người đều bảo ta đến”. Rồi tự tư duy: “Ý của ta không muốn tranh luận với Đức Phật. Ta đã từng nói rằng Đức Phật là Bậc Chánh Đạo”.

Đức Phật nói:

—Lúc trước ngươi nói con người phải có với chủng loại tốt, nay trở lại theo Ta nói tâm ý chí tốt.

Át-ba-la-diên tự suy nghĩ: “Lời của Đức Phật ngăn chặn ta cả trước và sau”.

Đức Phật bảo:

—Này Át-ba-la-diên, vào kiếp quá khứ có bảy Bà-la-môn đều có đạo hạnh, ngày ngày cúng tế trời. Bảy Bà-la-môn này cũng nói: “Ta là con cháu của Phạm thiên, chúng ta cũng sanh từ miệng Phạm thiên, còn kẻ phàm nhân thì sanh từ các phần dưới. Chủng tộc của ta lúc chết được sanh lên trời”.

Đức Phật nói:

—Lúc đó Ta cũng là đạo nhân tên A-hức. Mọi người đều nói: Đạo của ta là Thiên đạo. Lúc ấy Ta thấy bảy Bà-la-môn đều đứng trước đền thờ ngọn lửa. Các Bà-la-môn đều nói: “Chúng ta lúc chết sẽ rực sáng như ngọn lửa này ở trên trời”.

Đức Phật nói:

—Bấy giờ Ta tính xem thử những người này làm gì nên tự biến đổi thân thể, tay cầm lá cờ có chuôi lông bằng vàng ròng, thân mặc đồ trắng, đi theo người trên chiếc xe giả, đến chỗ bảy Bà-la-môn ấy. Khi đó bảy Bà-la-môn đang đi kinh hành, và cả nhóm trông thấy, liền hỏi

Ta: “Người hành đạo Bà-la-môn từ đâu đến đây?”. Bảy Bà-la-môn nói: “Nếu Ngài là Thiên đạo, xin hãy nói tóm lược cho chúng tôi: sao lại mặc y đẹp, cưỡi xe, tay cầm cờ vàng rực rỡ. Ngài từ đâu sanh ra và muốn đi về đâu? Từ đâu đến? Và sao lại đến chỗ này?”.

Lúc ấy Ta làm thịnh không trả lời. Họ thấy Ta không nói, nên tất cả đều nổi giận, liền dùng thần chú đồi với Ta, muốn khiến cho Ta chết đứng. Họ dùng thần chú đồi với Ta mà sắc mặt của Ta lại càng đẹp. Họ lại đọc chú, sắc mặt của ta lại càng thêm đẹp. Bảy Bà-la-môn ấy hết sức kinh hãi, nói rằng:

—Những người bị chúng ta đọc chú đều chết cả, nhưng nay chúng ta đọc chú thì người này sắc mặt lại càng đẹp hơn.

Lúc ấy, họ lại gọi “A-hức”, tự nghĩ rằng: “Ngươi muốn về đường nào?”

A-hức liền đáp:

—Đạo tâm của tôi hơn tất cả. Tại sao các người nổi giận? Vậy các người có nghe A-hức nói về Thiên đạo chăng?

Họ nói:

—Chúng tôi không nghe.

A-hức nói:

—Này Hiền giả, bậc Đạo nhân gặp nhau, cùng nhau thăm hỏi, sao lại tức giận?

A-hức bảo:

—Ta nghe các Phạm chí nói: các Bà-la-môn trong thiên hạ là con cháu của Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, độc tôn trong loài người. Do vậy nên Ta đến hỏi các người: Nếu đốt lửa này để cúng trời, nếu thờ trời là đúng như pháp thì các người được vị thầy nào truyền dạy? Hay là điều ấy chẳng phải do tổ tiên nói?

Bảy Bà-la-môn nói:

—Tổ tiên chúng tôi làm, nên chúng tôi bắt chước.

Đạo nhân A-hức nói:

—Vậy tổ mẫu của các người là con gái của Bà-la-môn, hay con gái của dòng họ khác?

—Chúng tôi không biết tổ mẫu của chúng tôi là con gái của Sát-lợi, con gái của Diền gia hay con gái của Công sư. Chúng tôi không biết tiền tổ mẫu của chúng tôi có phải do người Bà-la-môn sanh ra

hay không, hoặc các vị ấy yêu thương người khác sanh ra chủng loại chúng tôi.

A-hức nói:

—Nếu đã không biết tổ tiên, sao lại nói tổ tiên các người từ Phạm thiên sanh? Tâm lý của người nữ không có gì bảo đảm. Nếu các người biết được người thế gian, vậy vợ chồng giao hợp làm sao để sanh con?

Họ đều nói:

—Chúng tôi không biết.

—Nếu các người đã không biết tổ tiên, cũng không biết con người từ đâu sanh ra, vậy sao lại giận dữ với Ta? Phàm con người gặp nhau, trước hết phải hỏi thăm để biết cao thấp, phải biết ý chí của con người ấy rồi mới tức giận, tại sao trước tiên lại giận? Nên biết con người lúc mới nhập vào thai mẹ, nếu không phải do lòng tham dâm của người cha, thì cũng do tâm ái dục của người mẹ mới sanh ra con. Hội đủ ba điều kiện ấy mới thành con. Đã làm con, ai khiến cho thân trung ấm gặp cha mẹ để thành con? Đứa con ở trong ấy hoặc đời trước làm ác thì nay ở trong bụng mẹ hoặc bị mù, hoặc bị điếc, hoặc bị ngọng, hoặc bị gù, hoặc bị kiêng chân, hoặc thành kẻ hư ác mà cha mẹ đều không biết rõ. Cha mẹ mang con ở trong bụng mà còn không biết được con mình là đẹp hay xấu, thì các ngươi làm sao biết được tiên tổ các ngươi là con cháu của Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên và độc tôn trong loài người?

Đức Phật bảo Át-ba-la-diên:

—Ở đời trước, bảy Bà-la-môn ấy có thể dùng chú thuật giết người. Lúc đó Ta không chấp nhận lời họ nói và sách họ chép. Nay Ta đã thành Phật, họ lại đến nói với Ta: họ là con cháu Phạm thiên, sanh ra từ miệng của Phạm thiên, độc tôn trong loài người.

Đức Phật bảo Át-ba-la-diên:

—Hãy suy nghĩ điều Ta nói: Thiên hạ sanh con nuôi lớn nhờ cha mẹ, thành người là nhờ thầy.

Bà-la-môn Át-ba-la-diên cùng năm trăm Bà-la-môn và các Bà-la-môn khác cùng suy nghĩ.

Đức Phật nói:

—Thời trước Ta còn làm thầy của bảy Bà-la-môn. Bảy Bà-la-môn này là người đạo đức và có thể dùng chú thuật giết người. Nay Ta phải

phân biệt nói ra. Con người có chủng loại, một thành ra trăm, trăm thành ra ngàn, ngàn thành ra vạn, vạn cũng là một.

Át-ba-la-diên cùng các Bà-la-môn đồng đến phía trước, đầu mặt lạy nơi chân Đức Phật, nói:

–Chúng con không rõ một thành trăm, trăm thành ngàn, ngàn thành vạn, vạn cũng từ một là ý nghĩa gì?

Đức Phật nói:

–Đó là người thế gian tham đắm sanh tử rất nhiều. Một người sanh con cháu, sau đó phân ra thành một trăm nhà, trăm nhà cầu đạo thì chỉ một đạo. Sao gọi là một đạo? Đó là đạo vô vi giải thoát. Như vậy là một thành ngàn, ngàn thành vạn.

Át-ba-la-diên đến phía trước Đức Phật, quỳ xuống thưa:

–Xin Ngài hãy thương xót chúng con như Ngài thương các Sa-môn, đừng có tâm tức giận đối với chúng con. Chúng con xin trở về sẽ cùng nhau tự phản tỉnh.

Đức Phật nói:

–Lành thay!

–Sáng mai chúng con nguyện tịnh tâm.

Tất cả đều đứng dậy đầu mặt lạy nơi chân Đức Phật rồi đi ra.



SỐ 72

# PHẬT NÓI KINH CÔNG ĐỨC CỦA TAM QUY, NGŨ GIỚI, TỪ TÂM VÀ YẾM LY

*Hán dịch: Mất tên người dịch, phụ vào dịch phẩm đời Đông Tấn.*

**Nghe như vầy:**

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Phật kể cho trưởng giả A-na-bân-kỳ nghe:

—Về kiếp lâu xa có một Phạm chí tên là Tỳ-la-ma, là người giàu có, nhiều tiền của, châu báu. Lúc đem ra bố thí, ông dùng tám vạn bốn ngàn bát bằng vàng đựng đầy bạc rồi, tám vạn bốn ngàn bát bằng bạc đựng đầy vàng rời. Ông lại lấy tám vạn bốn ngàn bình tắm bằng vàng bạc, lại lấy tám vạn bốn ngàn con bò đều lấy vàng bạc che trên sừng; lại lấy tám vạn bốn ngàn ngọc nữ trang sức đẹp đẽ; lại lấy tám vạn bốn ngàn đồ nầm trai lụa lênh trên; lại lấy tám vạn bốn ngàn bộ y phục; lại lấy tám vạn bốn ngàn con voi con ngựa đều lấy vàng bạc để làm dàm, chằng đầu và mỏm chúng; lại lấy tám vạn bốn ngàn phòng xá để bố thí; lại ở trong bốn cửa thành để bố thí, tùy ai muốn gì ông đều đem cho tất cả. Lại dùng một phòng để bố thí cho Tăng chúng từ bốn phương lại.

Phước đức của sự bố thí như trên không bằng thọ Tam quy. Vì sao vậy? Vì người thọ Tam quy là bố thí sự vô úy cho tất cả chúng sanh, cho nên quy y Phật, Pháp, Tăng, phước đức người ấy không thể tính kể được.

Phước đức của sự bố thí như trên và sự thọ trì Tam quy không bằng phước đức của người thọ trì Năm giới. Người thọ trì Năm giới công đức đầy đủ, vượt hơn tất cả.

Phước đức của sự bố thí như trên và của sự thọ trì Tam quy, Ngũ giới lại không bằng phước đức của người chỉ trong một khoảnh khắc rủ lòng thương đối với chúng sanh.

Phước đức của sự bố thí như trên và phước đức của sự thọ trì Tam quy, Ngũ giới, rủ lòng thương đối với chúng sanh lại không bằng phước đức của người khởi lên cái tưởng không nên ham thích đối với tất cả sự việc ở thế gian. Vì sao như vậy? Vì phước đức của sự khởi lên cái tưởng không đáng ham thích đối với tất cả sự việc ở thế gian có thể khiến cho hành giả diệt trừ được cái khổ nơi sanh tử, trọn thành Phật đạo, cho nên phước đức của người ấy là tối thắng.

Bấy giờ, Trưởng giả A-na-bân-kỳ nghe Đức Phật giảng nói xong, hoan hỷ phụng hành.



SỐ 73

## PHẬT NÓI KINH TU-ĐẠT

*Hán dịch: Đời Tiêu Tề, Đại sư Cầu-na-tỳ-địa, người Thiên trúc,*

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, cư sĩ Tu-đạt đi đến chỗ Đức Thế Tôn, cung kính đánh lễ nơi chân Đức Thế Tôn xong, ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn hỏi:

—Này Cư sĩ, gia đình Cư sĩ có thực hành hạnh bố thí chăng?

Cư sĩ trả lời:

—Đã có, bạch Thế Tôn, gia đình con có bố thí những chỉ bố thí những thứ thô xấu, không phải thứ quý giá, như cơm gạo hẩm, canh rau nấu với một ít gừng.

Đức Thế Tôn bảo:

—Này Cư sĩ, dù bố thí những thứ thô xấu hay bố thí những thứ mỹ diệu, cả hai đều có quả báo. Nhưng này Cư sĩ, nếu bố thí những thức ăn thô xấu, kẻ ấy không có lòng tin mà bố thí, bố thí không đúng lúc, không tự tay bố thí, không tự mình đến để bố thí, không biết, không có tín tâm, cũng không biết có quả báo mà bố thí, thì nên biết rằng sẽ thoả quả báo đúng như thế, ý không muốn có được phòng xá tốt đẹp, cũng không muốn có được áo quần tốt đẹp, cũng không muốn có được đồ ăn uống ngon lành, cũng không muốn có được đầy đủ công năng tốt đẹp của năm dục. Vì sao? Người cư sĩ này vì không chí tâm bố thí nên có quả báo như vậy. Ngày Cư sĩ đó là người không chí tâm bố thí.

Này Cư sĩ, người thực hành bố thí có tín tâm, tùy thời bố thí, tự

tay bố thí, đi đến để bố thí, có hiểu biết, có tín tâm, biết có nhân duyên quả báo mới hành bố thí. Nên biết người ấy có quả báo như vậy: Ý muốn gia đình tốt đẹp, nghiệp báo cực tốt, đồ dùng cực đẹp, áo quần cực đẹp, muốn đồ ăn, thức uống ngon lành, muốn được đầy đủ công năng tốt đẹp của năm dục. Vì sao? Cư sĩ nên biết, kẻ ấy chí tâm bố thí.

Này Cư sĩ, nếu bố thí những thứ mỹ diệu nhưng không có tín tâm bố thí, không tùy thời bố thí, không tự tay bố thí, không đến để bố thí, cũng không biết, không tin, cũng không biết có nhân duyên hành quả báo mà thực hành bố thí, nên biết kẻ ấy sẽ thọ báo đúng như thế, ý cũng không muốn đạt được gia nghiệp tốt đẹp, cũng không muốn có được y phục tốt đẹp, cũng không muốn có được đồ ăn ngon lành, cũng không muốn có đầy đủ công năng tốt đẹp của năm dục. Vì sao? Vì Cư sĩ, vì không hết lòng bố thí.

Này Cư sĩ, nếu bố thí những thứ mỹ diệu, có tín tâm, ưa thích bố thí, tùy thời thí, tự tay bố thí, tự mình đến để bố thí, có hiểu biết, có tín tâm, biết có hạnh quả báo mà hành bố thí. Nên biết kẻ ấy sẽ được quả báo đúng như vậy. Đó là tâm muốn được gia nghiệp tốt đẹp, cho đến muốn có đồ ăn, thức uống, công năng tốt đẹp của năm dục. Vì sao? Vì Cư sĩ, vì kẻ ấy tùy thời bố thí nên có quả báo ấy. Vì sao? Ngày Cư sĩ, thuở xưa vào đời quá khứ, có một Bà-la-môn tên là Tỳ-lam, rất giàu có, của cải vô lượng, vị ấy đã làm một cuộc bố thí lớn như vậy: lấy tám vạn bốn ngàn bát bằng vàng đựng đầy bạc vụn; vị ấy thực hành đại bố thí như vậy: lấy tám vạn bốn ngàn bát bằng bạc đựng đầy vàng vụn; vị ấy thực hành đại bố thí như vậy: lấy tám vạn bốn ngàn thớt voi được trang sức đầy đủ, voi trắng như tuyết; vị ấy thực hành đại bố thí như vậy: lấy tám vạn bốn ngàn con ngựa được trang sức đầy đủ dây vàng xâu ngọc, vị ấy thực hành đại bố thí như sau: lấy tám vạn bốn ngàn con bò, lấy vải làm dây thừng, bò thường cung cấp một hộp sữa, vị ấy thực hành đại bố thí như vậy: dùng tám vạn bốn ngàn ngọc nữ đoan chánh, đẹp đẽ, trang sức đầy đủ châu báu, vị ấy thực hành đại bố thí như vậy: ngoài ra còn có thức ăn mĩ vị nhiều vô số kể.

Đó là, ngày Cư sĩ, vị Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy đã thực hành đại bố thí như vậy: bố thí cho người phàm phu ở cõi Diêm-phù-đề, nhưng phước đức ấy không bằng cúng thí cho một vị tiên nhân.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy đã thực hành đại bố thí như vậy: thí cho tiên nhân ở cõi Diêm-phù-đề này, nhưng không bằng phước đức cúng thí cho một vị Tu-dà-hoàn.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy cũng thí cho người phàm phu, tiên nhân và một trăm vị Tu-dà-hoàn cõi Diêm-phù-đề, nhưng không bằng phước đức cúng thí cho một vị Tư-dà-hàm.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy đã thực hành đại bố thí như vậy, thí cho người phàm, tiên nhân, một trăm vị Tu-dà-hoàn và một trăm vị Tư-dà-hàm ở cõi Diêm-phù-đề nhưng không bằng phước đức cúng dường cho một vị A-na-hàm.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy đã thực hành đại bố thí như vậy, thí cho người phàm,... một trăm vị A-na-hàm ở cõi Diêm-phù-đề nhưng không bằng phước đức cúng dường cho một vị A-la-hán.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy đã thực hành đại bố thí như vậy, thí cho người phàm,... một trăm vị A-la-hán ở cõi Diêm-phù-đề nhưng không bằng phước đức cúng dường cho một vị Bích-chi-phật.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy đã thực hành đại bố thí như vậy, thí cho người phàm,... một trăm vị Bích-chi-phật ở cõi Diêm-phù-đề nhưng không bằng phước đức cúng dường cho Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, phước đức này là vô lượng.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy đã thực hành đại bố thí như vậy, bố thí cho người phàm phu,... một trăm vị Bích-chi-phật ở cõi Diêm-phù-đề nhưng không bằng việc tạo lập phòng xá để cúng dường cho bốn phương Tăng ở cõi Diêm-phù-đề cũng không bằng đem tâm ý thanh tịnh thọ Tam tự quy: Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng giữ giới, phước đức này nhiều hơn.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy đã thực hành đại bố thí như vậy, bố thí cho người phàm phu, cho đến... tạo lập phòng xá để cúng dường cho bốn phương Tăng ở cõi Diêm-phù-đề cũng không bằng đem tâm ý thanh tịnh thọ Tam tự quy: Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng giữ giới, phước đức này nhiều hơn.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy, thực hành sự đại bố thí ấy, bố thí cho người phàm phu ở cõi Diêm-phù-đề, cho

đến đem tâm ý thanh tịnh phụng hành ba tự quy: Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng giữ giới nhưng không bằng đối với tất cả chúng sanh cho đến loài trâu, bò trải lòng Từ dù chỉ trong khoảnh khắc, phước đức này nhiều hơn.

Này Cư sĩ, tuy Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy thực hành sự bố thí như vậy, đối với những người phàm phu ở cõi Diêm-phù-đê, cho đến tất cả chúng sanh thể hiện rõ hạnh Từ, kể cả thương yêu loài trâu, bò trong khoảnh khắc, nhưng không bằng đối với tất cả hành, tư duy, cho dù trong khoảng khắc, thấy chúng là vô thường, khổ, không, vô ngã, phước đức này nhiều hơn.

Này Cư sĩ, ý ông nghĩ sao? Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam ấy là ai khác chăng? Chớ có nghĩ như vậy. Vì ấy chính là Ta. Lúc ấy Ta là Bà-la-môn rất giàu có tên là Tỳ-lam.

Như vậy, này Cư sĩ, lúc ấy Ta tự làm lợi ích cho mình và làm lợi ích cho người khác, lợi ích cho nhiều người, thương xót thế gian, mong cầu ý nghĩa diệu lạc, an ổn cho trời và người. Ta thuyết pháp như vậy nhưng vẫn chưa rốt ráo, chưa rốt ráo về vô cấu, chưa rốt ráo về phạm hạnh, chưa rốt ráo về sự thành tựu phạm hạnh, vì vậy lúc ấy Ta chưa thoát khỏi sự sanh, già, bệnh, chết, ưu sầu không vui, cũng chưa thoát khỏi khổ đau.

Này Cư sĩ, nay Ta là Như Lai xuất hiện thế gian, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Vị Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thương Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, là Phật, Thế Tôn. Nay Ta tự làm lợi ích cho mình, cũng đem lại lợi ích cho người khác, vì lợi ích cho nhiều người, thương xót người thế gian, cầu nghĩa lý, sự diệu lạc, an ổn cho trời và người. Nay Ta thuyết pháp đến chỗ rốt ráo, rốt ráo về vô cấu, rốt ráo về phạm hạnh, rốt ráo về sự hành trì phạm hạnh. Nên nay Ta đã thoát khỏi mọi sự sanh, già, bệnh, chết, ưu sầu, khổ, bất lạc. Ta đã thoát khỏi mọi khổ đau.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, cư sĩ Tu-đạt nghe Đức Phật dạy xong, hoan hỷ vui mừng.



SỐ 74

## PHẬT NÓI KINH QUẢ BÁO BỐ THÍ CỦA TRƯỞNG GIẢ

*Hán dịch: Đời Tống, Đại Sư Pháp Thiên.*

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một vị Trưởng giả tên là Cấp cô độc, đi đến chỗ Đức Phật, cung kính đánh lễ nơi chân Phật rồi ngồi qua một bên.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

—Nếu như có người dùng các đồ ăn uống thượng diệu đúng như pháp bố thí, hoặc tự tay mình thí, hoặc thường xuyên thí, nhưng không đạt được phước đức to lớn. Vì sao? Do vì tâm người ấy mong cầu sự phú quý và diệu lạc.

Hoặc lại có người không vì mong cầu áo cơm, đồ ăn, sự giàu có, khoái lạc mà dùng đồ ăn uống thượng diệu đúng như pháp bố thí, sẽ được phước đức như giàu sang phú quý, cùng được hàng vợ con, tông tớ, nam nữ, quyền thuộc, hiếu thuận, phụng dưỡng. Ý ông nghĩ sao? Do người ấy đã vì các hữu tình mà hành bố thí.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

—Ở thời quá khứ xa xưa, có một trưởng giả giàu có thuộc chủng tộc Bà-la-môn tên là Di-la-ma, mở hội bố thí lớn: dùng tám vạn mâm bằng vàng chứa đầy vàng để bố thí. Lại lấy tám vạn mâm bằng bạc chứa đầy bạc để bố thí. Lại lấy tám vạn mâm bằng vàng chứa đầy bạc để bố thí. Lại lấy tám vạn mâm bằng bạc chứa đầy vàng để bố thí. Lại

dùng tám vạn mâm bằng đồng chứa đầy các thứ đồ ăn uống thượng diệu để bố thí. Lại lấy tám vạn con bò sữa để bố thí. Lại lấy tám vạn đồng nữ mặc y phục đẹp đẽ, trang điểm bằng các thứ ngọc anh lạc để bố thí. Lại dùng tám vạn giường nằm bằng vàng, giường nằm bằng bạc, giường bằng ngà voi, giường bằng gỗ, đặt lên các thứ đệm, chiếu quý giá để bố thí. Lại dùng tám vạn chiếc xe, xe chở đồ, xe thường, trải lênh trên bằng giạ trắng và y Kiều-thi-ca, trang hoàng các thứ dùng để bố thí.

**Đức Phật bảo Trưởng giả:**

–Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, phước báo đạt được lần này hơn phước báo trước. Ý ông nghĩ sao? Vì người này không rơi vào nẻo tà kiến.

**Đức Phật bảo Trưởng giả:**

–Bà-la-môn Di-la-ma ấy thực hành bố thí như vậy nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến, sẽ được phước báo hơn phước báo trước.

**Đức Phật bảo Trưởng giả:**

–Bà-la-môn Di-la-ma ấy thực hành bố thí như vậy nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-dà-hoàn, sẽ được phước báo hơn phước báo trước.

**Đức Phật bảo Trưởng giả:**

–Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-dà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-dà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-dà-hoàn, sẽ được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

**Đức Phật bảo Trưởng giả:**

—Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-dà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-dà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-dà-hoàn, cúng dường cho một trăm vị Tu-dà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, sẽ được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

**Đức Phật bảo Trưởng giả:**

—Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-dà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-dà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-dà-hoàn, cúng dường cho một trăm vị Tu-dà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, cúng dường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm, sẽ được phước báo nhiều hơn phước báo trước.

**Đức Phật bảo Trưởng giả:**

—Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-dà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-dà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-dà-hoàn, cúng dường cho một trăm vị Tu-dà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, cúng dường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm, cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán, sẽ được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

**Đức Phật bảo Trưởng giả:**

—Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không

bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, cúng dường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm, cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán, cúng dường cho một vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một trăm vị A-la-hán, sē được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

—Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, cúng dường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm, cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán, cúng dường cho một vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một trăm vị A-la-hán, cúng dường cho một vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một vị Duyên giác, sē được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

—Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng

dường cho một vị A-na-hàm, cúng đường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng đường cho một trăm vị A-na-hàm, cúng đường cho một trăm vị A-na-hàm không bằng cúng đường cho một vị A-la-hán, cúng đường cho một vị A-la-hán không bằng cúng đường cho một trăm vị A-la-hán, cúng đường cho một trăm vị A-la-hán không bằng cúng đường cho một vị Duyên giác, cúng đường cho một vị Duyên giác không bằng cúng đường cho một trăm vị Duyên giác, sẽ được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng đường cho một người có chánh kiến, cúng đường cho một người có chánh kiến không bằng cúng đường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng đường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng đường cho một vị Tu-dà-hoàn, cúng đường cho một vị Tu-dà-hoàn không bằng cúng đường cho một trăm vị Tu-dà-hoàn, cúng đường cho một trăm vị Tu-dà-hoàn không bằng cúng đường cho một vị A-na-hàm, cúng đường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng đường cho một trăm vị A-na-hàm, cúng đường cho một trăm vị A-na-hàm không bằng cúng đường cho một vị A-la-hán, cúng đường cho một vị A-la-hán không bằng cúng đường cho một trăm vị A-la-hán, cúng đường cho một trăm vị A-la-hán không bằng cúng đường cho một vị Duyên giác, cúng đường cho một vị Duyên giác không bằng cúng đường cho một trăm vị Duyên giác, cúng đường cho một trăm vị Duyên giác không bằng cúng đường cho một Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác, sẽ được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng đường cho một người có chánh kiến, cúng đường cho một người có chánh kiến không bằng cúng đường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng đường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng đường cho một vị Tu-dà-hoàn, cúng đường cho một vị Tu-dà-hoàn không bằng cúng đường cho một trăm vị Tu-dà-hoàn, cúng đường cho một trăm vị Tu-dà-hoàn không bằng cúng đường cho một vị A-na-hàm, cúng đường cho một vị A-na-

hàm không bằng cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm, cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán, cúng dường cho một vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một trăm vị A-la-hán, cúng dường cho một trăm vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một vị Duyên giác, cúng dường cho một vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một trăm vị Duyên giác, cúng dường cho một trăm vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác, cúng dường cho Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác không bằng cúng dường cho Đức Phật và chúng Đại Bí-sô tùy tùng của Đức Phật, sẽ được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-dà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-dà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-dà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, cúng dường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm, cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán, cúng dường cho một vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một trăm vị A-la-hán, cúng dường cho một trăm vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một vị Duyên giác, cúng dường cho một vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một trăm vị Duyên giác, cúng dường cho một trăm vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác, cúng dường cho Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác không bằng cúng dường cho Đức Phật và chúng Đại Bí-sô tùy tùng của Đức Phật, cúng dường cho Đức Phật và chúng Đại Bí-sô tùy tùng của Đức Phật không bằng cúng dường cơm cho tất cả chư Tăng ôm bát khất thực của bốn phương, sẽ được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không

bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-dà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-dà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-dà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, cúng dường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm, cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán, cúng dường cho một vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một trăm vị A-la-hán, cúng dường cho một trăm vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một vị Duyên giác, cúng dường cho một vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một trăm vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một trăm vị Duyên giác, cúng dường cho một trăm vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác, cúng dường cho Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác không bằng cúng dường cho Đức Phật và chúng Đại Bí-sô tùy tùng của Đức Phật, cúng dường cho Đức Phật và chúng Đại Bí-sô tùy tùng của Đức Phật không bằng cúng dường cơm cho tất cả chư Tăng ôm bát khất thực của bốn phương, cúng dường cơm cho tất cả chư Tăng ôm bát khất thực của bốn phương không bằng cúng dường những khu vườn rừng cho tất cả chư Tăng ở bốn phương, sẽ được phước báo thù thắng hơn trước.

**Đức Phật bảo Trưởng giả:**

—Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-dà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-dà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-dà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, cúng dường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm, cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán, cúng dường cho một vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một trăm vị A-la-hán,

vị Duyên giác, cúng dường cho một vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một trăm vị Duyên giác, cúng dường cho một trăm vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác, cúng dường cho Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác không bằng cúng dường cho Đức Phật và chúng Đại Bí-sô tùy tùng của Đức Phật, cúng dường cho Đức Phật và chúng Đại Bí-sô tùy tùng của Đức Phật không bằng cúng dường cơm cho tất cả chư Tăng ôm bát khất thực của bốn phương, cúng dường cơm cho tất cả chư Tăng ôm bát khất thực của bốn phương không bằng cúng dường các khu vườn rừng cho tất cả chư Tăng ở bốn phương, cúng dường các khu vườn rừng cho tất cả chư Tăng ở bốn phương không bằng cúng dường tinh xá cho tất cả chư Tăng ở bốn phương, sẽ được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

—Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-dà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-dà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-dà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm, cúng dường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm, cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán, cúng dường cho một vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một trăm vị A-la-hán, cúng dường cho một trăm vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một vị Duyên giác, cúng dường cho một vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một trăm vị Duyên giác, cúng dường cho một trăm vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác, cúng dường cho Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác không bằng cúng dường cho Đức Phật và chúng Đại Bí-sô tùy tùng của Đức Phật, cúng dường cho Đức Phật và chúng Đại Bí-sô tùy tùng của Đức Phật không bằng cúng dường cơm cho tất cả chư Tăng ôm bát khất thực của bốn phương, cúng dường cơm cho tất cả chư Tăng ôm bát khất thực của bốn phương không

bằng cúng dường các khu vườn rừng cho tất cả chư Tăng ở bốn phương, cúng dường các khu vườn rừng cho tất cả chư Tăng ở bốn phương không bằng cúng dường tinh xá cho tất cả chư Tăng ở bốn phương, cúng dường tinh xá cho tất cả chư Tăng ở bốn phương không bằng suốt đời chí tâm quy y Phật, Pháp, Tăng, sẽ được phước báo thù thắng hơn phước báo trước.

**Đức Phật bảo Trưởng giả:**

—Bà-la-môn Di-la-ma thực hành bố thí như vậy, nhưng không bằng có người dùng đồ ăn uống cúng dường cho một người có chánh kiến, cúng dường cho một người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một trăm người có chánh kiến. Cúng dường cho một trăm người có chánh kiến không bằng cúng dường cho một vị Tu-dà-hoàn, cúng dường cho một vị Tu-dà-hoàn không bằng cúng dường cho một trăm vị Tu-dà-hoàn, cúng dường cho một trăm vị Tu-dà-hoàn không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm, cúng dường cho một vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm, cúng dường cho một trăm vị A-na-hàm không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán, cúng dường cho một vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một trăm vị A-la-hán, cúng dường cho một trăm vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một vị Duyên giác, cúng dường cho một vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một trăm vị Duyên giác, cúng dường cho một trăm vị Duyên giác không bằng cúng dường cho một Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác, cúng dường cho Đức Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác không bằng cúng dường cho Đức Phật và chúng Đại Bí-sô tùy tùng của Đức Phật, cúng dường cho Đức Phật và chúng Đại Bí-sô tùy tùng của Đức Phật không bằng cúng dường cơm cho tất cả chư Tăng ôm bát khất thực của bốn phương, cúng dường cơm cho tất cả chư Tăng ôm bát khất thực của bốn phương không bằng cúng dường các khu vườn rừng cho tất cả chư Tăng ở bốn phương, cúng dường các khu vườn rừng cho tất cả chư Tăng ở bốn phương không bằng cúng dường tinh xá cho tất cả chư Tăng ở bốn phương, cúng dường tinh xá cho tất cả chư Tăng ở bốn phương không bằng suốt đời chí tâm quy y Phật, Pháp, Tăng; suốt đời chí tâm quy y Phật, Pháp, Tăng không bằng suốt đời không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối, không uống rượu. Suốt đời không

sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối, không uống rượu không bằng có người đối với mười phương thế giới cùng khắp mọi nơi chốn thực hành tâm đại từ làm lợi lạc cho chúng sanh, với tâm vô tướng lià mọi phân biệt, do đó được phước báo thù thăng hơn phước báo trước.

Bấy giờ Đức Tôn giảng nói như trên xong, bảo Trưởng giả:

–Bà-la-môn Di-la-ma ngày xưa thực hành hội bố thí to lớn ấy đâu có phải là các Sa-môn, Bà-la-môn nào khác mà chính là thân Ta đây.

Khi ấy trưởng giả Cấp Cô Độc nghe Đức Phật thuyết giảng như vậy xong, dứt bỏ được kiến chấp về ngã, kiến chấp về con người, kiến chấp về chúng sanh và kiến chấp về thọ mạng. Xa lià các tưởng mê hoặc, ngộ được pháp nhẫn tịch diệt.

□

SỐ 75

## PHẬT THUYẾT KINH HỌC CHO LÃO BÀ-LA-MÔN Ở VƯỜN HOÀNG TRÚC

*Hán dịch: Mất tên người dịch,*

*nay phụ vào dịch phẩm đời Lưu Tống.*

Nghe như vậy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại vườn Hoàng trúc Tỳ-lan-nhã. Bấy giờ có một vị Bà-la-môn xứ Tỳ-lan-nhã tuổi cao, là bậc trưởng thượng, thọ mạng gần mãn, đã được một trăm hai mươi tuổi, tay chống gậy, lúc xế trưa thong thả tản bộ đi đến chỗ Đức Thế Tôn, chào hỏi, thăm viếng, đứng qua một bên, bạch Đức Thế Tôn:

—Này Cù-dàm, tôi nghe Sa-môn Cù-dàm tuổi còn trẻ cũng mới tu học, thế mà nếu có Đại Sa-môn, Bà-la-môn nào đích thân đến vẫn không tùy thời cung kính, cũng không đứng dậy, không mời các vị ấy ngồi. Nay Cù-dàm, việc ấy tôi không thể chấp nhận được.

Đức Thế Tôn đáp:

—Này Bà-la-môn, Ta chưa từng thấy chư Thiên và thế gian, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, chúng trời, người đi đến mà khiến cho Như Lai cung kính, từ tòa đứng dậy mời các vị ấy ngồi. Nay Bà-la-môn, đó là nếu Đức Như Lai cung kính, từ tòa đứng dậy thì đầu của người ấy sẽ bể thành bảy mảnh.

Bà-la-môn nói:

—Này Sa-môn Cù-dàm, đó chỉ là sự coi thường, kiêu mạn.

—Này Bà-la-môn, có trường hợp khiến cho Ta có sự coi thường nhưng không phải như lời ông nói. Nay Bà-la-môn, nếu có những sự

tham đắm đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, thì những thứ ấy Như Lai đã dứt sạch, đã biết, đoạn trừ tận gốc rễ, không còn sanh ra sự khổng bố ở tương lai nữa. Nay Bà-la-môn, đó là điều khiến Ta có sự coi thường nhưng không phải như lời ông nói.

Bà-la-môn lại nói:

–Sa-môn Cù-đàm không có sợ hãi chăng?

Đức Thế Tôn đáp:

–Nay Bà-la-môn, lại có trường hợp khiến Ta không có sợ hãi, nhưng không phải như lời ông nói. Đó là nếu có sự sợ hãi về sắc, sợ hãi về thanh, sợ hãi về hương, sợ hãi về vị, sợ hãi về xúc, thì những thứ ấy Như Lai đã dứt sạch, đã biết đoạn trừ tận gốc rễ, không còn sanh ra sự sợ hãi ở vị lai nữa. Nay Bà-la-môn, có trường hợp như thế khiến Ta không có sợ hãi, nhưng không phải như lời ông nói.

Bà-la-môn lại nói:

–Sa-môn Cù-đàm không đầu thai nữa chăng?

Đức Thế Tôn đáp:

–Nay Bà-la-môn, có trường hợp khiến Ta không đầu thai, nhưng không phải như lời ông nói. Nay Bà-la-môn, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn phải đầu thai trở lại thì Ta đã dứt hẳn, đã biết đoạn trừ tận gốc rễ, không còn sanh ra sự sợ hãi ở vị lai, thì Ta nói là không còn đầu thai. Nay Bà-la-môn, Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác không còn đầu thai trở lại nữa. Ngài đã dứt hẳn, đã biết đoạn trừ tận gốc rễ, không còn sanh ra sự sợ hãi ở vị lai, không đầu thai nữa. Nay Bà-la-môn, đó là có trường hợp khiến Ta không đầu thai nữa, nhưng không phải như lời ông nói.

Lại nữa, nay Bà-la-môn, ở trong cõi đời có sự ngu si tham đắm, sự ngu si bị che lấp trói buộc, Ta là người đầu tiên phân biệt các pháp. Đối với chúng sanh, Ta là bậc nhất. Nay Bà-la-môn, giống như con gà mái đẻ trứng, hoặc mười hoặc hai mươi trứng, nó tùy thời, đúng thời ấp trứng, đúng thời, tùy thời chuyển động che chở. Nếu con gà mái ấy có đi đâu, các gà con ở trong trứng dùng mỏ, dùng chân mổ và chơi, phá vỡ trứng chui ra an ổn; đó là những con gà con bậc nhất. Cũng vậy, nay Bà-la-môn, con người bị ngu si trói chặt, bị ngu che lấp, Ta là người đầu tiên phân biệt các pháp. Đối với các chúng sanh ấy, Ta là bậc nhất.

Này Bà-la-môn, Ta ôm cỏ khô đi đến bên gốc cây đạo tràng, đến nơi, rải cỏ xuống nơi gốc cây, trải Ni-sư-dàn ngồi kiết già, quyết không đứng dậy, cho đến khi dứt sạch hữu lậu. Ngày Bà-la-môn, Ta không đứng dậy, cho đến khi dứt hết hữu lậu. Ngày Bà-la-môn, Ta đã giải thoát đâm dục, giải thoát các pháp ác bất thiện, tự giác, tự hành, được ái hỷ, đạt được Sơ thiền, thành tựu an trụ. Ngày Bà-la-môn, bấy giờ Ta đạt được pháp tư duy thứ nhất, thấy pháp, trụ nơi an lạc, có lạc hạnh, không mất sự an trụ yên ổn để tiến tới Niết-bàn.

Này Bà-la-môn, sau khi Ta chấm dứt tự giác hành, bên trong có niệm hỷ, ý được chuyên nhất, không giác không quán, có sự hoan hỷ do định sanh, đạt đến Nhị thiền, chánh thọ an trụ. Ngày Bà-la-môn, bấy giờ Ta được pháp tư duy thứ hai, thấy pháp, trụ nơi an lạc, lạc hạnh, không mất sự an ổn để tiến tới Niết-bàn.

Này Bà-la-môn, Ta không tham đắm ái hỷ, luôn giữ gìn tâm ý, nhớ nghĩ, thân được an lạc, đó gọi là điều Thánh quán, điều Thánh hộ niệm, trú trong an lạc, đạt đến Tam thiền, thành tựu an trụ chánh thọ. Ngày Bà-la-môn, bấy giờ Ta được tư duy thứ ba, thấy pháp, trụ nơi an lạc, lạc hạnh, không mất sự an ổn, tiến tới Niết-bàn.

Này Bà-la-môn, Ta diệt lạc, diệt khổ, bỏ sự hoan hỷ, diệt ái ở trước, không khổ không lạc, giữ ý thanh tịnh, đạt được Tứ thiền, an trụ chánh thọ. Ngày Bà-la-môn, lúc đó Ta đạt được tư duy thứ tư, thấy pháp, trụ nơi an lạc, lạc hạnh, không mất sự an ổn, tiến tới Niết-bàn.

Này Bà-la-môn, nhờ tam-muội ấy, ý Ta thanh tịnh, trong lành, không còn bị ràng buộc, trừ các kết sử, thuận hợp, thường trụ, không biến đổi nhờ Túc mạng trí đã chứng đắc để tự chế ngự ý. Ngày Bà-la-môn, Ta nhớ lại vô lượng đời trước đã qua, hành động và lời nói như thế nào. Nghĩa là Ta nhớ lại một lần sanh, hai lần sanh, trăm lần sanh, ngàn lần sanh, hoặc một kiếp, nửa kiếp, vô lượng kiếp, các chúng kia tên này, họ này, tánh tình như vậy, ăn uống như vậy, khổ vui như vậy, thọ mạng dài, ngắn, chết ở đây sanh ở kia, chết ở kia sanh ở đây. Tại đó Ta tên này, họ này, ăn món ăn như vậy, thọ mạng dài ngắn như vậy. Ngày Bà-la-môn, ngay lúc đó vào khoảng nửa đêm, Ta chứng Thánh trí minh đạt thứ nhất. Nhờ không phóng dật, nên được đắc định, nghĩa là vô tri diệt và trí phát sanh. Tối tăm tiều trừ,

ánh sáng xuất hiện, vô minh chấm dứt và minh phát sanh. Đó là Ta chứng đắc trí Túc mạng minh.

Lại nữa, này Bà-la-môn, nhờ vào tam-muội, ý thanh tịnh, trong lành, không còn bị trói buộc, trừ các kết sử, thuận hợp, thường trụ, không biến đổi, chứng đắc Thiên nhãnh trí, tự chế ngự ý. Nay Bà-la-môn, Ta nhờ vào Thiên nhãnh thanh tịnh, thấy xa hơn người thường. Ta thấy chúng sanh lúc sanh, lúc tử, tốt đẹp xấu xí, hoặc sanh đến chỗ thiện hay chỗ ác, tùy theo nghiệp chúng sanh đã tạo. Ta biết đúng như thật rằng: Chúng sanh này với thân làm ác, miệng làm ác và ý nghĩ ác, phỉ báng bậc Thánh, theo tà kiến, do nhân đó duyên đó, kẻ ấy khi thân hoại mạng chung phải đến chốn ác, sanh trong địa ngục. Nếu chúng sanh nào thân làm việc thiện, miệng nói điều thiện và ý nghĩ điều thiện, có tín, có hạnh thiện, chánh kiến, cùng tương ứng với chánh kiến, do nhân đó duyên đó, khi thân hoại mạng chung được đến chốn thiện, sanh lên cõi trời. Nay Bà-la-môn, lúc đó vào khoảng nửa đêm, Ta chứng trí minh đạt thứ hai này. Nhờ không phóng dật, nay được định hạnh, nghĩa là vô trí diệt và trí phát sanh, mê ám tiêu tan và ánh sáng thành tựu, vô minh chấm dứt và minh phát sanh. Đó là Ta chứng đắc Trí Thiên nhãnh minh.

Này Bà-la-môn, Ta nhờ tam-muội này, ý được thanh tịnh, trong sáng, không còn bị trói buộc, trừ các kết sử, thực hành thuận hợp, thường trụ, không biến đổi, chứng được trí hữu lậu tận, tự chế ngự ý. Nay Bà-la-môn, Ta biết như thật rằng: “Đây là khổ”, biết như thật rằng: “Đây là nguyên nhân của khổ”, “Sự diệt trừ khổ”, “Con đường tu tập để diệt trừ khổ”. Biết như thật rằng: “Đây là hữu lậu”, biết như thật rằng: “Đây là nguyên nhân của hữu lậu”, “Sự diệt trừ hữu lậu”, và “Con đường tu tập để diệt trừ hữu lậu”. Ta biết như thế, thấy như thế, tâm giải thoát khỏi dục lậu, tâm giải thoát khỏi hữu lậu và si lậu. Sau khi giải thoát thì biết mình đã giải thoát, biết như thật rằng: “Sự sanh đã chấm dứt, phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã làm xong, biết rõ danh sắc đời trước”. Nay Bà-la-môn, bấy giờ vào đêm đó Ta chứng được ba Minh. Nhờ không phóng dật nên nay được định hạnh, vô trí diệt và trí phát sanh, vô minh dứt và minh xuất hiện. Nghĩa là Ta chứng đắc thông tỏ, đạt Hữu lậu tận trí.

Lại nữa, này Bà-la-môn, đó là nếu có ai thuyết giảng về sự dứt

trừ ngu si, đối với chúng sanh sanh ra nơi thế gian, ở giữa tất cả chúng sanh vị ấy là tối thắng, thoát ly khỏi khổ, lạc. Này Bà-la-môn, nên biết rằng; vị thuyết giảng chân chánh ấy là Ta.. Vì sao, này Bà-la-môn, Ta là người dứt trừ ngu si, xuất hiện ở thế gian, đối với chúng sanh trên thế gian này Ta là tối thắng, không bị khổ lạc chi phối.

Bấy giờ vị Bà-la-môn xứ Tỳ-lan-nhã liền bỏ gậy xuống đất, cúi đầu lạy nơi chân Đức Thế Tôn, ở trước Đức Thế Tôn, tán thán:

–Thế Tôn là tối thắng, Thế Tôn là tối diệu, Thế Tôn là tối vi diệu, Thế Tôn là không ai bằng, không ai sánh bằng Thế Tôn. Thế Tôn lìa hết mọi tai họa, không sân hận với người, trời. Bạch Thế Tôn, nay con tự quy y Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Mong Đức Thế Tôn ngày hôm nay nhận con làm Ưu-bà-tắc, bắt đầu từ hôm nay cho đến trọn đời con xin xa lìa sát sanh..: ngày hôm nay con xin tự quy y.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, vị Bà-la-môn xứ Tỳ-lan-nhã sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ vui mừng.



## SỐ 76

## PHẬT NÓI KINH PHẠM-MA-DU

*Hán dịch: Đời Ngô, Uu-bà-tắc Chi Khiêm, người nước Nhục chi.*

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật cùng với năm trăm vị Sa-môn du hành tại nước Tùy-đè. Bấy giờ có vị Thệ tâm (*Phạm chí*) tên là Phạm-ma-du, người nước Di-di (*Di-tát-la*), là bậc trưởng thượng, đã một trăm hai mươi tuổi, rộng thông các kinh, biết xa thiên văn, bói toán là bậc thầy dự biết mọi việc. Phạm-ma-du nghe đồn Đức Phật là con vua, sanh trong dòng họ Thích, bỏ sự cao sang, vinh hiển trong nước, làm Sa-môn, đã đắc đạo, thanh tịnh, chí tôn, cùng với năm trăm Sa-môn đang ở nước Tùy-đè giáo hóa dẫn dắt chúng sanh. Phạm-ma-du hết lời tán thán:

–Sa-môn Cù-đàm là Bậc Thánh cao tột, là Đức Như Lai, Ứng Nghi, Chánh Chân, Giác Đạo, Thần Thông, Dī Túc Trượng Phu, Tôn Hùng, Pháp Ngự, Chúng Thánh, Thiên Nhân Sư. Vị ấy đã trừ hết mọi cầu uế, nỗi tâm ý đã dứt hết các điều ác, được tự giác, không điều gì là không biết. Vị ấy ở giữa các hàng Sa-môn, Thệ tâm, Thích, Phạm, Rồng, Quỷ vì họ thuyết pháp, phần đầu, phần giữa và phần cuối đều thanh tịnh, vi diệu, cao xa, các Thánh đều nghe danh.

Phạm-ma-du giảng rộng cho đám môn đồ một cách rõ ràng:

–Đức Phật là Bậc Vô Thượng Chánh Giác, là vua của các Thánh, chúng ta nên cung kính đánh lễ và mong được giáo hóa.

Đệ tử của vị Thệ tâm là bậc Á thánh, tên là Ma-nạp, cũng rộng hiểu kinh điển, thông tỏ như thầy, có thể xem đủ các lời sấm bí mật để

biết sự việc sẽ xảy ra, biết thân Phật có ba mươi hai tướng đặc thù, là Bậc Chí Tôn không gì sánh kịp, tâm ý thông suốt tỏa sáng. Vị thầy bảo Ma-nạp:

—Ta nghe Cù-dàm là Bậc Thánh Trí Vô Thượng, chư Thiên cùng tôn thờ, nói một mình, bước một mình, bậc hùng trong các Thánh. Vậy ngươi hãy đến xem thử oai nghi biểu lộ của Ngài có đúng là bậc mô phạm cho mọi người như người ta đã tán thán chăng? Nếu ngươi nhận thấy quả đúng như vậy, ta sẽ đến cúi lạy, tôn thờ.

Ma-nạp hỏi:

—Con nên lấy gì để quan sát?

Vị thầy đáp:

—Trong kinh há lại không nói sao? Rằng ở đời sau có một vị vua tên là Bạch Tịnh, hoàng hậu tên là Thanh Diệu, đầy đủ đức sáng sanh ra người con Thánh, là vị trời giữa trời, độc tôn trong thiên hạ, thân sắc cao một trượng sáu, có ba mươi hai tướng tốt. Nếu làm vua sẽ là vị Phi hành Hoàng đế (*Chuyển luân Thánh vương*), nếu xuất gia học đạo làm Sa-môn, chắc chắn sẽ thành Phật.

Ma-nạp vâng lời, đánh lễ nơi chân thầy, đến nước Tùy-đè, liền tới chỗ Đức Phật vái chào đúng pháp rồi, lui qua một bên ngồi xuống, lắng lòng quan sát kỹ tướng tốt trên thân của Đức Phật, nhưng không thấy hai tướng: 1. Tướng lưỡi rộng dài; 2. Tướng âm mĩ tàng; nên trong ý nghi ngờ.

Đức Phật biết tâm của Ma-nạp có điều nghi ngờ, liền dùng thần túc hiện tướng âm mĩ tàng và tướng lưỡi rộng dài che luôn cả mặt, chạm tới mép tai bên trái, bên phải, rồi thu lưỡi vào miệng trở lại. Phật lại phóng ra năm sắc hào quang bảy quanh thân Ngài ba vòng rồi biến mất vào nơi đánh đầu.

Lúc ấy, trong tâm Ma-nạp rung động, vừa mừng vừa sợ, sung sướng tán thán:

—Sa-môn Cù-dàm đích thực là Đức Phật, có hảo tướng quang minh đầy đủ, thật là hi hữu trong thế gian, thật đáng để gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Bậc Chánh Giác. Ta nên kính trọng theo Ngài để học oai nghi, để hóa giải sự ngu lầm và thưa lại với thầy ta.

Ma-nạp liền tìm đến chỗ Đức Thế Tôn thiền định, nơi Ngài thường xuyên giáo hóa để cứu vớt chúng sanh. Ma-nạp hoắc nghỉ,

hoặc đi đều theo Tăng chúng, chưa bao giờ ở một mình. Sáu tháng trôi qua, Ma-nạp theo Phật như bóng theo hình, đã xem đủ đức thần hóa tột vời của Đức Phật, liền cúi lạy nơi chân Đức Phật, cáo từ trở về bốn xứ. Khi đến chỗ thầy mình, Ma-nạp cúi lạy như trước, rồi ngồi xuống tòa.

Thầy hỏi:

–Thầy bảo con đi quán sát oai nghi của Bậc Thiên Tôn Cù-dàm, về tướng tốt, thần hóa có đúng như mọi người tán dương? Không ngoa chăng? Nếu đúng như vậy ta sẽ đến đánh lễ nơi chân Ngài để tỏ lòng cung kính.

Ma-nạp thưa:

–Đức Phật có tướng tốt, thần đức hơn cả trời, voi voi khó nêu bày hết được. Dù cho Đế Thích hay Phạm Thiên cũng không thể sánh kịp. Các Thánh cũng không thể lượng tính nổi, các bậc Hiền xứng tán dù đến ức năm cũng không được một phần của Ngài, huống chi trí tuệ chỉ như ánh sáng đom đóm của con mà xứng tán sao hết được. Con chỉ nói một cách tóm lược về ba mươi hai tướng hơn trời của Đức Phật mà thôi. Đó là:

1. Sa-môn Cù-dàm có tướng lòng bàn chân bằng phẳng.
2. Tướng lòng bàn tay và lòng bàn chân của Ngài có hình bánh xe, bánh xe có một ngàn căm.
3. Tướng xương của Ngài đóng kín lại như móc câu.
4. Tướng ngón tay, ngón chân dài.
5. Tướng gót chân đầy.
6. Tướng tay chân mềm mại, lòng bàn tay có thể nắm ngược ra ngoài.
7. Tướng bàn tay, bàn chân của Ngài đều có màn lưới.
8. Đầu của Ngài như tướng đầu hươu chúa.
9. Có tướng âm mã tàng.
10. Tướng sắc thân Ngài có màu vàng tía, sáng láng rực rỡ.
11. Tướng thân Ngài giống như kim cương, tuyệt đối không có chút bẩn.
12. Tướng da thịt mềm mại, bụi nước không thể dính vào thân được.
13. Tướng mỗi lỗ chân lông đều mọc một sợi lông.

14. Tướng lông có màu xanh biếc, xoắn theo phía phải.
15. Tướng thân vuông vức.
16. Tướng phần trên thân như thân sư tử.
17. Tướng thân không khòm, thân như thân của Phạm thiên.
18. Tướng hai vai liên tiếp qua cổ đầy đặn.
19. Tướng khi đứng thẳng, hai tay sờ tới gối.
20. Tướng cầm như cầm sư tử.
21. Tướng có bốn mươi cái răng.
22. Tướng răng vuông vức.
23. Tướng răng đều đặn.
24. Tướng răng trắng trong, không ai sánh bằng.
25. Tướng lưỡi rộng dài.
26. Tướng răng có mùi vị bậc nhất.
27. Tướng tiếng nói như tiếng trời Phạm thiên.
28. Tướng bảy chỗ trên thân (*hai bàn tay, hai bàn chân, hai vai và cổ*) đầy đặn.
29. Tướng trong mắt màu trắng có sắc xanh biếc.
30. Khóe mắt của Ngài trên và dưới đầy đặn như trâu chúa.
31. Tướng có một sợi lông trắng giữa hai hàng lông mày.
32. Tướng trên đảnh có nhục kế, rực rõ hơn cả mặt trời, mặt trăng.

Sa-môn Cù-đàm có đầy đủ ba mươi hai tướng cao nhã, không thiếu tướng nào. Hình dáng thần diệu tuyệt vời, rất đặc thù, quý giá, vốn hy hữu từ xưa. Con xem lúc Cù-đàm cất chân bước đi, cử chân phải bước lên trước, dài, ngắn, chậm hay mau đều hợp với oai nghi. Khi đi, hai gót chân không chạm vào nhau, thân ngay thẳng, hai vai không lay động. Nếu Ngài nhìn lui, không dùng sức, đứng ngay thẳng, bỗng nhiên quay ra sau mà thân không quay, đầu không cúi xuống, không ngược lên, chưa từng liếc ngó, oai nghi lúc bước đi là như vậy. Những lần Sa-môn Cù-đàm đi, chư Thiên dâng lộng báu, rải hoa xuống như tuyết rơi, Trời, Rồng, chim bay không dám bay lên trên. Chúng sanh trong ba cõi đều không thấy đảnh tướng của Ngài. Chư Thiên tấu nhạc đi theo để đưa. Long thần, Địa kỳ sửa đường ngay thẳng, không có cao thấp. Chân Ngài bước đi có in tướng bánh xe trên mặt đất, hào quang tỏa chiếu rực rỡ đến bảy ngày mới hết, cây rừng cúi đầu kính ngưỡng như người quỳ lạy đảnh lễ. Khi Ngài hành động luôn phù hợp

với sự cầu thỉnh. Xà nhà cao hay thấp Ngài vẫn để thân ngay thẳng mà vào, xà nhà không nâng cao thêm mà Cù-đàm vẫn không cúi thấp xuống. Lúc ngồi, Ngài ngồi giữa giường, không nhô tới trước cũng không lui về sau. Ngài chéo tay mà ngồi, không hề chỉ trỏ, không có chống cầm. Khi xuống giường không cần cong mình mà bỗng nhiên bước tới đất. Dù Thiên ma có mang chất độc dược tới hại, nhưng tâm Ngài vẫn không sợ hãi, mặt phát ra hào quang, độc kia tự giải. Lòng từ thương xót chúng sanh nên độc nào cũng tiêu. Ngài dùng bát lấy nước thì bát không nghiêng một bên, không hất cao lên, nước cũng không nhiều không ít. Lúc rửa bát, nước và bát đều vắng lặng, không có một tiếng chao động nhỏ. Ngài chưa bao giờ để bình bát dưới đất. Trong lúc rửa tay, tay và bát đều sạch. Lúc đổ nước trong bát ra hoặc cao, thấp xa gần đều thích hợp với chỗ muốn đổ. Lấy bát để nhận cơm, cơm không làm dơ bát. Khi đưa cơm vào miệng, nhai cơm, ba lần đưa cơm quanh miệng mới nuốt. Hạt cơm lúc Ngài ăn đều nát, không dính ở kẽ răng, thức ăn có bao nhiêu mùi vị Ngài đều phân biệt biết hết. Ngài ăn vừa đủ để nuôi thân, không phải để vui sướng. Cù-đàm thọ thực là vì tám nhân duyên:

1. Không phải để vui chơi.
2. Tâm không có tà hạnh.
3. Chí muối vô dục.
4. Không có hành động xảo ngụy.
5. Xa lìa phiền não trong ba cõi.
6. Khiến tâm đạo vắng lặng, nương vào phước, được độ thoát, đoạn trừ sự thọ nhận của mười hai biển (*mười hai nhân duyên*).
7. Diệt trừ tội cũ để được đạo lực.
8. Giữ định Bất tưởng không tịch.

Rồi Ngài rửa bát như trước. Đối với pháp y, bình bát, ý Ngài không ghét bỏ cũng không tham đắm. Ngài vì người bố thí chú nguyện, thuyết kinh xong thì trở về tịnh xá, không nói với đệ tử là ăn ngon, ăn dở. Ngài ăn xong đồ ăn tự tiêu hóa, không có sự dơ bẩn của việc đại tiểu tiện. Khi vào phòng, luôn tĩnh lặng, tư duy sâu xa nơi các định, trong thời gian ngắn liền xuất định, chưa từng sai giờ. Ngày đêm không ngủ nhưng không bao giờ thiếu ngủ. Rộng giảng bày pháp rõ ràng để khuyên dạy, sách tấn đệ tử, khiến họ được nhập đạo. Không dùng tài

sắc là hạnh làm ô uế đạo để dạy cho các đệ tử. Ngài thuyết pháp sâu xa vi diệu, mà chẳng hề thấy nghe được ở các sách của Tiên thánh, khiến mọi người hứng khởi, thanh tịnh hành đạo. Lúc kinh hành, Ngài không quay đầu liếc ngó. Nếu lúc đắp y, tư thế y không lợi khỏi thân, bụi không dính vào thân. Pháp phục nơi thân Ngài cao thấp, lúc gấp lúc hoãn đều đẹp. Khi vào vườn rửa chân, không cần chà rửa mà chân tự sạch. Thân sắc Ngài rạng ngời giống như vàng ròng.

Ý Ngài không tham đắm nơi ái dục, tâm như hư không, lúc ngồi thiền định, tâm ý rõng lặng, dứt mọi tưởng chấp. Ba độc, bốn thống (thọ), năm ấm, sáu nhập, bảy sự trói buộc, tám sự tối tăm (bát mông), Ngài đều dùng trí tuệ vô thượng để tiêu diệt tất cả. Ngài dùng định: không, bất nguyện, vô tướng, đoạn trừ chín thần xứ, dùng mười thiện để tiêu trừ mười ác. Ngài nói mười hai bộ kinh là để nhổ sạch cội rễ của mười hai nhân duyên, sáu mươi hai tà kiến, các thứ tác hại của tà kiến, phiền não xấu ác, làm cho tâm niệm uế trước được hoàn toàn vắng lặng. Ngài dùng bốn tâm vô lượng Đại thừa để tự độ thân cao quý và cứu vớt chúng sanh, thuyết giảng về những giáo pháp làm khuôn mẫu lớn cho đời. Đệ tử chưa thưa hỏi mà Ngài đã tự cười, miệng phóng ra luồng ánh sáng bao quanh Ngài ba vòng rồi từ từ biến mất.

Tôn giả A-nan sửa lại y phục, cúi lạy thưa:

—Thuyết pháp có mấy loại tiếng?

Đức Phật liền đáp:

—Âm thanh lớn để thuyết pháp có tám loại: tiếng rất hay, tiếng dễ hiểu, tiếng dịu dàng, tiếng điều hòa, tiếng trí tuệ tôn kính, tiếng không nhầm lẫn, tiếng sâu xa vi diệu, tiếng không yếu ớt. Lời nói không rơi rớt, thiếu sót, không có lỗi lầm. Mỗi lần thuyết giảng kinh, rộng khắp hai mươi bốn cõi trời Phạm thiên, Đề Thích, Tứ thiên vương, mặt trời, mặt trăng, tinh tú, trong đó có chư thần, Đề vương, dân chúng, rồng, quỷ, thảy đều tụ hội, cung kính đánh lễ, nghe kinh. Âm thanh thuyết giảng kinh đều được các đối tượng lãnh hội, thông tỏ. Trí tuệ của Phật như biển rộng, ngàn sông vạn dòng đều chảy về. Sông suối ngòi lạch đều tràn trề mà nước nơi biển cả không hề tăng giảm. Trí tuệ sáng tỏ của Phật còn hơn cả biển rộng ấy. Chúng sanh thọ nhận sự chỉ dạy từ trí tuệ ấy đều được đầy đủ. Trí tuệ của Phật luôn thể hiện trọn vẹn, không chút thiếu sót, dù chỉ trong một khoảng cách nhỏ. Phật

thuyết giảng kinh xong, các bậc khai sī, chư Thiên, vua quan, dân chúng, rồng quỷ, không ai là không hân hoan, cúi lạy ra về, dốc sức phụng trì thực hành. Rồi Đức Phật đi vào phòng ngồi im lặng. Chưa từng thấy uy đức của Bậc Vô Thượng Thiên Tôn lại tỏ ra khinh mạn đối với đệ tử và các chúng sanh.

Con theo Đức Cù-đàm trong sáu tháng như bóng theo hình, quan sát đầy đủ lúc Ngài đi, ở, lúc kinh hành, lúc vào thất, tắm rửa, súc miệng, ăn uống chú nguyện, thuyết giảng kinh, lúc khuyến khích đệ tử, lúc thiền định...

Ma-nạp thưa:

–Cung cách, dáng dấp uy nghi của Cù-đàm là như vậy. Sự trình bày của con giống như một giọt nước trong biển cả, vì đây phải là chỗ tâm tưởng của các bậc Thánh có thể biết được, chẳng phải là chốn chư Thiên có thể đạt tới, đất trời không thể luận bàn được. Tột vời thay Bậc Vô Thượng. Mênh mông không biết đâu là bờ bến, không thể đo lường, tính toán, khó mà nói cho hết được.

Phạm-ma-du nghe đệ tử nói về đức độ của Đấng Thiên Sư, ngạc nhiên rơi nước mắt, nói:

–Tuổi của ta như mặt trời sắp lặn, thật chỉ sống uổng chết uổng mà không thấy được Bậc Trí Tuệ Vô Thượng, thầy của trời.

Phạm-ma-du nói tiếp:

–Ta nên đến gặp để thấy được Đức Phật, dù chết cũng vui sướng.

Rồi than thở:

–Người ngu tuy có tuổi thọ của đất trời nhưng nào khác gì đất đá!

Ông liền đứng lên, sửa lại y phục, năm vóc gieo xuống đất, cúi lạy ba lần, nói:

–Con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy mạng Thánh chúng. Mong cho những ngày tháng còn lại của đời mình được gần gũi chiêm ngưỡng, lễ bái Thế Tôn và mong được hóa độ.

Đức Phật dùng ánh sáng của sáu thứ thần thông thấy Phạm-ma-du tự quy y Phật, nên từ xa Ngài đã thọ nhận việc ấy.

Đức Phật từ nước Tùy-đề, đến nước Di-di, ngồi bên một gốc cây. Quốc vương, các quan, dân chúng, các hàng Thệ tâm, Lý gia dần dần truyền nhau:

–Sa-môn Cù-đàm xuất thân từ dòng họ Thích, con của vị đế

vương, ở tại Xa-lệ, nhưng nay đã tu phạm hạnh, tâm ý luôn giản dị, tịch tĩnh, không có sự ô uế của tham dâm, sự độc hại của giận dữ, sự tối tăm của ngu si, là Bậc Tối Thượng trong các bậc Thánh, giống như trong các ngôi sao có mặt trăng, thần đức rưới khắp, chư Thiên tôn kính, là Đức Như Lai, Ứng Nghi, Bậc Chánh Chân Giác, đã dứt hết mọi cầu uế, tối tăm, trí tuệ sáng ngời tỏa chiếu. Thần thánh tuy nhiều cũng không sánh kịp. Bậc ấy đứng giữa trời đất, mọi loài đối với những sự việc vi tế, ẩn giấu, sâu xa trong mười phương nơi hiện tại, hay những mầm mống chưa sanh ở vị lai, chẳng chuyện gì mà chẳng biết. Những lời hay đẹp của Phật giảng nói, chỉ dạy đều chân thật.

Quốc vương, quần thần, các hàng Thệ tâm, cao sĩ cùng nói:

—Sanh thời chúng ta phải được gặp Bậc Thiên Sư, Bậc Tôn quý, tối thượng, nên đến đảnh lễ để được thẩm nhuần sự giáo hóa thần diệu.

Do đó, họ cùng nhau tụ tập, xe ngựa, bộ hành tất cả cùng đến chỗ Phật, người thì cung kính đảnh lễ nơi chân Đức Phật, người thì quỳ xuống thi lễ đúng pháp, người thì tự nói lên tên họ mình, rồi đều ngồi xuống im lặng.

Phạm-ma-du nghe Đức Phật cùng Thánh chúng đồng đến nước Di-di, vô cùng vui mừng, bảo các đệ tử cùng đến chỗ Đức Phật. Vừa tới ven rừng, vị ấy bèn nghĩ:

—Trước hết, ta hãy bảo người đến nói lên tấm lòng chí thành của ta đối với Đức Phật. Nếu tự mình đi thẳng tới phải chẳng là không đúng pháp?

Ông liền bảo đệ tử:

—Ngươi hãy nhân danh ta, đến cúi lạy nơi chân Đức Phật, thưa: Thệ tâm (*Bà-la-môn*) Phạm-ma-du, đã một trăm hai mươi tuổi, khao khát được nghe lời dạy của Bậc Thánh, muốn được chiêm ngưỡng quy kính ngọn gió mát lành. Thưa Cù-dàm, thân thể có thường an lạc, tự tại, vô dục chẳng? Nay con đến xin yết kiến.

Người đệ tử đảnh lễ thầy, liền đến chỗ Đức Phật, cúi lạy xong, trình bày đầy đủ lời thỉnh cầu của thầy mình, rồi người ấy hướng về phía Đức Phật, tán thán thầy mình:

—Quốc sư Phạm-ma-du rộng biết các kinh, thông suốt hết những lời sấm ký bí mật, luôn ở yên nơi chốn thanh tịnh, dự biết về thiên văn,

sách bói toán, biết việc tốt, việc xấu, không gì là không tường. Nhưng vì ở đời này có Bậc Tôn Quý, Thầy của trời, thân cao một trượng sáu, da có màu vàng tía, có ba mươi hai tướng tốt, tâm mươi vẻ đẹp, là vị trời giữa trời, là vua trong các Thánh, cho nên nay thầy con đến quy mạng Tam Tôn, hiện đang đứng bên ngoài rừng cây, chưa dám vào, mong được ra mắt Thế Tôn để cung kính Ngài.

Đức Thế Tôn nói:

–Lành thay! Mời vào.

. Người đệ tử vâng lệnh trở ra, đem lời dạy rõ ràng của Đức Phật nói lại với thầy. Vị thầy liền cúi lạy dưới đất, rồi vui mừng bước vào. Các Thệ tâm, Trưởng giả, Lý gia ở trong nước đang có mặt ở đây, từ xa thấy thầy mình bước vào, nên cung kính vòng tay, cúi đầu. Phạm-ma-du nói với mọi người:

–Các ngươi hãy ngồi yên. Nay ta xin ngồi gần bên pháp ngự của Đức Thế Tôn Cù-dàm.

Ông liền lấy năm vóc gieo xuống đất, cúi lạy nơi chân Đức Phật, rồi cung kính ngồi xuống, im lặng lắng lòng nhìn kỹ tướng của Đức Phật, thấy ba mươi diệu tướng, có hai tướng không hiện, liền sanh nghi, cúi lạy dưới đất, dùng kệ hỏi Đức Phật:

*Trong kinh điển Phạm chí  
Sấm ghi điều quan trọng  
Vua Tịnh Phạn trị nước  
Hoàng hậu tên Thanh Diệu  
Thái tử tên Tất-đạt  
Thân sắc màu vàng ròng  
Thân có tướng Thiên tôn  
Nhẫn uế thành Pháp ngự  
Tướng Chánh chân Vô thượng  
Đủ ba hai tướng chăng?  
Âm mā tàng trinh khiết,  
Vô dục đặc biệt chăng?  
Đâu tướng luối rộng dài?  
Che mặt, chạm tới tai  
Thuyết pháp hơn các Thánh  
Phạm, Thích khó được nghe*

*Thầy dẫn đường trời, người  
Dứt hết các nghi ngờ  
Giữ đạo, sống an nhàn  
Đời sau thành Phật chẳng?  
Phật chứng đắc Nê-hoàn  
Xa lìa hẳn ba cõi  
Tâm, ý, thức, linh diệu  
Diệt các khổ được chẳng?*

Phạm chí đã bày tỏ điều nghi trong tâm mình. Đức Phật biết rõ trong tâm của Phạm chí nghi về hai tướng, liền dùng thần túc hiện tướng Âm mã tàng, rồi hiện tướng lưỡi rộng dài che khắp cả mặt, chấm đến hai bên mép tai. Hào quang trong miệng tỏa chiếu sáng cả nước Di-di, bay vòng quanh thân Ngài ba vòng rồi trở vào miệng. Đức Phật đáp:

–Điều ông hỏi về ba mươi hai tướng của bậc Đại sĩ, thân sắc của Ta đầy đủ tất cả, chẳng thiếu tướng nào. Từ vô số kiếp đến nay, Ta luôn tu tập hành hóa bốn Đẳng tâm, tu các pháp bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, cứu độ chúng sanh như tự giữ mình, dứt tham dục, niêm không, giữ định vô tướng, những cầu uế nơi tâm đã trừ sạch, không còn hiện hữu nữa. Từ khi tu tập hạnh ấy đến nay, các thứ tai ương đều dứt, vạn điều thiện chưa nhóm liền thành thân Phật, tướng tốt quang minh, đi một mình trong ba cõi, vĩnh viễn xa lìa sự ngu si tối tăm trong năm đường, được trí tuệ vô thượng, chí tôn, cho nên gọi là Phật. Nếu có sự độc hại của tham dâm, giận dữ, ngu si, sự tối tăm của năm ấm, sáu trần, dù nhỏ như sợi tơ sợi tóc còn sót lại ở tâm thì vẫn không thành tựu quả Phật. Chưa có người, vật nào bì kịp. Mọi tâm niệm của chúng sanh hiện tại hoặc từ phương nào đến, trong vô số kiếp chưa rõ, những sự lẩn giấu, sâu xa vi tế, nếu có điều nào không biết, thì đó chẳng phải là Phật. Bốn vô sở úy, tám tâm thịnh, mười lực, mười tám pháp bất cộng, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, nếu thiếu một pháp thì chẳng phải là Phật. Nay Ta đầy đủ, chẳng thiếu pháp nào, cho nên gọi là Phật. Sa-môn đã được đạo quả. Ứng nghi (*A-la-hán*), có thể phân một thân ra thành mười thân, mười thân thành trăm thân, trăm thân thành ngàn thân, ngàn thân thành vạn thân, vạn thân thành vô số thân; lại có thể hiệp vô số thân trở lại thành một thân. Lấy ngón chân

Ấn xuống mặt đất thì ba ngàn Đại thiên thế giới thấy đều chấn động: Nhờ tâm hành được định vô dục nên mới có khả năng như vậy, huống gì là Phật. Uy đức nơi một tướng lông mày của Phật, hằng sa sự việc có thể biết được uy đức của tướng nơi giữa lông mày ấy còn khó có thể trù tính, huống chi là uy đức nơi toàn thân Ngài?

Lại nói:

–Phạm chí tin Phật, quy y nơi Tam Tôn thì đời hiện tại được an ổn, lúc mạng chung được sanh lên cõi trời. Nếu trong tâm có điều nghi vấn thì thưa hỏi, đừng ngại khó khăn.

Phạm chí Phạm-ma-du suy nghĩ: “Những điều Sa-môn Cù-dàm nói ra đều sâu xa huyền diệu, ta chẳng còn gì để hỏi nữa”. Rồi nghĩ: “Nay ta nên hỏi việc đời hiện nay, hay việc đời sau?”. Trong ý ông lại nghĩ: “Những việc trọng yếu của ba đời, chỉ có Phật là biết rõ, đâu phải các hàng tiên, thánh, quần nhophil mà thông tỏ được”. Phạm chí thưa:

–Sao gọi là Thệ tâm? Sao gọi là Thông đạt? Sao gọi là Tịnh? Sao gọi là Tịch nhiên? Sao gọi là Phật?

Đức Phật đáp:

–Ta sẽ dùng lời chân thật để giải thích cho ông, hãy lắng lòng mà nghe: Người đạt được ba thân túc thì gọi là Thệ tâm. Biết rõ việc xưa, phân biệt nơi chốn sanh ra, dùng đạo nhãn nhìn xem núi đá, núi đá vẫn không ngăn che được, khai mở sự tối tăm, giải thích mọi nghi ngờ, thấu rõ sự việc của ba đời, gọi là Thông đạt. Do đạt được Lục thông, bao thứ cầu uế nơi tâm đã trừ sạch, gọi là Tịch nhiên. Đã diệt ba độc, tâm như vàng ròng gọi là Thanh tịnh. Gốc vô minh của sanh tử được diệt sạch hoàn toàn, đạo hạnh thanh tịnh rưới khắp ba cõi, các si mê đã tìm ra, chẳng có gì mà chẳng thấu tỏ, đạt được Nhất thiết trí, nên tôn hiệu là Phật.

Phạm chí vui mừng đứng dậy, rồi năm vóc gieo xuống đất, cung kính đảnh lễ nơi chân Đức Phật, dùng miệng hôn nơi chân rồi lấy tay xoa bên chân Đức Phật, lại tự xưng tên:

–Con là Thệ tâm Phạm-ma-du, nay xin quy mạng Đức Phật, quy mạng Pháp và quy mạng Tăng.

Ông rơi nước mắt, nói tiếp:

–Chúng sanh chúng con tăm tối vì bị sầu trăn che lấp, thấy Phật không thờ, thấy kinh không đọc, thấy Sa-môn không có tâm kính yêu,

không mong nhờ sự giáo hóa thần diệu nên mãi mãi lầm lạc.

Các môn đồ của Phạm chí thấy thầy của mình hết lòng quy kính như thế, nên nhìn nhau, nói:

– Tôn sư của chúng ta thấu triệt kinh điển, không sách nào là không xem, danh tiếng vang lừng bốn nước, các học sĩ đều tôn thờ, nay còn cúi mình, chấp tay đảnh lễ nơi chân Cù-dàm, huống chi là chúng ta!

Đức Phật bảo Phạm chí:

– Hãy lại ngồi xuống! Ta sẽ khai mở ánh sáng nơi tâm ông, để ông có trí tuệ tin tưởng chân chính, hướng tới Đức Như Lai.

Ông ta vâng lời, ngồi xuống. Đức Phật lại thuyết giảng về công đức của sự trì giới, phước báo của sự bố thí, sự liìa bỏ nẻo uế trước trói buộc của gia đình, khen ngợi hạnh cao tột của đạo giải thoát. Đức Phật biết Phạm chí là bậc Thượng sĩ, tâm luôn vui thích việc hiểu rộng. Đức Phật giảng nói cho ông nghe về chỗ trọng yếu của đạo giác ngộ: vạn mối khổ đau đều do thân mà ra, người có trí tuệ quán chiếu biết ấy là sự mê lầm, nên ngược dòng tìm gốc, đạt được cái gốc không, gọi là bậc Thượng sĩ trí tuệ sáng tỏ thấu đạt chân đế, chúng sanh không biết sự khổ nơi thân tâm rất nhiều, khổ là do Tập sanh, bậc Thượng sĩ biết như vậy, sự biết rõ ấy là chân đế, các pháp trong ba cõi như huyền, có hợp phải có ly, vậy cái gì thanh mà không suy? Nhân duyên hợp tức tai họa sanh, nhân duyên ly tức khổ diệt. Bậc Thượng sĩ quán sát ngay từ gốc mới biết nó vốn không. Sự biết rõ ấy là chân đế. Nhờ biết vốn không nên thông đạt các pháp nơi ba cõi. Tâm không, hạnh tịch, không mong cầu các dục, được định vô tưởng, trong tâm luôn giữ ba ngôi tôn quý là được.

Tâm Phạm chí khai mở, giống như tấm vải trắng phau, không chút cáu bẩn, đem nhuộm thành màu sắc. Tâm Phạm chí cũng vậy, đã nhiều kiếp thường tôn thờ chư Phật, gìn giữ giới thanh tịnh, nên nay nghe Đức Thế Tôn dạy, hiểu tất cả đạo pháp Giác ngộ Chánh chán Vô thượng. Tâm ô nhiễm diệt sạch, nhập vào ba cửa giải thoát, liìa hẳn các khổ. Ông lại bạch Phật:

– Lúc chưa thấy Đức Phật, con đã thực lòng đi theo nẻo sai lầm, bị mắt mù che lấp, tin người cuồng ngu, gọi đó là chân đế. Nay được gặp Phật, bệnh cuồng đã hết, cái thấy mù, cái nghe điếc, lời nói như

câm, thân như gù, người như ở nhà tù... Tất cả đã được thoát khỏi. Mãi làm kẻ khổ đau, ngu lầm, sống uổng chết uổng, không nếm được mùi vị chân chánh đạo của Bậc Thiên Tôn, cứ mãi ở trong cảnh lửa cháy, cuộc đời của con khổ đau biết bao! Nay may mắn được gặp Đức Phật, đã thuyết giảng cho con nghe về chỗ sâu xa của đạo giác ngộ, khiến con được trở về với gốc là hoàn toàn giải thoát. Từ nay về sau, con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tỳ-kheo Tăng, nguyện làm Thanh tín sĩ, giữ lòng nhân từ, không sát sanh, sống tri túc không trộm cắp, tâm ý trinh khiết không dâm, giữ chữ tín không nói dối, hết lòng hiếu thảo, không uống rượu say sưa. Xin Đức Thiên Tôn thương xót con! Sáng mai con thỉnh Ngài cùng Thánh chúng hạ cố thọ dụng bữa cơm đạm bạc của con cúng dường.

Đức Phật im lặng nhận lời.

Phạm chí hết lòng vui mừng, cúi lạy nơi chân Đức Phật, rồi trở về nhà, lo sửa soạn bữa cơm cúng dường đủ các món ngon vật lạ. Vào lúc hừng sáng, đi đến chỗ Đức Phật, đánh lễ, quỳ gối, cung kính bạch Đức Phật:

–Nay đã đúng thời, cúi mong Đức Thế Tôn hạ cố.

Đức Phật mặc pháp phục, cùng Thánh chúng đồng đến nhà Phạm chí, tất cả đều ngồi xuống pháp tòa. Phạm chí tự tay múc nước rửa, hết lòng cung kính cúng dường. Như vậy cho đến bảy ngày.

Đức Phật thuyết pháp, giáo hóa, chỉ dẫn cho ông nghe xong, rồi Ngài cùng Thánh chúng trở về nước Tùy-đê. Sau đó không bao lâu thì Phạm chí mạng chung. Các Tỳ-kheo nghe như vậy, cùng thưa với Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn, Phạm chí này mạng chung sẽ sanh vào đâu?

Đức Thế Tôn bảo:

–Phạm chí này là bậc Thánh tâm hiếu rộng, sẽ được quả Bất hoàn, năm thứ phiền não ngăn che cái đã hết, thanh tịnh như vàng ròng, vị ấy ở đó được thanh tịnh, đắc quả Ưng chân đạt đến Vô vi.

Đức Phật nói kinh xong, các Tỳ-kheo đều vui mừng phụng hành.



SỐ 77

## PHẬT NÓI KINH TÔN THƯỢNG

*Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ,  
người nước Nhục chi.*

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Tôn giả Lô-da-cường-kỳ ở tại Thích-ky-sấu, trong hang A-luyện-nhã. Sáng sớm Tôn giả Lô-da-cường-kỳ thức dậy, ra khỏi hang động rồi đến chỗ đất trống để bày giường dây, trải tọa cụ xong ngồi kiết già.

Khi ấy có một vị trời hình sắc cực đẹp, vào lúc rạng đông đi đến chỗ Lô-da-cường-kỳ, cung kính đánh lễ nơi chân Tôn giả rồi đứng qua một bên. Do ánh sáng của vị trời ấy chiếu nên cả hang động đều được chiếu sáng. Vị trời ấy đứng qua một bên rồi bạch với Tôn giả Lô-da-cường-kỳ:

–Này Tỳ-kheo, này Tỳ-kheo! Tôn giả có trì bài kệ Hiền thiện và giải nghĩa bài kệ ấy được chăng?

Tôn giả Lô-da-cường-kỳ đáp:

–Này vị trời, tôi không có trì bài kệ Hiền thiện và giải thích ý nghĩa bài kệ ấy được. Còn ông này vị trời, ông có thọ trì bài kệ Hiền thiện và giải nghĩa được chăng?

Vị trời ấy đáp:

–Này Tỳ-kheo, tôi có thọ trì bài kệ Hiền thiện nhưng không giải nghĩa được.

–Vì sao vậy? Ông đã thọ trì bài kệ Hiền thiện nhưng không giải nghĩa được?

—Này Tỳ-kheo, vào một thời nọ, tôi nghe Đức Thế Tôn ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt-kỳ nói bài kệ Hiền thiện này cho các Tỳ-kheo:

*Quá khứ đừng nhớ nghĩ  
Tương lai chờ mong cầu  
Quá khứ đã mất rồi  
Tương lai thì chưa đến  
Chỉ có pháp hiện tại  
Mỗi mỗi phải tự duy.  
Ý niệm không bền lâu  
Kẻ trí nên tự giác  
Được rồi cần tinh tấn  
Bậc trí đâu lo chết  
Tâm ta cứ miệt mài  
Sự chết ai thoát được?  
Luôn an trụ vững chắc  
Ngày đêm không rời bỏ  
Kệ Hiền thiện như vậy  
Người nên quán như thế.*

Này Tỳ-kheo, tôi đã thọ trì bài kệ Hiền thiện này mà không giải nghĩa được.

—Vậy thưa vị trời, ai thọ trì bài kệ Hiền thiện và có thể giải nghĩa được?

—Này Tỳ-kheo, Đức Thế Tôn ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, Ngài thọ trì bài kệ Hiền thiện này và giải nghĩa được. Cho nên này Tỳ-kheo, hãy theo Đức Thế Tôn thọ trì bài kệ Hiền thiện và hiểu ý nghĩa của nó, hãy khéo suy nghĩ, nhớ đọc tụng và thọ trì. Vì sao như vậy? Ngày Tỳ-kheo, bài kệ Hiền thiện và ý nghĩa của bài kệ là diệu nghĩa, là chánh pháp, đưa đến phạm hạnh, thành tựu thần thông, là con đường hành hóa của bậc Chí tôn, tương ứng với Niết-bàn. Ngày vị Tộc tánh tử, đã tin và vui thích học đạo; tin và vui thích xuất gia, bỏ nhà để tu tập đạo giải thoát, nên thọ trì bài kệ Hiền thiện và ý nghĩa của bài kệ, phải khéo suy tư, nhớ nghĩ và phụng trì.

Vị trời ấy nói xong, đánh lẽ nơi chân Tôn giả Lô-da-cường-kỳ, nhiễu quanh chõ Tôn giả xong liền biến mất.

Bấy giờ Tôn giả Lô-da-cường-kỳ, sau khi vị trời ấy đã đi không bao lâu, bèn đến Thích-ky-sáu để thọ tuế. Thọ tuế qua ba tháng xong, đã may y rồi, nên Tôn giả mang bát đến nước Xá-vệ, tuần tự đi đến nước ấy, dừng chân ở khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Khi ấy Tôn giả Lô-da-cường-kỳ đi đến chõ Đức Thế Tôn, cung kính đánh lẽ nơi chân Đức Phật rồi đứng qua một bên, thưa:

—Thưa Thế Tôn, một thời con ở tại Thích-ky-sáu, trong hang động tịch mịch. Thưa Thế Tôn, sáng sớm con thức dậy, ra khỏi hang, đến chõ đất trống để bày giường dây, trải tọa cụ xong, con ngồi kiết già. Khi ấy có một vị trời hình sắc cực đẹp, vào lúc rạng đông đi đến chõ con, đánh lẽ nơi chân con, rồi đứng qua một bên. Ánh sáng của vị trời ấy chiếu sáng cả hang động. Vị trời ấy đứng qua một bên rồi nói với con: “Này Tỳ-kheo, này Tỳ-kheo! Tôn giả có thọ trì bài kệ Hiền thiện và hiểu ý nghĩa bài kệ ấy chăng?”

Con trả lời vị trời ấy: “Này vị trời, tôi không có thọ trì bài kệ Hiền thiện và hiểu ý nghĩa bài kệ ấy. Thưa vị trời, vậy ông có thọ trì bài kệ Hiền thiện và hiểu ý nghĩa bài kệ ấy chăng?”

Vị trời ấy trả lời: “Này Tỳ-kheo, tôi có thọ trì bài kệ Hiền thiện, nhưng không biết ý nghĩa của bài kệ”.

“Này vị trời, vì sao ông thọ trì bài kệ Hiền thiện mà lại không hiểu ý nghĩa của bài kệ?”

“Này Tỳ-kheo, vào một thời nọ, tôi nghe Đức Thế Tôn ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thành La-duyệt-kỳ, nói bài kệ Hiền thiện này cho các Tỳ-kheo nghe, nhưng Ngài không có giải nghĩa. (*Bài kệ như trên*). Như vậy, này Tỳ-kheo, nên tôi thọ trì bài kệ Hiền thiện mà không hiểu được ý nghĩa”.

“Này vị trời, vậy làm sao? Ai thọ trì bài kệ Hiền thiện và có thể giải nghĩa được bài kệ ấy?”

Vị trời nói: “Này Tỳ-kheo, Đức Thế Tôn ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thành Xá-vệ, Ngài thọ trì bài kệ Hiền thiện này và hiểu ý nghĩa bài kệ ấy. Cho nên này Tỳ-kheo, nên theo Đức Thế Tôn thọ trì bài kệ Hiền thiện và tụng đọc lãnh hội ý nghĩa bài kệ này, hãy suy tư, nhớ nghĩ và phụng hành. Vì sao vậy? Ngày Tỳ-kheo, bài kệ Hiền

thiện và ý nghĩa của bài kệ ấy là diệu nghĩa, là chánh pháp, là con đường dẫn tới phạm hạnh, thành tựu được thần thông, cho đến đạo quả cao tột, cùng tương ứng với Niết-bàn. Nay Tộc tánh tử, đã tin, vui học đạo; tin vui xuất gia, bỏ nhà để tu tập đạo giải thoát, nên thọ trì bài kệ Hiền thiện và học hiểu ý nghĩa của bài kệ ấy. Hãy khéo tư duy, nhớ nghĩ và phụng trì”.

Vị trời ấy nói xong, lạy nơi chân con, nhiễu quanh chỗ con rồi bỗng nhiên biến mất.

Phật bảo:

–Này Cường-kỳ, Tôn giả có biết tên vị trời ấy không?

–Bạch Thế Tôn, con không biết tên của vị trời ấy.

–Này Cường-kỳ, vị trời ấy tên là Bát-na-mạt-nan Thiên tử, là vị Đại tướng ở cõi trời Tam thập tam.

–Bạch Thế Tôn, nay đã đúng lúc. Bạch Thiện Thê, nay đã đúng lúc. Mong Đức Thế Tôn nói bài kệ Hiền thiện và ý nghĩa của bài kệ cho các Tỳ-kheo nghe. Khi Đức Thế Tôn giảng dạy rồi, các Tỳ-kheo sẽ phụng trì.

–Này Cường-kỳ, hãy nên khéo suy nghĩ, lắng nghe, hãy khéo tư duy nhớ nghĩ, Ta sẽ giảng nói.

–Như vậy, thưa Thế Tôn!

Tôn giả Lô-da-cường-kỳ thọ nhận lời dạy của Thế Tôn. Đức Thế Tôn nói bài kệ ấy (*như trên*).

–Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo nhớ nghĩ quá khứ? Nay Cường-kỳ, hoặc Tỳ-kheo đối với sắc quá khứ hoặc vui mừng, tham đắm, trụ chấp trong đó; hoặc đối với thóng (thọ), tưởng, hành, thức ở quá khứ hoặc vui mừng, tham đắm, trụ chấp trong đó, như vậy, này Cường-kỳ, là Tỳ-kheo nhớ nghĩ quá khứ.

Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo không nhớ nghĩ quá khứ? Nay Cường-kỳ, hoặc Tỳ-kheo đối với sắc quá khứ không thích, không đắm, cũng không trụ chấp trong đó; đối với thóng (thọ), tưởng, hành, thức trong quá khứ cũng không thích, không đắm, không trụ ở trong đó. Như vậy, này Cường-kỳ, là Tỳ-kheo không nhớ nghĩ quá khứ.

Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo mong cầu ở tương lai? Nay Cường-kỳ, hoặc Tỳ-kheo mong cầu sắc ở tương lai, hoặc vui mừng, hoặc tham đắm, hoặc ở trong đó; hoặc đối với thóng, tưởng, hành, thức

ở tương lai, hoặc vui mừng, tham đắm, hay trụ ở trong đó. Như vậy, này Cường-kỳ, đó là Tỳ-kheo nhớ nghĩ về tương lai.

Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo không mong cầu ở tương lai? Ngày Cường-kỳ, hoặc Tỳ-kheo đối với sắc ở vị lai, không vui mừng, không tham đắm, không trụ ở trong đó; hoặc đối với thống, tưởng, hành, thức ở tương lai cũng không vui mừng, không tham đắm, không trụ ở trong đó. Như vậy, này Cường-kỳ, đó là Tỳ-kheo không mong cầu ở tương lai.

Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo suy nghĩ về pháp hiện tại? Ngày Cường-kỳ, đó là hoặc Tỳ-kheo ưa thích sắc hiện tại, tham đắm trong đó, an trụ chấp trong đó; đối với thống, tưởng, hành, thức ở hiện tại cũng ưa thích, tham đắm và trụ chấp trong đó. Như vậy, này Cường-kỳ, đó là gọi là Tỳ-kheo suy tư, nhớ nghĩ pháp hiện tại.

Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo ngay trong hiện tại không suy lưỡng nhớ nghĩ? Ngày Cường-kỳ, hoặc Tỳ-kheo đối với sắc hiện tại không có ưa thích, không tham đắm, không trụ chấp; đối với thống, tưởng, hành, thức cũng không ưa thích, không tham đắm, không trụ chấp trong đó. Đó là Tỳ-kheo đối với pháp hiện tại không suy tư nhớ nghĩ.

Đức Phật nói như vậy, Tôn giả Lô-da-cường-kỳ nghe lời Đức Thế Tôn giảng nói, hoan hỷ vui mừng.



## SỐ 78

## PHẬT NÓI KINH ĐÂU ĐIỀU

*Hán dịch: Mất tên người dịch, phụ vào dịch phẩm đời Đông Tấn.*

Nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, trong nước ấy có một vị Bà-la-môn tên là Đâu Điều. Ông ta có một người con trai tên là Cốc. Đâu Điều là người xấu ác, thường ưa mắng chửi, thân chết đầu thai thành chó, sanh trở lại nhà mình, tên của chó là Loa. Con trai ông ta là Cốc thương yêu con chó này, đeo vòng vàng cho nó. Giường của chó thường dùng tấm thảm nỉ mượt mà trải lên. Khi ăn thì ăn đồ ngon đựng trên mâm vàng. Hôm ấy, Cốc ra phố. Đức Phật đi ngang qua cửa nhà Cốc thì con chó sủa, Đức Phật nói:

–Bình thường ông luôn giơ tay, miệng quát tháo, nay trở lại làm thân chó sủa người mà không biết xấu hổ!

Con chó liền xấu hổ bỏ chạy, chui xuống giường tru khóc rơi nước mắt.

Sau khi Đức Phật đi rồi, con chó không trở lại nằm trên giường nữa. Nó ngủ dưới đất, chẳng ăn uống gì cả. Cốc từ ngoài chợ về thấy chó không ăn, bèn hỏi những người trong nhà:

–Con chó tại sao như vậy?

Những người trong nhà đáp:

–Vừa rồi có một vị Sa-môn đi qua, không biết nói gì mà con chó chạy vào chui xuống giường, nằm dưới đất, không ăn uống gì cả.

Cốc hỏi:

–Sa-môn đi hướng nào?

Người trong nhà nói:

-Đi về hướng Đông.

Cốc liền đuổi theo rất gấp để cho kịp.

Đức Phật đang ở bên gốc cây nói kinh cho các Tỳ-kheo nghe, từ xa trông thấy Cốc đến, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

-Cốc đang đi đến kia, nếu chết liền bị đọa vào địa ngục.

Các Tỳ-kheo hỏi Đức Phật:

-Tại sao Cốc bị đọa vào địa ngục.

Đức Phật dạy:

-Người này đem ý ác đến, muốn hại người cho nên phải bị đọa vào địa ngục.

Cốc đến trước Đức Phật, bèn hỏi:

-Vừa rồi tại sao Sa-môn đi ngang qua cửa nhà tôi, mắng chửi con chó của tôi, khiến nó không ăn, không nằm ở chỗ của nó nữa?

Đức Phật liền trả lời:

-Ta đi qua cửa nhà ông, con chó trắng sữa, Ta liền nói với nó: “Lúc bình thường ông huơ tay, gầm thét, nay lại làm thân chó sữa vang, không biết xấu hổ!”. Con chó bèn hổ thẹn bỏ chạy, gục đầu mặt dưới giường, tru khóc rơi nước mắt.

Cốc hỏi Đức Phật:

-Con chó này là gì đối với tôi?

Đức Phật đáp:

-Không nên hỏi, vì nghe rồi ông sẽ không vui.

Cốc nói:

-Cứ nói, tôi xin nghe.

Đức Phật nói:

-Nói ra ông sẽ giận dữ.

Cốc nói:

-Tôi không dám giận, chỉ muốn được nghe.

Đức Phật nói:

-Con chó chính là Đâu Điều, cha của ông đó!

Cốc nói:

-Cha của tôi là Đâu Điều, khi còn sống thì hiểu kinh, hiểu đạo, quyết định không làm chó.

Đức Phật nói:

–Cha ông tuy hiểu đạo, nhưng chỉ biết tự cao ngạo, kiêu mạn, cho nên phải làm con chó. Nếu ông muốn biết nó có phải là cha của ông không, vậy hãy trở về nhà nói với con chó rằng: “Nếu ngươi quả thật là Đâu Điều, cha của ta, thì hãy ăn đồ ăn trong mâm như trước; nếu ngươi thật là cha ta thì hãy trở lại nằm chõ năm cũ; nếu ngươi thật là cha ta thì lúc trước có chôn giấu châu báu ở đâu hãy chỉ chõ ấy cho ta”.

Cốc liền về nhà nói với chó:

–Này Loa, nếu thật ông là Đâu Điều, cha của ta, thì ông hãy ăn đồ ăn này.

Con chó liền ăn đồ ăn đó. Cốc lại bảo:

–Này Loa, nếu thật ông là cha ta thì hãy lên nằm chõ cũ.

Con chó liền lên nằm chõ năm cũ. Cốc lại bảo:

–Này Loa, nếu ông thật là cha ta, lúc trước có chôn giấu châu báu ở đâu thì hãy chỉ chõ ấy cho ta.

Con chó liền lấy miệng chỉ vào phía bên phải cái giường, hai chân trước buông đất để ra dấu.

Cốc liền đào chõ đất chó buông thì được rất nhiều châu báu, vật quý. Cốc rất vui sướng. Nhân đó Cốc liền trở lại chõ Đức Phật. Đức Phật từ xa trông thấy, bảo các Tỳ-kheo:

–Nay Cốc lại đang đi đến kia, nếu chết thì liền sanh lên cõi trời.

Các Tỳ-kheo hỏi Đức Phật:

–Do nhân duyên gì mà được sanh lên cõi trời?

Đức Phật dạy:

–Người này đem ý lành đến đây cho nên được sanh lên cõi trời.

Cốc đến trước Đức Phật, cúi lạy và bạch:

–Thật đúng như lời Đức Phật nói.

Cốc lại hỏi Đức Phật:

–Con người sống ở thế gian, tại sao có người sống lâu, có người chết yểu? Tại sao có người bị nhiều bệnh, có người bị ít bệnh? Tại sao có người đẹp, có người xấu? Tại sao có người tôn quý, có người thấp hèn? Tại sao có người có nhan sắc, người không nhan sắc? Tại sao có người giàu, người nghèo? Tại sao có kẻ thông minh, kẻ ngu si?

Đức Phật nói với Cốc:

–Con người ở thế gian thích sát sanh, không có lòng từ bi, chết đọa vào địa ngục; hết tội trong địa ngục lại sanh làm người, phải bị

chết yếu. Còn người sống ở thế gian, không sát sanh, có lòng từ bi, chết được sanh lên cõi trời, từ cõi trời sanh xuống nhân gian liền được trường thọ. Có người ở thế gian thích đánh nhau, cầm dao gậy khủng bố người khác, khi chết đọa vào địa ngục, hết tội trong địa ngục liền sanh làm người bị nhiều bệnh tật. Còn người ở thế gian ưa sự hòa hợp, không cầm dao gậy khủng bố người khác, khi chết được sanh lên cõi trời, từ trời lại sanh xuống nhân gian liền được ít bệnh. Có người sanh ở nhân gian ưa sân hận, nghe nói thiện cũng giận, nghe nói ác cũng giận, thấy người hiền cũng giận, thấy người ngu cũng giận, không phân biệt thiện ác, chỉ muốn sân hận, chết đọa vào địa ngục, hết tội trong địa ngục lại sanh làm người, sắc mặt vàng úa không đẹp. Còn người sanh ở nhân gian không sân không hận, thấy người hiền thì kính, thấy người ngu thì nhẫn, chết được sanh lên cõi trời, từ trời lại sanh xuống nhân gian, sắc mặt thường đẹp, là người hiền thiện, tâm hòa thuận. Có người ở thế gian không có nhan sắc là vì thấy người già không biết đứng dậy, bất hiếu với cha mẹ, không có lòng kính yêu khi thấy cha mẹ. Có người hiếu thuận, kính yêu cha mẹ và các bậc trưởng lão, nhưng thường sân hận, chết đọa vào địa ngục, hết tội trong địa ngục lại được làm người nhưng không có nhan sắc, bị mọi người ganh ghét. Người ở thế gian hiếu thuận với cha mẹ, cung kính bậc trưởng lão, nếu có người bất hiếu, bất kính đối với bậc trưởng lão liền đến để khuyến dạy, thích nói với người khác những lời thiện, khi chết được sanh lên cõi trời, từ trời lại sanh xuống nhân gian, được mọi người kính yêu. Có người ở thế gian kiêu mạn, không cung kính những bậc tôn trưởng, tự thân ưa cường bạo, khi chết vào địa ngục; hết tội trong địa ngục lại sanh làm người hạ tiện. Có người ở thế gian không có kiêu mạn, thường cung kính bậc trưởng thượng, không có hành vi cường bạo đối với người, khi chết được sanh lên cõi trời, từ trời sanh xuống nhân gian, do đó được tôn quý. Người ở thế gian tham lam keo kiệt, tuy giàu có mà không bố thí cho kẻ nghèo, không nhìn bà con dòng họ, không ưa bố thí, tham tiếc đồ ăn, không đem cúng dường cho Sa-môn, Đạo nhân, lại tự mình không dám ăn cho no đủ, lúc chết đọa vào địa ngục; hết tội trong địa ngục lại làm người bần cùng đi ăn xin. Có người ở thế gian không có lòng tham lam keo kiệt, tuy nghèo khó nhưng thích bố thí cho Sa-môn, Đạo nhân, cứu giúp kẻ bần cùng, ưa nhìn kẻ thân tộc, ăn uống tự mình

thường được no đủ, khi chết sanh lên cõi trời, từ trời lại sanh xuống nhân gian được giàu có, vui sướng, mọi người kính yêu. Người ở thế gian nghe bậc hiểu kinh cao xa, hoặc là Sa-môn hay đạo sĩ thì không thích đến hỏi con đường giải thoát khỏi thế gian, trong tâm ganh tị, tự cao, lúc chết đọa vào địa ngục, khi tội trong địa ngục hết lại sanh làm người ngu si, không có tri thức, không khác gì súc sanh. Có người ở thế gian nghe có bậc hiểu kinh điển uyên thâm, hoặc Sa-môn, đạo sĩ, thì thích tìm đến để hỏi sự việc ra khỏi thế gian, trong lòng không có ganh tị, không tham ái và kiêu ngạo, lúc chết được sanh lên cõi trời, từ trời lại sanh xuống nhân gian, làm người hiểu kinh hiểu đạo, được mọi người tôn trọng.

Đức Phật dạy:

–Con người tạo điều thiện thì được sanh lên cõi trời, tạo điều ác thì bị đọa xuống địa ngục. Con người cầu sống lâu thì được sống lâu, cầu chết yếu thì bị chết yếu, cầu bệnh thì có bệnh, cầu không bệnh thì được không bệnh, cầu sắc đẹp thì có sắc đẹp, cầu sắc xấu thì có sắc xấu, cầu tôn quý thì được tôn quý, cầu hạ tiện thì được hạ tiện, cầu nhan sắc xinh xắn thì được nhan sắc xinh xắn, cầu nhan sắc không xinh xắn thì có nhan sắc không xinh xắn, cầu giàu có thì giàu có, cầu bần khổ thì bần khổ, cầu trí thì được trí, cầu ngu thì bị ngu. Con người sống ở thế gian thí như trồng lúa thì được lúa, trồng lúa mạch thì được lúa mạch, trồng lúa tẻ thì có lúa tẻ, làm thiện thì được thiện, làm ác thì bị ác.

Cốc liền quỳ dài, thưa:

–Ban đầu khi thấy con chó bỏ ăn, con ôm lòng sân hận, ngu si. Nay nghe Phật dạy như người mù được thấy, người điếc được nghe, như người rớt xuống vực nước sâu mà được thoát khỏi, như kẻ cuồng si mà được lành, như người đi trong bóng tối mà thấy được mặt trời, mặt trăng. Con nguyện theo Phật cầu xin sám hối, mong được ân lớn và phụng hành năm giới cấm, làm Ưu-bà-tắc.

Đức Phật dạy:

–Đời sau có người đọc tụng kinh này, hoặc lắng nghe âm thanh của kinh, trong lòng ngậm ngùi xót xa, lông tóc dựng đứng, nước mắt ràn rụa, người như vậy đều sẽ làm đệ tử của Đức Phật Di-lặc, đều được thoát khổ.



SỐ 79

## PHẬT NÓI KINH ANH VÕ

*Hán dịch: Đời Lưu Tống, Đại sư Câu-na-bạt-dà-la, người Thiên trúc.*

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vào lúc sáng sớm Đức Thế Tôn thức dậy, rửa ráy rồi mặc y, mang bát vào thành Xá-vệ khất thực, lần lượt đến trước nhà của Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử. Lúc ấy Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử vì có chút việc nên mới đi ra ngoài không bao lâu, nhà chỉ có một con chó trắng tên là Cụ. Đang nằm trên nệm đẹp, ăn canh bắp nấu thịt đựng trong bát vàng. Chó trắng từ xa trông thấy Đức Thế Tôn đi lại, liền sủa vang. Đức Thế Tôn bèn nói:

—Thôi đi! Này chó trắng, không nên như vậy, ngươi vốn là một kẻ ngâm nga (*âm thanh của Phạm chí khi khất thực*).

Khi ấy chó trắng rất giận dữ, liền từ nơi giường nệm nhảy xuống đất, đến dưới bậc cửa, nằm dài im lặng. Ma-lao-đâu-la Tử trở về nhà, thấy chó trắng không còn nằm trên giường nệm, mà lại nằm dưới bậc cửa im lặng, buồn rầu, nên hỏi người bên cạnh:

—Ai đã chọc phá con chó trắng này khiến nó buồn rầu bỏ giường nệm xuống nằm im ở bậc cửa vậy?

Người láng giềng lên tiếng đáp:

—Này Ma-lao, không có ai quấy chọc con chó này cả. Nay Ma-lao, hôm nay có Sa-môn Cù-đàm đến nhà này khất thực, con chó trắng trông thấy liền sủa vang lên. Sa-môn Cù-đàm mới nói như vầy: “Thôi

đi chó trăng, ngươi không nên sửa quấy lên như vậy. Ngươi vốn là một kẻ ngâm nga”. Ngày Ma-lao, vì thế mà con chó tức giận, bỏ giường nệm xuống nằm im ở bậc cửa.

Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử nghe nói thế liền tức giận đối với Đức Thế Tôn, từ xa mắng nhiếc Đức Thế Tôn, từ xa bài báng Đức Thế Tôn, từ xa giận Đức Thế Tôn, nói:

–Sa-môn Cù-đàm ấy nói những lời hư vọng như vậy!

Anh Võ bèn ra khỏi thành Xá-vệ, đi đến khu lâm viên Kỳ-dà Cấp cô độc. Khi ấy Đức Thế Tôn có vô lượng đồ chúng ở phía trước đang lắng nghe Ngài thuyết pháp. Đức Thế Tôn từ xa trông thấy Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử đi đến, liền bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, các vị có thấy Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử đang đi đến chăng?

–Có thấy, thưa Thế Tôn.

–Nếu ngay bây giờ mà Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử mạng chung thì chỉ trong khoảnh khắc nhanh như co duỗi cánh tay liền sanh vào địa ngục Nê-lê. Vì sao? Vì kẻ ấy đang rất sân hận đối với ta. Nhân vì sân hận nên khi thân hoại mạng chung phải bị sanh vào trong cõi ác Nê-lê.

Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử đi đến chỗ Đức Thế Tôn, hỏi:

–Sa-môn Cù-đàm, có phải hôm nay Ngài đi đến nhà tôi khất thực chăng?

–Này Ma-lao, hôm nay Ta có đến khất thực ở nhà ông.

–Vâng, vậy thưa Sa-môn Cù-đàm, con chó trăng của tôi có lỗi gì mà Ngài làm cho nó giận dữ, bỏ chỗ giường nệm, xuống nằm im dưới bậc cửa.

Đáp:

–Này Ma-lao, sáng nay, Ta đi khất thực ở thành Xá-vệ lần lượt tới nhà ông, con chó trăng của ông từ xa trông thấy ta đi lại, liền sủa vang. Ta bèn nói như vậy: “Thôi đi! Ngày chó trăng, không nên sửa quấy lên như vậy. Ngươi vốn là một kẻ ngâm nga”. Ngày Ma-lao, vì thế nên con chó trăng liền giận dữ, bỏ chỗ giường nệm, xuống nằm im dưới bậc cửa.

–Này Cù-đàm, con chó trăng này vốn có thân thuộc gì với tôi?

–Thôi này Ma-lao, chờ có hỏi. Nếu ông nghe thì sẽ buồn rầu.

Nhưng Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử trước sau đã ba lần hỏi Đức Thế Tôn:

—Này Cù-dàm, con chó trắng này vốn có thân thuộc gì với tôi?

—Này Ma-lao, ông đã ba lần hỏi, vậy Ta sẽ nói. Ngày Ma-lao, con chó trắng ấy kiếp trước là cha của ông, tên là Đâu-la.

Khi đó Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử càng thêm tức giận đối với Đức Thế Tôn, mắng nhiếc Thế Tôn, sân hận Thế Tôn, bài báng Thế Tôn. Ông ta nói:

—Sa-môn Cù-dàm nói lời hư vọng! Ngày Cù-dàm, cha tôi là Đâu-la thường hay bố thí, thường tham gia các lễ hội bố thí, thường thờ lửa. Cha tôi chết rồi được sanh lên cõi trời Diệu Phạm thiên, vậy cớ gì lại sanh vào loài chó?

—Này Ma-lao, do tâm niệm tăng thượng mạn của ông, cha ông là Đâu-la trước đây cũng như vậy, vì thế mà phải bị sanh vào trong loài chó xấu ác.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Phạm chí tăng thượng mạn,  
Chết rồi sanh sáu nẻo:  
Gà, heo, chó, chồn cáo,  
Lừa, lao trong địa ngục.*

—Này Ma-lao, Ta đã nói như thế nếu không tin, ông hãy trở về nhà nói với con chó trắng ấy như vậy: “Này chó trắng, quả thật lúc sanh tiền người là Đâu-la, cha của ta thì hãy nhảy lên giường nệm”. Ngày Ma-lao, con chó trắng ấy sẽ nhảy lên giường nệm.

“Này chó trắng, lúc sanh tiền ông quả thật là Đâu-la, cha của ta thì hãy ăn canh bắp nấu thịt đựng trong bát vàng”. Ngày Ma-lao, con chó trắng ấy sẽ ăn canh bắp nấu thịt đựng trong bát vàng.

“Này chó trắng, lúc sanh tiền người quả thật là Đâu-la, cha của ta thì hãy chỉ cho ta chỗ cất giấu của cải mà người đã cất giấu, ta nay vốn không biết chỗ đó”. Ngày Ma-lao, con chó trắng ấy sẽ chỉ cho ông chỗ cất giấu của cải kia.

Bấy giờ Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử nghe Đức Thế Tôn nói như vậy, khéo suy nghĩ, ghi nhớ, rồi nhiều quanh chỗ Đức Thế Tôn rồi cáo từ trở về nhà, nói với con chó của mình:

–Này chó trăng, nếu đời trước ngươi là Đâu-la, cha của ta thì hãy lên ngồi trên giường nệm trở lại!

Con chó trăng liền nhảy lên ngồi trên giường nệm trở lại.

–Này chó trăng, nếu đời trước ngươi là Đâu-la, cha của ta thì hãy ăn canh bắp nấu thịt đựng trong bát vàng.

Con chó trăng liền ăn canh bắp nấu thịt đựng trong bát vàng.

–Này chó trăng, nếu đời trước ngươi là Đâu-la, cha của ta thì hãy chỉ cho ta của cải để lại mà cha ta đã cất giấu, hiện nay ta không biết ở chỗ nào.

Con chó nghe bảo thế liền nhảy xuống giường nệm, chạy tới chỗ cái giường mà nó đã nằm đời trước, dùng miệng chỉ và chân bươi bươi đất gần nơi chân giường. Khi ấy Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử bèn đào lên được rất nhiều tiền của, trong lòng vô cùng vui sướng, thiện tâm phát sinh, liền quỳ xuống đất, chấp tay cung kính hướng về khu lâm viên Kỳ-dà Cấp cô độc, ba lần tự nói lên tên họ, rồi tán thán:

–Lời của Sa-môn Cù-dàm là chân thật. Quả thật Sa-môn Cù-dàm không nói dối. Lành thay Sa-môn Cù-dàm!

Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử xưng tên họ và tán thán xong, bèn ra khỏi thành Xá-vệ, đi đến khu lâm viên Kỳ-dà Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn có vô lượng trăm ngàn đồ chúng ở phía trước đang lắng nghe Ngài thuyết pháp. Đức Thế Tôn từ xa trông thấy Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử đi tới, bèn bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, các vị có thấy Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử từ xa đi đến không?

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

–Nếu ngay bây giờ mà Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử mang chung thì chỉ trong khoảng khắc nhanh như co duỗi cánh tay liền sanh nơi cõi thiện. Vì sao? Vì kẻ ấy đang có thiện tâm đối với Ta. Chúng sanh nhân nơi thiện tâm, nên khi thân hoại mạng chung được sanh vào chỗ lành, trên cõi trời.

Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử đi đến chỗ Đức Thế Tôn, ra mắt theo lễ chào hỏi rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn bảo:

–Này Ma-lao, như Ta đã nói, con chó trăng ấy có làm đúng như lời Ta nói chăng?

Ma-lao nói:

—Đúng như lời Sa-môn Cù-dàm đã nói, con chó trắng ấy đã làm đúng như vậy, không có gì khác cả. Thưa Sa-môn Cù-dàm, con có điều muốn hỏi, nếu Ngài cho phép con mới dám hỏi.

—Này Ma-lao, hãy hỏi theo ý của ông.

—Thưa Cù-dàm, do nhân gì, duyên gì mà cùng thọ thân người lại có người cao, thấp, đẹp, xấu, sạch, dơ? Thưa Cù-dàm, vì sao có người sống lâu, có người chết yểu, có người không bệnh tật, có người bệnh tật. Có người đẹp, có người xấu, có người sang, có người hèn, có người có tài năng, người không có tài năng, người có nhiều tiền của, người có ít tiền tài, người không có trí tuệ, người có trí tuệ?

—Này Ma-lao, chúng sanh do nhân duyên, nhân nơi hành động, duyên nơi hành động, do ảnh hưởng tùy theo sự tạo tác của chúng sanh mà khiến cho mỗi mỗi cá nhân nơi họ có đẹp, có xấu, có cao, có thấp...

—Thưa Sa-môn Cù-dàm, Ngài nói một cách tóm tắt chưa phân biệt rộng rãi nên con không hiểu ý nghĩa này. Cúi mong Sa-môn Cù-dàm hãy vì con mà khéo giảng giải nói, khiến con được hiểu rõ.

—Này Ma-lao, hãy khéo lắng nghe và suy nghĩ, ghi nhớ, Ta sẽ giảng nói.

—Thưa vâng, bạch Cù-dàm.

Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử thọ nhận lời dạy của Thế Tôn.

Đức Thế Tôn bảo:

—Này Ma-lao, do nhân gì, do duyên gì mà hoặc người đàn ông, hoặc đàn bà thọ mạng ngắn ngủi? Ngày Ma-lao, hoặc người đàn ông, người đàn bà làm cho máu huyết ô uế đầy cả hai tay, gần gũi sự ác độc, không có lòng Từ, giết hại sanh mạng của tất cả chúng sanh kể cả loài sâu kiến. Do sự tạo tác đó, nhân như vậy, hành như vậy, khi thân hoại mạng chung sanh vào trong cõi ác Nê-lê, đời sau sanh ở nhân gian bị chết yểu. Vì sao? Ngày Ma-lao, vì nó là hành động giết hại nên khiến cho hoặc người đàn ông hay người đàn bà phải bị chết yểu. Ngày Ma-lao, đó là xem sự tạo tác mà biết quả báo.

—Này Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì mà khiến cho hoặc đàn ông hay người đàn bà được trường thọ? Ngày Ma-lao, hoặc người đàn ông hay người đàn bà xa lìa sát sanh, vứt bỏ dao gậy, thường ôm lòng

hổ thẹn, đối với chúng sanh muốn khiến cho tất cả đều được an ổn, đã hoàn toàn diệt trừ tâm ý muốn giết hại. Kẻ ấy nhân hành động như vậy, do nhân như vậy, hành như vậy nên khi thân hoại mạng chung được sanh đến cõi lành trên cõi trời, đời sau người đó sanh xuống nhân gian được trường thọ. Vì sao? Nay Ma-lao, kẻ ấy hành động theo nẻo thiện nên khiến cho thọ mạng của mình được lâu dài. Như thế nên khiến cho hoặc người nam, người nữ xa lìa sát sanh, dứt bỏ sát sanh. Do vậy, nay Ma-lao, nên biết hành động tạo tác như vậy sẽ đưa đến quả báo như vậy.

Nay Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì khiến cho người nam hay người nữ có nhiều bệnh tật. Nay Ma-lao, hoặc có người nam, người nữ hâm hại chúng sanh; họ hâm hại bằng cách dùng tay, dùng đá, hoặc lấy gậy đánh đập, lấy dao giết hại. Họ hành động như thế, gây nhân như thế, tạo tác như thế nên khi thân hoại mạng chung, sanh trong cõi ác Nê-lê, đời sau sanh trong nhân gian phải bị nhiều bệnh tật. Vì sao? Nay Ma-lao, vì kẻ ấy đã tạo nhân xấu nên phải chịu bệnh tật. Như thế, hoặc người nam người nữ hâm hại chúng sanh cũng như vậy. Do đó, nay Ma-lao, nên biết hành động tạo tác như vậy sẽ đưa đến quả báo như vậy.

Nay Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì khiến cho hoặc người nam hay người nữ không có bệnh tật? Nay Ma-lao, hoặc người nam hay người nữ không có hâm hại chúng sanh, do kẻ ấy không có hâm hại chúng sanh, không dùng tay, không dùng đá, không dùng dao, không dùng gậy để hâm hại, kẻ ấy hành động như thế, gây nhân như thế, tạo tác như thế nên khi thân hoại mạng chung được sanh đến chỗ lành, trên cõi trời, đời sau người ấy sanh trong nhân gian không có bệnh khổ. Vì sao? Nay Ma-lao, vì kẻ ấy đã tạo nhân tốt nên không phải chịu nhiều bệnh tật. Như thế, nên khiến cho người nam hoặc người nữ không có hâm hại chúng sanh cũng lại như vậy. Do đó, nay Ma-lao, nên biết hành động tạo tác như vậy sẽ đưa đến quả báo như vậy.

Nay Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì mà người nam hoặc người nữ bị xấu xí? Nay Ma-lao, hoặc là người nam hay người nữ có nhiều sân giận, ưu sầu. Kẻ ấy, người ta mới nói vài lời đã dấy sân hận, buồn rầu, trụ nơi sân hận, sanh ra sân hận, bài báng tất cả, nhân hành

động tạo tác như vậy, nên khi thân hoại mạng chung, sanh trong cõi ác Nê-lê, đời sau sanh ở nhân gian, hình sắc xấu xí. Vì sao? Nay Ma-lao, vì kẻ ấy đã tạo tác gây nhân xấu nên phải chịu hình tướng xấu xí, nên khiến cho người nam hoặc người nữ nhiều sân giận, ưu sầu cũng lại như vậy. Do đó, nay Ma-lao, nên biết vì hành động tạo tác như vậy nên quả báo như vậy.

Nay Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì khiến cho người nam hoặc người nữ có hình sắc tốt đẹp? Nay Ma-lao, hoặc là người nam hay người nữ ít có sân hận, không hay ưu sầu. Như có người dùng lời thô ác mắng nhiếc, kẻ ấy cũng không sân, không hận, không buồn rầu, không an trú nơi sân hận, không sanh sân hận, không sử dụng sân hận. Kẻ ấy hành động như thế, gây nhân như thế, tạo tác như thế nên khi thân hoại mạng chung sanh vào chỗ lành, nơi cõi trời, đời sau người ấy sanh xuống nhân gian có hình sắc xinh đẹp. Vì sao? Nay Ma-lao, kẻ ấy đã tạo nhân tốt đẹp, nên khiến cho người nam hoặc người nữ không sân hận, không ưu sầu, cũng lại như vậy. Do đó, nay Ma-lao, nên biết vì hành động như vậy nên quả báo như vậy.

Nay Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì mà khiến cho người nam hoặc người nữ ít có tài năng? Nay Ma-lao, hoặc người nam hay người nữ có lòng tham lam, ganh ghét, dấy tâm tham lam ganh ghét; kẻ ấy thấy người khác được cung kính, được cung cấp tài vật, liền phát sanh lòng tham lam ganh ghét cho rằng: “Kẻ kia được như thế, hãy khiến cho ta cũng được như thế”. Kẻ ấy nhân hành động ấy, tạo nhân ấy, duyên theo sự tạo tác ấy nên khi thân hoại mạng chung sanh vào trong cõi ác Nê-lê, đời sau sanh ở nhân gian thì ít có tài năng. Vì sao? Nay Ma-lao, vì kẻ ấy đã tạo nhân xấu nên ít có tài năng, khiến cho người nam hoặc người nữ tham lam, ganh ghét, dấy tâm tham lam ganh ghét, cũng lại như vậy. Do đó, nay Ma-lao, nên biết hành động như vậy phải có quả báo như vậy.

—Nay Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì mà người nam hoặc người nữ có tài năng? Nay Ma-lao, hoặc người nam hay người nữ không có tham lam, ganh ghét, không dấy tâm tham lam ganh ghét, kẻ ấy thấy người khác được cung kính, được thí tài vật, nhưng không phát sanh lòng ganh ghét, thấy người khác có sở hữu, mong mình cũng được như vậy. Kẻ ấy vì hành động như vậy, tạo nhân như vậy,

duyên nơi hành động như vậy nên khi thân hoại mạng chung được sanh đến chỗ lành, trên cõi trời, đời sau sanh xuống nhân gian thì có nhiều tài năng. Vì sao? Nay Ma-lao, kẻ ấy đã tạo nhân tốt nên có được nhiều tài năng, khiến người nam hay người nữ không có lòng tham lam, ganh ghét, không dấy tâm lòng tham lam ganh ghét, cũng lại như vậy. Do đó này Ma-lao, nên biết hành động như vậy sẽ có quả báo như vậy.

Nay Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì khiến cho người nam hoặc người nữ sanh vào nhà hạ tiện? Nay Ma-lao, hoặc người nam hay người nữ tự đại, kiêu mạn, người đáng cung kính thì không cung kính, người đáng tôn thờ thì không tôn thờ, đáng lễ bái thì không lễ bái, đáng cúng dường thì không cúng dường, đáng mời ngồi thì không mời ngồi, đáng chỉ dẫn thì không chỉ dẫn, đáng đứng dậy chấp tay hướng về thì không đứng dậy cung kính chấp tay hướng về. Nhân hành động này, duyên hành động này, có những tạo tác như vậy nên khi thân hoại mạng chung sanh vào trong cõi ác Nê-lê, đời sau sanh xuống nhân gian thì sanh vào nhà hạ tiện. Vì sao? Nay Ma-lao, vì kẻ ấy đã gây ra nhân xấu nên sanh vào nhà hạ tiện, nên khiến người nam hay người nữ tự đại, kiêu mạn, cũng lại như vậy. Do đó, này Ma-lao, nên biết hành động như vậy sẽ có quả báo như vậy.

Nay Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì khiến cho người nam hoặc người nữ được sanh vào nhà phú quý? Nay Ma-lao, hoặc người nam hay người nữ không tự đại, không kiêu mạn, người đáng cung kính thì cung kính, người đáng tôn thờ thì tôn thờ, đáng mời ngồi thì mời ngồi, đáng chỉ dẫn thì chỉ dẫn, đáng lễ bái, đứng dậy chấp tay hướng về thì lễ bái, đứng dậy cung kính chấp tay hướng về. Kẻ ấy nhân hành động như vậy, duyên hành động như vậy, do hành động như vậy nên khi thân hoại mạng chung được sanh đến chỗ lành, trên cõi trời, đời sau sanh xuống nhân gian thì sanh vào nhà phú quý. Vì sao? Nay Ma-lao, vì kẻ ấy đã tạo nhân tốt nên được sanh vào nhà phú quý, khiến cho kẻ nam hay người nữ không tự đại, không kiêu mạn, luôn cung kính, cũng lại như vậy. Do đó, này Ma-lao, nên biết hành động như vậy sẽ có quả báo như vậy.

Nay Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì khiến cho người nam hoặc người nữ có ít tiền tài? Nay Ma-lao, hoặc người nam hay người

nữ không bố thí, cũng chẳng phải là thí chủ, không bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, kẻ bần cùng hạ tiện từ các nơi tới xin các thứ như đồ ăn uống, áo quần, vòng hoa, hương xoa vào người, giường nằm, nhà cửa, đèn sáng... Do hành động như vậy, duyên hành động như vậy, vì hành động như vậy nên khi thân hoại mạng chung sanh trong cõi ác Nê-lê, đời sau sanh ở nhân gian ít có tiền bạc. Vì sao? Nay Ma-lao, vì kẻ ấy đã tạo nhân xấu nên ít có tiền bạc, nên khiến cho người nam hoặc người nữ không bố thí, chẳng là thí chủ keo kiệt, cũng lại như vậy. Do đó, nay Ma-lao, nên biết hành động như vậy sẽ có quả báo như vậy.

Này Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì khiến cho người nam hoặc người nữ có nhiều tiền tài? Nay Ma-lao, hoặc người nam hay người nữ là người bố thí, là thí chủ, kẻ ấy bố thí cho các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, kẻ bần cùng hạ tiện từ các nơi đến xin các thứ như đồ ăn uống, áo quần, vòng hoa, hương xoa vào người, giường nằm, nhà cửa, đèn sáng... Nhân làm việc ấy, duyên việc ấy, vì hành động như vậy nên khi thân hoại mạng chung sanh đến chỗ lành, trên cõi trời, đời sau sanh xuống nhân gian có nhiều tiền bạc. Vì sao? Nay Ma-lao, vì kẻ ấy đã tạo nhân tốt nên có nhiều tiền bạc, khiến cho người nam hoặc người nữ biết bố thí, cứu giúp kẻ bần cùng, cũng lại như vậy. Do đó, nay Ma-lao, nên biết hành động như vậy sẽ có quả báo như vậy.

Này Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì khiến cho người nam hoặc người nữ không có trí tuệ? Nay Ma-lao, hoặc người nam hay người nữ là những chúng sanh không chịu học hỏi, dù có những bậc Sa-môn, Bà-la-môn danh tiếng ở gần đây, cũng không tùy thời học hỏi ý nghĩa, cũng không luận nghị với các Hiền giả: “Thế nào là thiện, thế nào là bất thiện? Thế nào là tốt, thế nào là không tốt? Thế nào là ác, xấu? Thế nào là đen, là trắng? Thế nào là quả báo ác xấu, thế nào là quả báo tốt đẹp? Thế nào là thấy nghĩa của pháp, thế nào là ý nghĩa răn cấm đối với đời sau?”. Dù theo những vị ấy nghe rồi nhưng không làm theo như điều đã học. Kẻ ấy nhân việc làm như vậy, duyên theo việc làm như vậy, vì tạo tác như vậy nên khi thân hoại mạng chung sanh trong cõi ác Nê-lê, đời sau sanh ở nhân gian thì ngu muội không có trí tuệ. Vì sao? Nay Ma-lao, vì kẻ ấy đã tạo

nhân xấu nên không có trí tuệ, khiến cho người nam hay người nữ là những chúng sanh không chịu học hỏi, không biết phân biệt thiện ác tốt xấu. Do đó, này Ma-lao, nên biết hành động như vậy sẽ có quả báo như vậy.

Này Ma-lao, lại do nhân gì, do duyên gì mà khiến cho người nam hoặc người nữ có trí tuệ? Ngày Ma-lao, hoặc người nam hay người nữ là chúng sanh siêng năng học hỏi, đó là đến những vị Sa-môn, Bà-la-môn có danh tiếng, tùy lúc tùy thời hỏi ý nghĩa, lý lẽ có thể luận nghị rằng: “Này chư Hiền, sao gọi là thiện, bất thiện? Sao gọi là tốt, không tốt? Sao gọi là xấu, là vi diệu? Sao gọi là đen, sao là trắng? Sao gọi là quả báo xấu, quả báo tốt? Sao gọi là thấy nghĩa của pháp? Sao gọi là giới nghĩa của đời sau?”. Theo những vị ấy nghe rồi, như điều đã nghe mà học tập. Kẻ ấy nhân hành động như vậy, duyên theo hành động như vậy, vì tạo tác như vậy nên khi thân hoại mạng được chung sanh đến chổ lành, trên cõi trời, đời sau sanh xuống nhân gian thì có trí tuệ. Vì sao? Ngày Ma-lao, vì kẻ ấy tạo nhân tốt nên có trí tuệ, khiến cho người nam hay người nữ là chúng sanh siêng năng học hỏi, biết phân biệt thiện ác tốt xấu, cũng lại như vậy. Do đó, ngày Ma-lao, nên biết hành động như vậy sẽ có quả báo như vậy.

Này Ma-lao, nếu tạo tác gây nhân chết yếu thì bị chết yếu, nếu tạo tác gây nhân sống lâu thì được sống lâu, nếu tạo tác gây nhân nhiều bệnh thì bị nhiều bệnh. Nếu tạo tác gây nhân không bệnh, thì được không bệnh, nếu tạo tác gây nhân xấu xí thì bị xấu xí. Nếu tạo tác gây nhân xinh đẹp thì được thân hình xinh đẹp. Nếu tạo tác gây nhân ít tài năng thì bị ít khả năng. Nếu tạo tác gây nhân nhiều tài năng thì có được nhiều tài năng. Nếu tạo tác gây nhân hạ tiện thì bị hạ tiện, nếu tạo tác gây nhân phú quý, thì được phú quý. Nếu tạo tác gây nhân ít tiền của thì có ít tiền của, nếu tạo tác gây nhân có nhiều tiền của thì được nhiều tiền của. Nếu tạo tác gây nhân không có trí tuệ thì không có trí tuệ, nếu tạo tác gây nhân trí tuệ thì được trí tuệ. Vì vậy, cho nên, ngày Ma-lao, Ta đã giảng nói như thế.

Này Ma-lao, tùy theo chúng sanh đã tạo ra hành động, nhân hành động ấy, duyên theo hành động ấy, vì hành động của chúng sanh đã tạo tác nên đối với mỗi mỗi cá nhân liền có sự cao, thấp, đẹp, xấu.

Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử thưa:

—Thưa Cù-đàm, như vậy đã là quá đủ! Kính bạch Thế Tôn, hôm nay con xin tự quy Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Thưa Đức Thế Tôn, hôm nay con xin giữ giới Ưu-bà-tắc. Từ hôm nay cho đến lúc mạng chung, con xin xa lìa sự sát sanh... con xin quy y Đức Thế Tôn. Từ hôm nay, mỗi sáng sớm vào thành Xá-vệ, Ngài vào các nhà Ưu-bà-tắc khác thì cũng vào nhà Đâu-la như vậy, khiến cho nhà cửa con luôn luôn được nhiều lợi ích, an ổn.

Đức Phật giảng nói như vậy, Anh Võ Ma-lao-đâu-la Tử nghe Đức Thế Tôn chỉ dạy, hoan hỷ đánh lẽ rồi lui ra.



SỐ 80

## PHẬT NÓI KINH NGHIỆP BÁO SAI BIỆT CHO TRƯỞNG GIẢ THỦ-CA

*Hán dịch: Đời Tùy, Cư sĩ Cù-dàm Pháp Trí, người Thiên trúc.*

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Đức Phật bảo Trưởng giả Thủ-ca, con trai của Đao-đê-da:

—Này Trưởng giả Thủ-ca, Ta sẽ nói cho ông nghe về pháp môn sai biệt của nghiệp báo thiện ác. Ông hãy lắng nghe và khéo nhớ nghĩ.

Trưởng giả Thủ-ca, liền bạch:

—Thưa vâng, bạch Thế Tôn, con muốn được nghe.

Đức Phật bảo Trưởng giả Thủ-ca:

—Tất cả chúng sanh luôn gắn liền với nghiệp, dựa vào nghiệp, tùy theo nghiệp của chính mình tạo tác mà lưu chuyển, do nhân duyên đó nên có sự sai biệt về phẩm loại cao, vừa, thấp không đồng. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo chết yểu, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được sống lâu. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo nhiều bệnh, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo ít bệnh. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo có hình sắc thô xấu, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo có hình tướng đẹp đẽ. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh có quả báo có ít uy thế, hoặc có nghiệp khiến cho chúng

sanh có quả báo có uy thế lớn. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo sanh vào dòng họ thấp kém, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo sanh vào dòng họ cao quý. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo có ít của cải, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo có nhiều của cải. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo tà trí, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo chánh trí. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo dọa vào địa ngục, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo làm súc sanh. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo làm ngạ quỷ, làm A-tu-la. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo làm người, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo sanh nơi cõi trời. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo nơi trời cõi Sắc, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo nơi trời cõi Vô sắc. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo quyết định, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo bất định. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo sanh nơi biên địa, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo sanh ở vùng giữa nước. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo sanh trọn thọ mạng ở địa ngục, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo sanh nửa thọ mạng ở địa ngục. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo sanh trong địa ngục vừa vào liền ra. Hoặc có nghiệp làm mà không tụ tập, hoặc có nghiệp tụ tập mà không làm. Hoặc có nghiệp vừa làm vừa tụ tập, hoặc có nghiệp không làm không tụ tập. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh trước vui sau khổ, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh trước khổ sau vui. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh trước khổ sau khổ, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh trước vui sau vui. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh nghèo mà ưa thích bố thí, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh giàu mà keo kiệt. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh giàu mà hay bố thí, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh nghèo mà keo kiệt. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh thân được vui mà tâm bị khổ, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh tâm được vui mà thân bị khổ. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh cả thân tâm đều vui, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh cả thân tâm đều khổ. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh mang tuy hết rồi nhưng nghiệp chưa hết, hoặc có

nghiệp khiến cho chúng sanh nghiệp tuy hết rồi mà mạng vẫn còn. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh cả nghiệp và mạng đều hết, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh cả nghiệp và mạng đều còn, có thể đoạn trừ các phiền não. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh sanh nơi cõi ác mà hình dung đẹp đẽ, diện mạo đoan nghiêm, da dẻ tươi tắn, ai cũng ưa nhìn. Hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh sanh nơi cõi ác mà hình dung thô xấu, da dẻ sù sì, không ai thích nhìn, hoặc có nghiệp khiến cho chúng sanh sanh nơi cõi ác, mà thân miệng hôi thối, các căn khuyết tật.

Hoặc có chúng sanh tạo tác hành động theo mười nghiệp bất thiện bị ác báo bên ngoài. Hoặc có chúng sanh tạo tác hành động theo mười thiện nghiệp được quả báo thù thắng ở bên ngoài.

Lại nữa, này Trưởng giả, hoặc có chúng sanh kính lạy tháp miếu của Phật được mười thứ công đức; cúng thí lọng quý được mười thứ công đức; cúng thí cờ phướn được mười thứ công đức; cúng thí chuông, linh được mười thứ công đức; cúng thí y phục được mười thứ công đức; cúng thí chén, bát đồ dùng được mười thứ công đức; cúng thí đồ ăn thức uống được mười thứ công đức; cúng thí giày dép được mười thứ công đức; cúng thí hương hoa được mười thứ công đức; cúng thí đèn sáng được mười thứ công đức; cung kính chấp tay đánh lễ được mười thứ công đức.

Đó gọi là lược nói về pháp môn sai biệt của nghiệp báo tại thế gian.

#### Đức Phật bảo:

–Này Trưởng giả Thủ-ca, có mười loại nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo chết yếu:

1. Tự mình sát sanh.
2. Bảo người sát sanh.
3. Khen ngợi sự giết hại.
4. Thấy giết hại thì vui sướng.
5. Đối với người oán ghét thì muốn tiêu diệt.
6. Thấy người oán của mình bị tiêu diệt rồi thì trong lòng sung sướng.
7. Làm hư thai của người khác.
8. Dạy người hủy hoại thai nở người khác.

9. Xây dựng miếu thờ trời để giết hại chúng sanh.

10. Dạy người đánh nhau để hai bên bị tàn hại.

Do mười nghiệp này nên bị quả báo chết yếu.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo trường

thọ:

1. Tự mình không sát sanh.

2. Khuyên người khác đừng sát sanh.

3. Tán thán sự không sát sanh.

4. Thấy người không sát sanh trong lòng vui mừng.

5. Thấy người bị giết hại, dùng phương tiện cứu thoát.

6. Thấy kẻ bị cái chết khủng bố, luôn an ủi họ.

7. Thấy kẻ bị khủng bố, bố thí sự vô úy.

8. Thấy người bị các khổ nạn, khởi tâm thương xót.

9. Thấy người bị các tai nạn cấp bách, luôn khởi tâm đại bi.

10. Dùng các thức ăn uống bổ thí cho chúng sanh.

Do mười nghiệp này nên được trường thọ.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo nhiều bệnh:

1. Thích đánh đập tất cả chúng sanh.

2. Khuyên người khác đánh đập.

3. Khen ngợi sự đánh đập.

4. Thấy đánh đập thì hoan hỷ.

5. Gây khổ não cho cha mẹ khiến cha mẹ buồn rầu.

6. Quấy nhiễu các bậc Thánh hiền.

7. Thấy người oán của mình bị bệnh khổ, trong lòng vô cùng vui

sướng.

8. Thấy người oán của mình lành bệnh, trong lòng không vui.

9. Đối với bệnh của kẻ oán thù, cho không đúng thuốc trị bệnh.

10. Đồ ăn cách đêm khó tiêu lại ăn vào.

Do mười nghiệp này nên bị quả báo nhiều bệnh.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo ít bệnh:

1. Không đánh đập tất cả chúng sanh.

2. Không khuyên người khác đánh đập.

3. Tán thán sự không đánh đập.

4. Thấy người không đánh đập, tâm sanh hoan hỷ.

5. Cúng dường cha mẹ và các người bệnh.

6. Thấy bậc Hiền thánh bị bệnh hoạn thì giúp đỡ chăm sóc, cúng dường.

7. Thấy kẻ oán của mình lành bệnh sanh tâm hoan hỷ.

8. Thấy người bệnh khổ thì bố thí thuốc hay, cũng khuyên người khác bố thí.

9. Đối với chúng sanh bệnh khổ, sanh tâm thương xót.

10. Đối với đồ ăn thức uống, tự mình có thể biết hạn chế, điều độ.

Do mươi nghiệp này nên được quả báo ít bệnh.

Lại có mươi nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo hình tướng thô xấu:

1. Ưa phẫn nộ.

2. Ưa ôm lòng ghét giận.

3. Dối láo làm mê hoặc người khác.

4. Gây phiền khổ cho chúng sanh.

5. Đối với chỗ ở của cha mẹ không có lòng kính yêu.

6. Đối với chỗ của các bậc Hiền thánh không sanh tâm cung kính.

7. Xâm đoạt ruộng vườn sản nghiệp của các bậc Hiền thánh.

8. Phá bỏ ánh sáng của đèn đuốc nơi tháp miếu Phật.

9. Thấy người thô xấu thì hủy báng khinh chê.

10. Làm theo các hạnh ác.

Do mươi nghiệp này nên bị quả báo hình tướng thô xấu.

Lại có mươi nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo đoan chánh:

1. Không sân hận.

2. Bố thí y phục.

3. Thương yêu cha mẹ.

4. Tôn trọng các bậc Hiền thánh.

5. Tu bổ, sơn phết tháp Phật.

6. Lau quét từ đường.

7. Lau quét Già-lam.

8. Lau quét tháp Phật.

9. Thấy người thô xấu không có tâm khinh khi, mà có lòng cung kính.

10. Thấy người đoan chánh biết rõ do nhân từ đời trước.

Do mươi nghiệp này nên được quả báo đoan chánh.

Lại có mươi nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo ít uy thế:

1. Đối với chúng sanh khởi tâm ganh ghét.

2. Thấy người khác được tài lợi, sanh tâm buồn rầu, bức tức.

3. Thấy người khác bị mất lợi, trong lòng vui mừng.

4. Thấy người khác được danh tiếng, sanh tâm ganh ghét.

5. Thấy người bị mất danh dự, trong lòng hân hoan.

6. Tâm Bồ-đề thoái chuyển, hủy hoại hình tượng của Phật.

7. Đối với cha mẹ mình và chỗ ở của các bậc Hiền thánh không có tâm thờ phụng.

8. Khuyên người tu tập theo nẻo ít uy đức.

9. Làm chướng ngại đối với kẻ khác tu tập theo nẻo có uy đức lớn.

10. Thấy người có ít uy đức sanh lòng khinh dễ.

Do mươi nghiệp này nên bị quả báo có ít uy thế.

Lại có mươi nghiệp khiến cho chúng sanh có quả báo được uy thế lớn:

1. Đối với chúng sanh không có tâm đố kỵ.

2. Thấy người khác được tài lợi sanh tâm hoan hỷ.

3. Thấy người khác mất lợi sanh tâm thương xót.

4. Thấy người khác được danh dự trong lòng hân hoan.

5. Thấy người khác bị mất danh dự, giúp họ bớt buồn lo.

6. Phát tâm Bồ-đề, tạo hình tượng Phật, cúng thí dù, lọng báu.

7. Đối với cha mẹ mình và chỗ các bậc Hiền thánh luôn cung kính nghinh đón.

8. Khuyên người bỏ nghiệp ít có uy đức.

9. Khuyên người tu hành theo nghiệp có uy đức lớn.

10. Thấy người không có uy đức không đem lòng khinh chê.

Do mươi nghiệp này nên được quả báo có uy lực lớn.

Lại có mươi nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo sanh vào dòng họ thấp kém:

1. Không biết kính Cha.

2. Không biết kính Mẹ.

3. Không biết kính Sa-môn.

4. Không biết kính Bà-la-môn.

5. Đối với các bậc Tôn trưởng không biết kính ngưỡng.
6. Đối với các Sư trưởng không cung kính đón tiếp cúng dường.
7. Thấy các bậc Tôn trưởng không cung kính mời ngồi.
8. Đối với cha mẹ không tuân theo lời giáo huấn.
9. Đối với các bậc Hiền thánh không thọ nhận sự chỉ dạy.
10. Khinh chê kẻ thấp kém.

Do mười nghiệp này nên bị quả báo sanh vào dòng họ thấp kém.  
Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo sanh vào dòng họ cao quý:

1. Khéo biết kính Cha.
2. Khéo biết kính Mẹ.
3. Khéo biết kính Sa-môn.
4. Khéo biết kính Bà-la-môn.
5. Cung kính giúp đỡ bậc Tôn trưởng.
6. Cung kính tiếp đón các bậc Sư trưởng.
7. Thấy các bậc Sư trưởng cung kính mời ngồi.
8. Đối với cha mẹ thì kính thọ lời giáo huấn.
9. Đối với bậc Hiền thánh thì tôn kính, thọ giáo.
10. Không khinh kẻ thấp hèn.

Do mười nghiệp này nên được quả báo sanh vào dòng họ cao quý.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo có ít của cải:

1. Tự mình làm việc trộm cắp.
2. Khuyên người khác trộm cắp.
3. Khen ngợi sự trộm cắp.
4. Thấy trộm cắp thì hoan hỷ.
5. Đối với cha mẹ không lo làm ăn, phụng dưỡng.
6. Đối với Hiền thánh thì chiếm đoạt tài vật.
7. Thấy người khác được tài vật thì tâm không hoan hỷ.
8. Ngăn cản người khác được lợi, làm cho họ thường gặp tai nạn.
9. Thấy người khác bối thí, không có tâm tùy hỷ.
10. Thấy người đời đói kém, tâm không thương xót mà lại vui sướng.

Do mười nghiệp này nên bị quả báo đời sống có ít của cải.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo đời sống có nhiều của cải:

1. Tự mình xa lìa trộm cắp.
2. Không khuyên người khác trộm cắp.
3. Không tán thán sự trộm cắp.
4. Thấy người không trộm cắp sanh tâm hoan hỷ.
5. Đối với chỗ ở của cha mẹ lo gắng sức làm ăn, phụng dưỡng.
6. Đối với các vị Hiền thánh thì cung cấp những vật cần dùng.
7. Thấy người khác được lợi, sanh tâm hoan hỷ.
8. Thấy người tìm cầu điều lợi ích thì tạo phương tiện hỗ trợ.
9. Thấy người bố thí thuốc trị bệnh thì sanh tâm hoan hỷ.
10. Thấy người đói đói khổ, sanh tâm thương xót.

Do mươi nghiệp này nên được quả báo đời sống có nhiều của cải.

Lại có mươi nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo tà trí:

1. Không hay học hỏi với Sa-môn, Bà-la-môn có trí tuệ.
2. Rao truyền pháp ác.
3. Không thể tu tập, thọ trì chánh pháp.
4. Tán thán pháp không phải định, cho là pháp định.
5. Tiếc pháp không chịu nói.
6. Thân cận kẻ tà trí.
7. Xa lìa chánh trí.
8. Tán thán tà kiến.
9. Xả bỏ chánh kiến.
10. Thấy người ngu si, xấu xí thì khinh khi chê bai.

Do mươi nghiệp này nên bị quả báo tà trí.

Lại có mươi nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo chánh trí:

1. Khéo hỏi han những vị Sa-môn, Bà-la-môn có trí tuệ.
2. Rao truyền pháp lành.
3. Nghe và thọ trì chánh pháp.
4. Thấy người nói pháp định khen ngợi: “Lành thay!”.
5. Ưa nói chánh pháp.
6. Thân cận người có chánh trí.
7. Thân giữ, bảo vệ chánh pháp.
8. Siêng tu hạnh nghe nhiều.
9. Xa lìa tà kiến.
10. Thấy người ngu si, xấu xí không có tâm khinh chê.

Do mươi nghiệp này nên được quả báo chánh trí.

Lại có mươi nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo đọa vào địa ngục:

1. Thân tạo nghiệp ác nặng.
2. Miệng lời nghiệp ác nặng.
3. Ý tạo nghiệp ác nặng.
4. Khởi sanh kiến chấp về không.
5. Khởi sanh kiến chấp về có.
6. Khởi sanh kiến chấp về không có nhân quả.
7. Khởi sanh kiến chấp không có sự tạo tác.
8. Khởi sanh kiến chấp không có kiến thức.
9. Khởi sanh kiến chấp về một bên.
10. Không biết báo đáp ân đức.

Do mươi nghiệp này nên bị quả báo đọa vào địa ngục.

Lại có mươi nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo sanh vào hàng súc sanh:

1. Thân tạo nghiệp ác bậc trung.
2. Miệng tạo nghiệp ác bậc trung.
3. Ý tạo nghiệp ác bậc trung.
4. Từ phiền não tham khởi ra các nghiệp ác.
5. Từ phiền não sân khởi ra các nghiệp ác.
6. Từ phiền não si khởi ra các nghiệp ác.
7. Chửi mắng chúng sanh.
8. Não hại chúng sanh.
9. Bố thí vật bất tịnh.
10. Làm việc tà dâm.

Do mươi nghiệp này nên bị quả báo sanh vào hàng súc sanh.

Lại có mươi nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo sanh vào hàng ngạ quỷ:

1. Thân tạo nghiệp ác nhẹ.
2. Miệng tạo nghiệp ác nhẹ.
3. Ý tạo nghiệp ác nhẹ.
4. Sanh tâm tham nhiều.
5. Sanh tâm tham ác.
6. Ganh ghét.
7. Tà kiến.

8. Tham đắm về của cải trong đời sống ngay khi mạng chung.

9. Do đói mà chết.

10. Bị khô khát bức bách mà chết.

Do mười nghiệp này nên bị quả báo sanh vào hàng ngạ quỷ.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo sanh vào hàng A-tu-la:

1. Thân tạo nghiệp ác chút ít.

2. Miệng tạo nghiệp ác chút ít.

3. Ý tạo nghiệp ác chút ít.

4. Kiêu mạn.

5. Ngã mạn.

6. Tăng thượng mạn.

7. Đại mạn.

8. Tà mạn.

9. Mạn mạn.

10. Đem các căn lành hướng về cõi A-tu-la.

Do mười nghiệp này nên bị quả báo sanh vào hàng A-tu-la.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo sanh ở cõi người:

1. Không sát sanh.

2. Không trộm cắp.

3. Không tà dâm.

4. Không nói dối.

5. Không nói lời thêu dệt.

6. Không nói hai lưỡi.

7. Không nói lời ác độc.

8. Không tham lam.

9. Không sân hận.

10. Không tà kiến.

Đối với mười nghiệp thiện, vẫn còn thiếu sót, chưa được hoàn toàn. Do mười nghiệp này nên được quả báo sanh vào cõi người.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo sanh vào cõi trời thuộc Dục giới. Đó là tu hành đầy đủ làm tăng trưởng mười điều thiện.

Lại có mười nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo sinh vào

cõi trời thuộc Sắc giới. Đó là tu hành mười điều thiện hữu lậu cùng tương ứng với pháp định.

Lại có bốn nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo sanh ở cõi trời thuộc Vô sắc giới:

1. Vượt qua tất cả tưởng về Sắc, diệt trừ các tưởng Hữu đối, nhập vào định Không xứ.
2. Vượt qua tất cả định Không xứ, nhập vào định Thức xứ.
3. Vượt qua tất cả định Thức xứ; nhập vào định Vô sở hữu xứ.
4. Vượt qua định Vô sở hữu xứ, nhập vào định Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Do bốn nghiệp này nên được quả báo sanh ở cõi trời thuộc Vô sắc giới.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo quyết định. Nếu ai đối với Phật, Pháp, Tăng và người giữ giới, khởi tâm bố thí luôn tăng trưởng. Do nghiệp thiện này, nên phát nguyện hồi hướng, liền được vãng sanh. Đó gọi là nghiệp báo quyết định.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo bất định. Như tạo nghiệp không phải với tâm tăng trưởng hỗ trợ, lại không tu tập, cũng không phát nguyện hồi hướng thọ sanh. Đó gọi là nghiệp báo bất định.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh bị quả báo sanh ở biên địa. Như tạo nghiệp đối với Phật, Pháp, Tăng, người trì giới thanh tịnh cùng với chỗ ở của đại chúng, nhưng không sinh tâm bố thí và hỗ trợ sự bố thí, rồi do cẩn lành này nguyện sanh ở biên địa. Do nguyện ấy nên liền sanh ở biên địa, thọ quả báo tịnh và bất tịnh.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh được quả báo sanh ở vùng trung tâm đất nước. Nếu khi tạo nghiệp đối với Phật, Pháp, Tăng, người trì giới thanh tịnh, gần người phạm hạnh, và chỗ ở của đại chúng, khởi tâm bố thí, hết lòng hỗ trợ sự bố thí. Nhờ cẩn lành này quyết định phát nguyện cầu sanh nơi vùng trung tâm đất nước, lại được gặp Phật, nghe chánh pháp, thọ quả báo thanh tịnh thượng diệu.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh mãi mãi ở trong địa ngục. Như có chúng sanh, tạo nghiệp địa ngục rồi, không hổ thẹn, cũng không chán lìa, tâm không biết sợ hãi, trái lại còn sanh tâm vui thích, cũng không sám hối, còn tạo thêm nghiệp ác sâu nặng, như Đề-bà-đạt-đa... do tạo nghiệp này cho nên suốt đời ở trong địa ngục.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh bị đọa vào địa ngục, nửa chừng thì mạng yếu, không hết mạng. Như có chúng sanh tạo nghiệp địa ngục, tích tập thành rồi, sau sanh sợ hãi, xấu hổ, chán lìa, sám hối từ bỏ, chẳng còn tâm hỗ trợ. Do nghiệp này nêu ở trong địa ngục, sau biết hối cải, chỉ thọ quả báo nửa chừng thì yếu, không hết thọ mạng.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh bị đọa vào địa ngục, mới vào liền ra. Như có chúng sanh tạo nghiệp địa ngục, tạo tác xong thì sơ sệt, khởi lòng tin luôn tăng trưởng, sanh tâm xấu hổ, chán lìa điều ác nêu xả bỏ, ân cần sám hối, lại không tạo nữa. Như vua A-xà-thế giết cha, tạo nên các tội, vừa vào địa ngục liền được giải thoát.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Nếu ai tạo tội nặng,  
Tạo rồi tự trách mình.  
Sám hối không tạo nữa  
Nhổ hết nghiệp căn bản.*

Lại có nghiệp làm mà không nhóm tập. Như có chúng sanh thân, khẩu, ý... tạo các nghiệp ác, tạo rồi lo sợ, xấu hổ xa lìa, tự trách cứ hối hận, không còn tạo điều ác lại nữa, đó gọi là làm mà không chứa nhóm.

Lại có nghiệp nhóm tập mà không làm. Như có chúng sanh tự mình không tạo nghiệp, do vì ác tâm nêu khuyên người khác làm ác. Đó gọi là chứa nhóm không làm.

Lại có nghiệp vừa tạo tác vừa tích tập. Như có chúng sanh tạo các nghiệp ác rồi, tâm không hối cải, mà thỉnh thoảng cứ tạo nghiệp, lại còn khuyên người khác tạo điều ác. Đó gọi là vừa tạo tác vừa tích tập.

Lại có nghiệp không tạo tác cũng không tích tập. Như có chúng sanh tự mình không tạo điều ác, cũng không dạy người khác tạo điều ác, thuộc về nghiệp vô ký. Đó gọi là không tạo tác cũng không tích tập.

Lại có nghiệp ban đầu thì vui sau thì khổ. Như có chúng sanh do người khác khuyên nêu hoan hỷ bố thí, nhưng tâm bố thí không kiên cố, sau lại hối tiếc. Do nhân duyên đó nêu sanh ở nhân gian, trước thì giàu có sung sướng, sau lại bần cùng nghèo khổ. Đó gọi là ban đầu thì vui sau thì khổ.

Lại có nghiệp ban đầu thì khổ sau thì vui. Như có chúng sanh nhờ người khuyên bảo, miễn cưỡng bố thí chút ít, nhưng bố thí rồi thì hoan hỷ, tâm không hối tiếc. Do nhân duyên này nêu sanh ở nhân gian, ban đầu thì nghèo khổ nhưng về sau thì giàu có sung sướng. Đó gọi là ban đầu thì khổ nhưng sau thì vui.

Lại có nghiệp ban đầu thì khổ về sau cũng khổ. Như có chúng sanh, xa lìa thiện tri thức, không ai khuyên bảo, dẫn dắt, cho đến không thể làm việc bố thí dù chút ít. Do nhân duyên này nêu sanh ở nhân gian ban đầu đã bần khổ về sau cũng bần khổ. Đó gọi là ban đầu khổ mà về sau vẫn khổ.

Lại có nghiệp ban đầu vui sướng mà về sau cũng vui sướng. Như có chúng sanh được gần gũi thiện tri thức, nhờ họ khuyên bảo nên bố thí, rồi sanh tâm hoan hỷ, kiên cố tu hạnh bố thí. Do nguyên nhân đó nêu sanh ở nhân gian, ban đầu đã giàu có, sung sướng, về sau cũng giàu có sung sướng.

Lại có nghiệp nghèo mà ưa thích bố thí. Như có chúng sanh, trước đã từng bố thí, nhưng không gặp phước điền, bị lưu chuyển trong sanh tử, nêu sanh ở nhân gian, do không gặp phước điền, nên được quả báo rất ít, vừa được liền mất. Nhưng do nhân đã bố thí nên dù có bần cùng vẫn hay làm việc bố thí.

Lại có nghiệp giàu có mà tham lam keo kiệt. Như có chúng sanh chưa từng bố thí, gặp thiện tri thức khuyên bảo nên tạm thời làm việc bố thí, lại gặp được phước điền tốt đẹp. Nhờ gặp ruộng phước tốt nên đời sống được sung túc. Vì trước không có tạo nhân cho nên kẻ ấy tuy giàu có mà keo kiệt.

Lại có nghiệp giàu có mà hay bố thí. Như có chúng sanh gặp được thiện tri thức, tu hạnh bố thí thật nhiều, lại gặp được phước điền tốt. Do nhân duyên này nêu được giàu có hết mực, tiền của nhiều, mà vẫn luôn thực hành bố thí.

Lại có nghiệp nghèo mà tham lam keo kiệt. Như có chúng sanh xa lìa thiện tri thức, không ai khuyên bảo chỉ dẫn, nên không thể thực hành bố thí. Do nhân duyên này, sanh ở nhà bần cùng mà vẫn tham lam keo kiệt.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh được thân an lạc nhưng tâm không an lạc, như hàng phàm phu có được phước đức.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh tâm được an lạc nhưng thân không an lạc, như bậc A-la-hán không phước.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh cả thân lẫn tâm đều an lạc như bậc A-la-hán có phước.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh cả thân lẫn tâm đều không an lạc, như kẻ phàm phu vô phước.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh mang đã tận mà nghiệp không dứt hết. Như có chúng sanh từ địa ngục, chết rồi cũng lại sanh vào địa ngục, hoặc súc sanh, ngạ quỷ, cho đến các cõi người, trời, A-tu-la... cũng lại như vậy. Đó gọi là mang đã tận mà nghiệp không dứt hết.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh nghiệp đã tận mà mang không tận. Như có chúng sanh hết vui thì thọ khổ, hết khổ thì được vui..., đó gọi là nghiệp đã tận mà mang không tận.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh cả nghiệp lẫn mạng đều tận. Như có chúng sanh từ địa ngục ra lại sanh vào hàng súc sanh hay ngạ quỷ, cho đến cõi người, trời, A-tu-la..., đó gọi là cả nghiệp lẫn mạng đều tận.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh cả nghiệp lẫn mạng đều không tận. Như có chúng sanh đã trừ hết các phiền não, tức là các bậc Tu-dà-hoàn, Tư-dà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán... đó gọi là cả nghiệp lẫn mạng đều không tận.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh tuy sanh ở cõi ác nhưng hình dáng lại đẹp đẽ, mắt mày đoan nghiêm, da dẻ tươi tắn ai cũng thích nhìn. Như có chúng sanh do phiền não tham dục, khởi nghiệp phá giới. Do nhân duyên này, tuy sanh nơi cõi ác mà hình dáng đẹp đẽ, mắt mày đoan nghiêm, da dẻ tươi tắn ai cũng muốn nhìn.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh sanh ở cõi ác, hình dung xấu xí, da dẻ thô nhám, chẳng ai muốn nhìn. Như có chúng sanh do phiền não sân hận dấy khởi nghiệp phá giới. Do nhân duyên này, sanh vào cõi ác, hình sắc xấu xí, da thịt thô nhám, chẳng ai muốn nhìn.

Lại có nghiệp khiến cho chúng sanh sanh nơi cõi ác, thân miệng hôi thối, các căn khuyết tật. Như có chúng sanh do phiền não si mê khởi ra nghiệp phá giới. Do nhân duyên này sanh nơi cõi ác, thân miệng hôi thối, các căn khuyết tật.

Lại có mười nghiệp bị quả báo xấu ác ở bên ngoài. Như có chúng sanh đối với mười nghiệp bất thiện phần nhiều tạo tác hành động nên tương ứng với các ngoại vật đều không được đầy đủ:

1. Do nghiệp sát sanh cho nên khiến cho các quả báo bên ngoài như ở vùng đất muối mặn, cỏ thuốc không có.
2. Do nghiệp trộm cắp nên tương ứng với ngoại cảnh như sương sa, mưa đá, trùng sâu... khiến cho đời sống luôn bị đói kém.
3. Do nghiệp tà dâm nên cảm ứng với ngoại cảnh như gió mưa dữ dội, bụi bặm đầy đầy.
4. Do nghiệp nói dối nên cảm ứng với ngoại vật đều dơ bẩn, hôi thối.
5. Do nghiệp nói hai lưỡi, nên cảm ứng với ngoại cảnh như đất đai cao thấp không bằng phẳng, bờ ao hang hốc ghè, cây cối gai gốc.
6. Do nghiệp ác khẩu nên cảm ứng với quả báo bên ngoài như chỗ ở toàn là đá, sạn, cát, sỏi, các vật xấu xí thô nhám, không thể gần gũi.
7. Do nghiệp nói thêu dệt nên cảm ứng với quả báo bên ngoài, khiến cảnh vật chung quanh toàn là cây cối rậm rạp, cành nhánh chông gai.
8. Do nghiệp tham nên cảm ứng với quả báo bên ngoài khiến cho các thứ hạt mầm, lúa thóc đều nhỏ bé.
9. Do nghiệp sân hận nên cảm ứng với quả báo bên ngoài, khiến cây cối sanh ra đều là trái đắng.
10. Do nghiệp tà kiến nên cảm ứng với quả báo bên ngoài khiến các thứ lúa thóc không hạt thu gặt quá ít ỏi.

Do mười nghiệp này bị quả báo xấu ác nơi bên ngoài như thế.

Lại có mười nghiệp đạt được quả báo thù thắng ở bên ngoài. Như có chúng sanh tu mười nghiệp thiện luôn thuận hợp, tăng trưởng, nên biết là đạt được mười quả báo thù thắng ở bên ngoài.

Như có chúng sanh thường kính lễ thấp mieu của Phật, sẽ được mười thứ công đức:

1. Được sắc đẹp, tiếng hay.
2. Nói ra điều gì ai cũng tin phục.
3. Không sợ sệt trước mọi người.

4. Trời, người đều ái hộ.
5. Đầy đủ uy lực.
6. Có uy lực, được chúng sanh tìm đến thân cận, nương nhờ.
7. Thường được gần gũi chư Phật, Bồ-tát.
8. Có đầy đủ phước đức lớn lao.
9. Mạng chung được sanh lên cõi trời.
10. Mau chứng đạo quả Bồ-đề.

Đó là kính lạy tháp miếu của Phật được mười thứ công đức như vậy.

Như có chúng sanh cúng thí dù lòng báu sẽ được mười thứ công đức:

1. Sống ở thế gian cũng như là dù lòng che chở chúng sanh.
2. Thân tâm an ổn, xa lìa các thứ phiền não bức bách.
3. Mọi người đều kính trọng, không ai dám khinh mạn.
4. Có uy lực lớn.
5. Thường được thân cận chư Phật, Bồ-tát, là các bậc có uy đức lớn, lấy đó làm quyền thuộc.
6. Thường được làm Chuyển luân Thánh vương.
7. Luôn làm bậc Thượng thủ, tu tập nghiệp thiện.
8. Có đầy đủ phước báo lớn.
9. Mạng chung được sanh lên cõi trời.
10. Mau chứng Niết-bàn.

Đó là cúng thí dù lòng báu sẽ được mười thứ công đức.

Như có chúng sanh cúng thí cờ phướn được mười thứ công đức:

1. Ở đời giống như lá cờ phướn quý giá, từ quốc vương đại thần, thân hữu tri thức luôn cung kính cúng dường.
2. Giàu có, tự tại, đầy đủ tài sản lớn.
3. Tiếng tốt truyền khắp, bao trùm các phương.
4. Tướng mạo đoan nghiêm, thọ mạng lâu dài.
5. Thường ở chỗ mình, sinh sống, thể hiện hạnh kiên cố.
6. Có danh vọng lớn.
7. Có uy đức lớn.
8. Sanh nơi tộc họ cao quý.
9. Thân hoại mạng chung được sanh lên cõi trời.
10. Mau chứng Bồ-đề.

Đó là cúng thí cờ phướn sẽ được mười thứ công đức như thế.

Như có chúng sanh cúng thí các loại chuông, linh sẽ được mười thứ công đức:

1. Được âm thanh như Phạm thiên.
2. Được tiếng tăm lớn.
3. Tự biết kiếp trước.
4. Nói ra điều gì ai cũng cung kính, thọ nhận.
5. Thường có dù lọng báu để tự trang nghiêm.
6. Có ngọc Anh lạc đẹp làm đồ trang sức.
7. Diện mạo doan nghiêm, ai nhìn thấy cũng hoan hỷ.
8. Có đủ phước báo lớn lao.
9. Mạng chung được sanh lên cõi trời.
10. Mau chứng Niết-bàn.

Đó là cúng thí các loại chuông, linh được mười thứ công đức.

Như có chúng sanh cúng thí y phục sẽ được mười thứ công đức:

1. Mặt, mắt tươi đẹp.
2. Da dẻ tươi thắm, mịn màng.
3. Thân tướng không dính bụi bặm cấu uế.
4. Lúc sanh ra liền có đầy đủ y phục tốt đẹp.
5. Có đủ đồ nằm, ngồi tốt đẹp, che chắn thân.
6. Có đầy đủ mọi tâm hổ thiện.
7. Ai thấy cũng kính yêu.
8. Có nhiều tài sản, vật báu.
9. Mạng chung sanh lên cõi trời.
10. Mau chứng Niết-bàn.

Đó là cúng thí y phục sẽ được mười thứ công đức.

Như có chúng sanh cúng thí các vật dụng đựng đồ ăn thì sẽ đạt được mươi thứ công đức:

1. Ở đời như một người có tài năng.
2. Luôn được pháp luật tốt đẹp che chở, ban ơn.
3. Lìa mọi nẻo tham đắm ái dục.
4. Như cạn nguồn nước uống, thì các khe suối liền vọt nước ra tràn trề.
5. Không hề bị sanh vào cõi ngạ quỷ.
6. Có được vật dụng đẹp đẽ của trời.
7. Xa lìa bạn ác.

8. Đầy đủ phước báo lớn.
9. Mạng chung sanh lên cõi trời.
10. Mau chứng đắc Niết-bàn.

Đó là cúng thí các vật dụng đựng đồ ăn sẽ được mười thứ công đức như vậy.

Như có chúng sanh cúng thí các thứ ăn uống sẽ đạt được mười thứ công đức:

1. Được thọ mạng lâu dài.
2. Được sắc đẹp.
3. Được sức lực khỏe mạnh.
4. Được biện tài vô ngại, an ổn.
5. Được pháp không hề sợ hãi.
6. Không có biếng nhác, luôn được mọi người kính ngưỡng.
7. Mọi người đều yêu thích.
8. Có đủ phước báo lớn.
9. Mạng chung sanh lên cõi trời.
10. Mau chứng Niết-bàn.

Đó là cúng thí các thức ăn uống sẽ được mười điều công đức như thế.

Như có chúng sanh cúng thí giày dép sẽ được mười thứ công đức:

1. Có đầy đủ xe cộ đẹp đẽ.
2. Chân bước đi luôn bình an.
3. Bàn chân mềm mại.
4. Đi xa luôn nhẹ nhàng, khoẻ khoắn.
5. Thân không mệt mỏi.
6. Dù đi đến đâu cũng không bị chông gai, sạn sỏi làm chân bị tổn thương.

7. Được diệu lực thần thông.
8. Luôn được các sứ giả giúp đỡ.
9. Mạng chung được sanh lên cõi trời.
10. Mau chứng Niết-bàn.

Đó là cúng thí giày dép sẽ được mười thứ công đức.

Như có chúng sanh cúng thí hương hoa sẽ được mười thứ công đức:

1. Sống ở đời như bông hoa.

2. Thân thể không hôi thối.
3. Hương phước hương giữ giới lan tỏa khắp các phương.
4. Theo chỗ sanh đến, tỳ căn không hề hư hoại.
5. Hơn hẳn thế gian, được mọi người quy ngưỡng.
6. Thân thường sạch thơm.
7. Yêu thích chánh pháp, thọ trì đọc tụng.
8. Đủ phước báo lớn.
9. Mạng chung sanh lên cõi trời.
10. Mau chứng Niết-bàn.

Đó là cúng thí hương hoa sẽ được mười thứ công đức.

Nếu có chúng sanh cúng thí đèn sáng sẽ được mười thứ công đức:

1. Tỏa sáng thế gian như đèn.
2. Theo chốn sanh ra, mắt thịt không bị tổn.
3. Được thiên nhãn.
4. Đối với các pháp thiện ác, có trí tuệ biết rõ.
5. Trừ diệt sự hôn ám lớn.
6. Được trí tuệ sáng suốt.
7. Lưu chuyển ở thế gian, thường không bị ở nơi chốn tối tăm.
8. Có đủ phước báo lớn.
9. Mạng chung được sanh lên cõi trời.
10. Mau chứng Niết-bàn.

Đó là cúng thí đèn sáng sẽ được mười thứ công đức.

Nếu có chúng sanh chấp tay cung kính sẽ được mười thứ công đức:

1. Được phước báo thù thắng.
2. Sanh nơi tộc họ cao quý.
3. Được sắc đẹp hơn hết.
4. Được âm thanh bậc nhất.
5. Được dù, lọng quý báu.
6. Được biện tài thù thắng.
7. Được lòng tin thù thắng.
8. Được giới pháp thù thắng.
9. Được sự hiểu biết rộng khắp thù thắng.
10. Được trí tuệ thù thắng.

Đó gọi là chấp tay cung kính sẽ được mười thứ công đức.

Bấy giờ Đức Thế Tôn thuyết giảng pháp xong, Trưởng giả Thủ-ca nghe Đức Phật giảng đạt được tín tâm thanh tịnh.

Trưởng giả Thủ-ca, cung kính đánh lễ Đức Phật, thưa:

–Nay con xin thỉnh Đức Phật đến thành Xá-bà-đề, tới chỗ ở của cha con, tức nhà Trưởng giả Đao-đề. Mong Ngài hạ cố, khiến cho cha con và tất cả mọi người mãi mãi được an lạc.

Đức Thế Tôn vì muốn đem lại lợi ích cho mọi người nên im lặng nhận lời.

Trưởng giả Thủ-ca, nghe Phật dạy xong, trong lòng hết sức hoan hỷ, đánh lễ rồi lui ra.



SỐ 81

# PHẬT NÓI KINH PHÂN BIỆT THIỆN ÁC BÁO ỨNG

*Hán dịch: Đời Tống, Sa-môn Thiên Tức Tài người Thiên trúc.*

## QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Thế Tôn ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, đến giờ thọ trai, Đức Thế Tôn vận y ôm bát mang y đi vào thành Xá-vệ, thứ lớp khất thực, tới nhà của Trưởng giả Du-ca, con trai của Đâu-nễ-dã, đứng ở ngoài cửa. Lúc đó, con chó của Trưởng giả Du-ca tên là Thương khư, thường làm công việc giữ cửa, nó luôn được chủ nhà dùng bát đồng đựng đầy đồ ăn ngon cho ăn. Con chó thấy Đức Thế Tôn liền tỏ ra giận dữ, sủa vang. Đức Thế Tôn nói với con Thương khư:

–Ông do chưa tinh ngộ nên thấy Ta mới sủa.

Con Thương khư nghe nói như thế thì không sửa nữa mà càng giận dữ hơn, liền bỏ chõ nằm cũ chạy tới nằm dưới tòa ngồi bằng chiên-đàn. Khi ấy Trưởng giả Du-ca đi ra phía ngoài cửa, thấy con chó nằm im dưới tòa ngồi chiên-đàn, hỏi:

–Ai đã làm ngươi tức giận?

Con Thương khư im lặng. Trưởng giả Du-ca lại hỏi:

–Này hiền tử, người nào đã làm cho Thương khư tức giận như vậy?

Thưa:

—Sa-môn Cù-dàm đã đến đây, đứng ở trước cửa, con thấy rồi sửa vang lên, Sa-môn Cù-dàm ấy nói như vậy: “Do ông chưa tỉnh ngộ nên thấy Ta mới sửa”. Con nghe lời nói ấy rồi, liền tức giận, đứng dậy bỏ chỗ cũ, chạy đến nằm dưới tòa ngồi chiên-đàn.

Du-ca nghe lời ấy thì hết sức tức giận, bèn ra khỏi thành Xá-vệ, đi tới khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc. Lúc ấy, Đức Thế Tôn cùng vô lượng trăm ngàn vị Tỳ-kheo trước sau vây quanh nơi tòa của Ngài để nghe thuyết pháp. Đức Thế Tôn từ xa trông thấy Trưởng giả Du-ca đi tới, liền bảo các Tỳ-kheo:

—Các vị có thấy Trưởng giả Du-ca từ xa đang đi đến chăng?

Các Tỳ-kheo thưa:

—Thưa vâng, chúng con đã thấy.

Đức Thế Tôn nói:

—Ông Trưởng giả ấy đang dấy tâm sân hận đối với Đức Phật, sau khi mang chung chỉ trong chớp mắt sẽ bị đọa vào địa ngục lớn. Vì sao? Vì kẻ ấy đã mê chấp hư vọng, phân biệt ta người, khởi lên phiền não sân hận, hủy báng Phật, tất sẽ đọa vào các cõi ác, thọ vô lượng khổ. Kẻ ấy lại còn sanh tâm khinh mạn đối với Ta, cũng như đối với tất cả chúng sanh.

Đức Thế Tôn bèn đọc kệ:

*Khởi tâm ác với Phật  
Hủy báng, sanh khinh mạn  
Vào trong địa ngục lớn  
Thọ khổ vô cùng tận.  
Có các loại hữu tình  
Với Đạo sư, Tỳ-kheo  
Tạm thời sanh tâm ác  
Mang chung đọa địa ngục.  
Nếu đối với Như Lai  
Khởi tâm đại sân hận  
Đều đọa nơi cõi ác  
Mãi luân hồi thọ khổ.*

Bấy giờ vị Trưởng giả, con ông Đâu-nẽ-dã đi đến chỗ Đức Thế Tôn, cung kính đánh lễ nơi chân Phật, bày tỏ lời thăm hỏi, chúc tụng,

tán thán rồi đứng qua một bên, bạch:

–Thưa Thế Tôn, do nhân duyên gì mà Ngài đến nhà tôi?

Đức Phật bảo Trưởng giả Du-ca:

–Đã đúng giờ ăn, Ta mang y cầm bát vào thành Xá-vệ, thứ lớp khất thực, dừng lại trước cửa nhà ông. Lúc ấy, con Thương khư đang đứng gần đấy, từ từ ăn đồ ăn đựng trong bát bằng đồng, thấy Ta liền sủa vang lên. Ta nói: “Này Thương khư, do ông chưa tinh ngô, nên thấy Ta mới sủa?”. Con chó nghe lời ấy liền tỏ ra giận dữ bỏ đi đến chỗ khác.

Trưởng giả Du-ca thưa:

–Con chó Thương khư này không biết kiếp trước của nó như thế nào, cúi mong Đức Phật giảng nói.

Đức Phật bảo:

–Thôi đi, đừng hỏi việc này! Nếu ông nghe thì càng thêm sầu nã, không thể chịu đựng nổi.

Trưởng giả Du-ca ba lần thưa Đức Phật như vầy:

–Cúi mong Đức Phật giảng nói việc này cho con, con rất muốn nghe.

Đức Thế Tôn bảo Trưởng giả:

–Nay ông hãy lắng nghe và khéo nhớ nghĩ, Ta sẽ nói rõ. Con chó ấy chính là hậu thân của Đâu-nễ-dã, cha ông đấy. Vào đời quá khứ do vọng chấp thân này, vô ngã chấp là ngã, tham lam keo kiệt, ganh ghét, không chịu bố thí, tham tiếc tiền của, không tin Tam bảo, cho nên phải bị đọa vào loài súc sanh. Nay con chó Thương khư này chính là cha của Trưởng giả đó.

Trưởng giả Du-ca lại thưa:

–Cha của con là Đâu-nễ-dã hồi sinh tiền thường hay bố thí, thờ cúng thần Lửa và các quỷ thần, như vậy thân của cha con sau khi mạng chung nhất định phải được sanh lên cõi trời Phạm thiên, hưởng mọi sự, sung sướng an lạc vì cớ gì lại bị đọa vào hàng súc sanh? Điều này thật khó tin!

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Cha của ông là Đâu-nễ-dã, do sự phân biệt ấy nên vọng sanh mê chấp, không hành bố thí, cứu giúp người khác, không tin Tam bảo, do nhân duyên ấy nên bị đọa vào loài chó.

Ngài lại bảo:

—Nay Ta nói như thế chắc hẳn ông không tin, vậy ông hãy trở về nhà hỏi con Thương khư thì rõ.

Bấy giờ Trưởng giả Du-ca từ giã Đức Phật trở về nhà. Đến nơi bèn nói với con chó:

—Này Thương khư, ngươi nếu thật là cha của ta tên là Đâu-nễ-dã, thì ngươi hãy ngồi lên tòa chiên-dàn đi!

Con chó liền nhảy lên ngồi nơi tòa chiên-dàn.

Trưởng giả lại nói.

—Này Thương khư, nếu ngươi thật là cha của ta tên là Đâu-nễ-dã thì hãy đến chỗ mâm đồng ăn món cơm canh nấu thịt ấy đi!

Sau khi con Thương khư ăn xong, Trưởng giả lại bảo:

—Nếu ông thật là cha của ta, tên là Đâu-nễ-dã, vậy thì hãy nêu bày điều kỳ lạ gì đấy đi!

Bấy giờ con Thương khư nghe nói như vậy, liền đứng lên, chạy tới chỗ cũ, dùng mũi ngửi đất phía dưới tòa chiên-dàn, lấy hai chân trước bươi đất, moi ra bốn cái hũ lớn bên trong chứa đầy bình bằng vàng, mâm bằng vàng và các loại báu vật khác nữa. Trưởng giả Du-ca thấy các thứ vàng bạc châu báu ít có này thì vô cùng sung sướng, yêu thích những của báu được cất giấu ấy. Bấy giờ Trưởng giả bèn đi ra khỏi thành Xá-vệ, đến chỗ Đức Phật, một lòng quy kính.

Khi ấy Đức Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo ngồi phía trước tòa. Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

—Các thầy có thấy Trưởng giả Anh Võ, con của Đâu-nễ-dã từ xa đang đi đến không?

Các Tỳ-kheo thưa:

—Thưa vâng, chúng con đã thấy.

Đức Phật nói:

—Này các Tỳ-kheo, hiện tại Trưởng giả ấy nếu thân hoại mạng chung thì như buông bỏ gánh nặng xuống, liền được sanh lên cõi trời. Là vì người ấy đang hoan hỷ, phấn khởi, phát tâm chân thật đối với Ta, cho nên được quả báo như vậy.

Đức Thế Tôn liền đọc bài tụng:

*Đây là một hữu tình  
Phát tâm vui thấy Ta*

*Mạng chung sanh cõi trời  
Như buông xả gánh nặng,  
Đối với thầy thuyết pháp  
Như Lai và Tỳ-kheo  
Tạm thời tâm hoan hỷ  
Quả báo cũng như vậy.*

Đức Thế Tôn nói kệ xong, cùng lúc Trưởng giả Du-ca đi đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lạy nơi chân Ngài, vô cùng hoan hỷ, hết lời xưng tán, khen ngợi là điều chưa từng có, rồi đứng qua một bên. Đức Thế Tôn hỏi Trưởng giả Du-ca:

–Con chó Thương khư ấy phải chẳng quả thật là cha của ông?

Trưởng giả thưa:

–Đúng vậy! Thưa Thế Tôn, như lời Đức Phật đã nói là hoàn toàn chân thật không hư dối, tất cả những điều nghi ngờ của con đều đã dứt trừ.

Khi ấy Trưởng giả Du-ca thưa Đức Thế Tôn:

–Tất cả các loài hữu tình hoặc chết yếu, sống lâu, hoặc có bệnh, không bệnh, đẹp đẽ, xấu xí, sanh nơi tộc họ hào quý, hay thấp hèn, thông minh, ngu độn, dịu dàng, thô lỗ... các việc ấy không giống nhau. Vậy nhân quả thiện ác báo ứng như thế nào?

Đức Phật bảo Trưởng giả Du-ca:

–Lành thay! Lành thay! Ông hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, ta sẽ lần lượt giảng nói: Tất cả hữu tình tạo nghiệp, gây nhân thiện ác không giống nhau, cho nên mới có sự báo ứng hoặc sang hèn, trên dưới, hoặc thuộc tộc họ cao, thấp, sai khác. Nay Ta lược nói như vậy, còn nếu phân biệt rộng rãi thì ý nghĩa ấy hết sức sâu xa.

Trưởng giả Du-ca lại thưa:

–Cúi mong Đức Phật giảng giải rộng cho con được hiểu!

Đức Phật bảo Trưởng giả Du-ca:

–Ông hãy lắng nghe! Tất cả hữu tình tạo các thứ nghiệp, khởi ra vô số các thứ phiền não mê lầm. Nghiệp của chúng sanh có tốt xấu, quả báo phân ra có thiện có ác. Nghiệp xấu, dữ thì thọ quả báo nơi ba cõi ác, nghiệp lành tốt thì nhất định cảm quả báo nơi cõi người, trời. Lại nữa, nghiệp có phân hạng, mạng sống có ngắn dài. Lại nữa, có nghiệp khiến chúng sanh thọ quả báo nhiều bệnh, ít bệnh, đẹp đẽ, xấu

xí; hoặc lại có nghiệp khiến chúng sanh thọ quả báo phú quý, bần cùng, thông minh trí tuệ, đần độn, ngu si ám muội; hoặc lại có nghiệp khiến chúng sanh bị đọa vào ba đường ác; hoặc lại có nghiệp khiến được sanh ở Dục giới, Nhân, Thiên, cho đến cõi trời Hữu đảnh; hoặc lại có nghiệp khiến chúng sanh thọ quả báo xa, gần; hoặc lại có nghiệp khiến chúng sanh mong cầu không toại nguyện; hoặc lại có nghiệp không cầu mà tự đến; có nghiệp khiến chúng sanh thành tựu khó hay dễ, thành công hay không thành công; hoặc lại có nghiệp khiến chúng sanh thọ mạng mãi mãi ở trong địa ngục hay yếu mạng, nhẹ nặng không đồng; hoặc có nghiệp khiến chúng sanh giàu sang nghèo khổ, trước sau không nhất định; hoặc có nghiệp khiến chúng sanh giàu có hay khổ cực ưa thích bố thí hay keo kiệt không nhất định; hoặc lại có nghiệp khiến chúng sanh thọ mạng dài ngắn không nhất định; hoặc có nghiệp khiến chúng sanh thân tâm vui vẻ hay bị khổ não không nhất định; hoặc lại có nghiệp khiến chúng sanh có hình dáng đẹp đẽ, tươi tắn đáng yêu, hay xấu xí, thô lỗ, đáng ghét; hoặc lại có nghiệp khiến chúng sanh các căn đầy đủ hay bị khuyết tật.

Đức Phật lại bảo Trưởng giả Du-ca:

-Có mười nghiệp thiện cần phải tu tập, còn mười nghiệp ác ông hãy nêu đoạn trừ.

Trưởng giả Du-ca bạch Đức Phật:

-Thưa Thế Tôn, hữu tình thọ mạng ngắn ngủi là do tạo nghiệp gì gây nên?

Đức Phật bảo:

-Do sát sanh nên bị như vậy.

Lại nữa, nghiệp sát có mười loại:

1. Tự tay giết.
2. Khuyên bảo người khác giết.
3. Thấy giết thì hoan hỷ.
4. Tùy hỷ đối với việc giết hại.
5. Giết hại từ trong bào thai.
6. Khuyên trực thai cho chết.
7. Oán thù mà giết.
8. Giết bằng cách đoạn nam căn.
9. Dùng các phương tiện để giết.

**10. Sai khiến người khác giết.**

Mười thứ nghiệp giết hại như vậy đưa đến quả báo thọ mạng ngắn ngủi.

Lại tạo nghiệp như thế nào mà có được quả báo trường thọ? Có mười loại nghiệp. Những gì là mười?

1. Xa lìa việc tự tay giết.
2. Xa lìa việc khuyên bảo người khác giết.
3. Xa lìa sự hoan hỷ khi thấy giết hại.
4. Xa lìa việc tùy hỷ đối với sự giết hại.
5. Cứu người bị giết nơi hình ngục.
6. Phóng sanh mạng.
7. Bố thí sự không sợ cho kẻ khác.
8. Thương xót, vỗ về người bệnh.
9. Bố thí đồ ăn uống.
10. Cúng dường cờ phướn, đèn đuốc.

Mười nghiệp tốt như vậy đưa đến quả báo trường thọ.

Lại tạo nghiệp như thế nào mà bị quả báo nhiều bệnh? Có mười loại nghiệp. Những gì là mười?

1. Tự hủy hoại loài hữu tình.
2. Khuyên người khác hủy hoại.
3. Tùy hỷ đối với sự hủy hoại.
4. Tán thán sự hủy hoại.
5. Bất hiếu với cha mẹ.
6. Kết nhiều oán xưa.
7. Làm nghề thuốc với tâm xấu ác.
8. Keo kiệt trong sự ăn uống.
9. Khinh chê, ngạo慢 đối với Thánh hiền.
10. Hủy báng các bậc Pháp sư.

Mười loại nghiệp xấu như vậy bị quả báo có nhiều bệnh.

Lại nữa, tạo nghiệp như thế nào mà có được quả báo ít bệnh? Có mười loại nghiệp. Những gì là mười?

1. Không gây tổn hại cho hữu tình.
2. Khuyên người đừng làm tổn hại.
3. Không tùy hỷ đối với sự làm tổn hại.
4. Không tán thán sự tổn hại.

5. Xa lìa việc vui thích đối với việc làm tổn hại.

6. Hiếu dưỡng đối với cha mẹ.

7. Tôn trọng các bậc Sư trưởng.

8. Không kết oán xưa.

9. Bố thí chúng Tăng được an lạc.

10. Bố thí thuốc men, các thứ ăn uống.

Mười loại nghiệp như vậy được quả báo ít bệnh.

Lại nữa, tạo nghiệp như thế nào mà bị quả báo hình tướng xấu xí? Có mười loại nghiệp. Những gì là mười?

1. Luôn khởi tâm phẫn nộ.

2. Tâm ý buông lung, ngạo mạn.

3. Không hiếu thuận đối với cha mẹ.

4. Luôn buông lung tham si.

5. Hủy báng các bậc Hiền thánh.

6. Xâm đoạt, bức hại kẻ khác.

7. Ăn trộm ánh sáng dầu đèn của Phật.

8. Cười giỡn đối với sự xấu xí của người khác.

9. Hủy hoại ánh sáng của Đức Phật.

10. Làm việc phi phạm hạnh.

Do mười thứ nghiệp như vậy nên bị quả báo có thân tướng xấu xí.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà có được quả báo có thân tướng đẹp đẽ? Có mười loại nghiệp. Mười nghiệp ấy như thế nào?

1. Tu tập hạnh từ bi, nhẫn nhục.

2. Cúng dường nơi tháp miếu của Phật.

3. Quét dọn chùa tháp.

4. Tu sửa tôn nghiêm tinh xá.

5. Tôn tạo trang nghiêm tượng Phật.

6. Hiếu dưỡng đối với cha mẹ.

7. Tin kính, tôn trọng các bậc Thánh hiền.

8. Khiêm cung, xa lìa sự ngạo mạn.

9. Phạm hạnh không thiếu sót.

10. Xa lìa tâm tổn hại.

Như vậy, do tạo mười thứ này nên được quả báo có thân tướng đẹp đẽ.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà bị sanh vào dòng họ thấp hèn? Có mươi loại nghiệp. Mười loại ấy như thế nào?

1. Tham ái danh lợi, không tu hạnh bố thí.
2. Ganh ghét đối với sự vinh hoa của người khác.
3. Khinh chê, hủy báng Cha mẹ.
4. Không tuân lời Pháp sư.
5. Hủy báng các bậc Hiền thiện.
6. Thân cận bạn ác.
7. Khuyên người khác làm ác.
8. Phá hoại điều thiện của kẻ khác.
9. Mua bán kinh tượng.
10. Không tin Tam bảo.

Do tạo mươi nghiệp như vậy bị quả báo sanh vào dòng họ thấp hèn.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà có được quả báo sanh vào tộc họ giàu sanh danh tiếng? Có mươi loại nghiệp. Những gì là mươi?

1. Xa lìa tâm ganh ghét, vui mừng đối với sự nghiệp của người khác.

2. Tôn trọng Cha mẹ.
3. Tin kính, tôn quý các bậc Pháp sư.
4. Phát tâm Bồ-đề.
5. Bố thí dù lòng cho Đức Phật.
6. Tu sửa, trang nghiêm chùa tháp.
7. Sám hối nghiệp ác.
8. Rộng tu hạnh bố thí.
9. Khuyên người khác tu tập điều thiện.
10. Tin kính, tôn quý Tam bảo.

Do tạo mươi thứ nghiệp thiện như vậy nên được quả báo sinh vào dòng họ phú quý danh vọng.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà bị quả báo xấu ác nơi cõi người? Có mươi loại nghiệp. Những gì là mươi loại?

1. Tâm buông lung, ngã mạn.
2. Khinh mạn Cha mẹ.
3. Khinh mạn các bậc Sa-môn.
4. Khinh mạn các hàng Bà-la-môn.

5. Hủy báng các bậc Hiền thiện.
6. Khinh mạn người trong thân tộc.
7. Không tin nhân quả.
8. Ghét bỏ tự thân.
9. Hiềm ghét đối với kẻ khác.
10. Không tin Tam bảo.

Do tạo mười thứ như vậy bị quả báo xấu ác nơi cõi người.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà có được quả báo thù thắng ở nhân gian? Có mười loại nghiệp, mười loại ấy là gì?

1. Khiêm cung, xa lìa ngạo mạn.
2. Tôn trọng Cha mẹ.
3. Tôn trọng các bậc Sa-môn.
4. Tin kính các hàng Bà-la-môn.
5. Yêu thương, giúp đỡ người trong thân tộc.
6. Tôn trọng bậc Hiền thánh.
7. Tu hành mười điều thiện.
8. Không khinh mạn đối với chúng sanh.
9. Tôn trọng các vị Pháp sư.
10. Một lòng kính tin Tam bảo.

Do tạo mười thứ nghiệp như vậy nên được quả báo thù thắng ở nhân gian.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà bị quả báo cô đơn nghèo khổ? Có mười loại nghiệp. Mười loại ấy là gì?

1. Luôn làm việc trộm cướp.
2. Khuyên người khác trộm cướp.
3. Khen ngợi sự trộm cướp.
4. Tùy hỷ đối với sự trộm cướp.
5. Hủy báng Cha mẹ.
6. Hủy báng các bậc Thánh hiền.
7. Ngăn chặn người khác bố thí.
8. Ganh ghét khi thấy danh lợi của kẻ khác.
9. Keo kiệt đối với tiền của.
10. Khinh khi, hủy báng Tam bảo, mong muốn Tam bảo luôn gấp khó khăn.

Do tạo mười loại nghiệp như vậy nên bị quả báo cô đơn nghèo khổ.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà có được quả báo có phước đức lớn? Có mươi loại nghiệp, mươi loại ấy là gì?

1. Xa lìa việc trộm cướp.
2. Xa lìa việc khuyên người trộm cướp.
3. Xa lìa việc tùy hỷ đối với trộm cắp.
4. Hiếu dưỡng Cha mẹ.
5. Tin kính, quý các bậc Thánh hiền.
6. Vui mừng thấy danh lợi của người khác.
7. Rộng làm việc bố thí.
8. Không ganh ghét danh lợi của kẻ khác.
9. Không tiếc tài sản vật báu, thương xót kẻ cô đơn bần cùng.
10. Cúng dường Tam bảo.

Do tạo mươi thứ nghiệp như vậy nên được quả báo có phước đức lớn.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà bị quả báo ngu độn? Có mươi loại nghiệp. Mười nghiệp đó là gì?

1. Chứng sanh này không tin Sa-môn, cũng không thân cận Sa-môn.

2. Không tin các hàng Bà-la-môn.
3. Không tin thầy, giáo pháp, cũng chẳng gần gũi.
4. Cất giấu giáo pháp, không truyền dạy.
5. Xoi mói những điều kém nơi giáo pháp của Thầy.
6. Xa lìa chánh pháp.
7. Đoạn diệt pháp thiện.
8. Hủy báng bậc Hiền trí.
9. Học hỏi theo điều phi pháp.
10. Hủy báng chánh kiến, tán dương tà kiến.

Do tạo mươi pháp như vậy cho nên bị quả báo ngu độn.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà có được quả báo có trí tuệ lớn? Có mươi loại pháp, mươi pháp ấy là gì?

1. Chứng sanh này thân cận Sa-môn, dốc lòng tin cầu pháp.
2. Tin các bậc Bà-la-môn.
3. Thân cận thầy, giáo pháp, cầu hiểu được nghĩa sâu xa.
4. Tôn quý Tam bảo.
5. Xa lìa kẻ ngu si.

6. Không hủy báng thầy, giáo pháp.
7. Cầu được trí tuệ sâu rộng.
8. Truyền bá đạo pháp đem lại lợi ích cho chúng sanh, khiến chánh pháp không bị đoạn diệt.
9. Xa lìa điều phi pháp.
10. Tán dương chánh kiến, xa lìa các tà kiến.

Do mười pháp như vậy cho nên được quả báo có trí tuệ lớn.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà bị quả báo sinh vào địa ngục? Có mươi loại pháp, mươi pháp ấy là gì?

1. Thân tạo nghiệp bất thiện.
2. Khẩu tạo nghiệp bất thiện.
3. Ý tạo nghiệp bất thiện.
4. Luôn dấy khởi thân kiến.
5. Luôn khởi biên kiến.
6. Luôn theo tà kiến.
7. Làm ác không ngừng.
8. Dâm dục, tà hạnh.
9. Hủy báng các bậc Thánh hiền.
10. Hoại diệt chánh pháp.

Do mười nghiệp như vậy nên bị quả báo sinh nơi địa ngục.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà bị quả báo sinh vào hàng súc sanh?

Có mươi loại nghiệp. Những gì là mươi?

1. Thân nghiệp tạo ác bậc trung.
2. Ngữ nghiệp tạo ác bậc trung.
3. Ý nghiệp tạo ác bậc trung.
4. Dấy khởi nhiều lòng tham lam.
5. Sanh nhiều sân hận.
6. Sanh nhiều si mê.
7. Bố thí không đúng pháp.
8. Sử dụng chú thuật trừ ếm.
9. Hủy hoại phạm hạnh của Bồ-tát.
10. Tin theo thường kiến, biên kiến, cho rằng “Người chết thì trở lại làm người”.

Do mươi nghiệp như vậy nên bị quả báo sinh vào hàng súc sanh.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà bị quả báo sinh vào loài ngạ quỷ?

Có mười loại nghiệp. Mười loại nghiệp ấy là gì?

1. Thân tạo nghiệp ác nhẹ.
  2. Khẩu tạo nghiệp ác nhẹ.
  3. Ý tạo nghiệp ác nhẹ.
  4. Tham tiếc tài vật, không chịu bố thí.
  5. Dấy khởi tà kiến nặng nề hủy báng giáo pháp nhân quả của Phật.
  6. Ngạo慢, tự thị, khinh khi, hủy báng kẻ hiền lương.
  7. Ngăn trở người khác bố thí.
  8. Không thương xót kẻ đói khát.
  9. Tham tiếc đồ ăn uống, không bố thí cho Tăng chúng của Phật.
  10. Người khác được danh lợi thì tạo phương tiện làm cho ly cách.
- Do mười nghiệp như vậy nên bị quả báo sinh vào loài ngạ quỷ.  
 Lại nữa, do tạo nghiệp gì được quả báo làm người? Có mười loại nghiệp. Mười nghiệp ấy là gì?

1. Xa lìa sát sanh.
2. Xa lìa sự không cho mà lấy.
3. Xa lìa việc phi phạm hạnh.
4. Xa lìa lời nói hư dối.
5. Xa lìa lời nói tạp uế.
6. Không nói lời ly gián.
7. Xa lìa lời nói thô ác.
8. Xa lìa việc uống rượu, ăn thịt.
9. Xa lìa sự si ám.
10. Xa lìa tà kiến, vững tin Tam bảo.

Do tu mười nghiệp nhẹ như vậy nên được quả báo làm người.

Lại nữa, do tu nghiệp gì mà được sanh vào các cõi trời thuộc Dục giới? Do tu mười nghiệp thiện nên được sanh nơi các cõi trời ấy. Lại do tu nghiệp gì mà được sanh lên các cõi trời thuộc Sắc giới? Do tu mười định thiện mà được sanh vào các cõi trời ấy. Lại do tu nghiệp gì mà được sanh vào bốn cõi trời thuộc Vô sắc giới? Do tu tập pháp Tam-ma-bát-để làm nhân mà được sanh lên các cõi trời ấy. Những gì là bốn? Xa lìa tất cả Sắc, tác tưởng hư không vô biên. Do tu định ấy dứt trừ được chướng ngại, sau khi mạng chung được sanh lên cõi Không vô biên xứ. Xa lìa mọi thức thô, tế hiện tiền, tác tưởng vô

biên, dứt trừ được chướng ngại của thức. Do tu định ấy nên đời sau được sanh vào cõi trời Thức vô biên xứ. Xa lìa mọi chướng ngại cầu nhiệm của vô sở hữu xứ, lại tu định kia, sau khi mạng chung được sanh lên cõi Vô sở hữu xứ. Xa lìa chướng ngại của cõi ấy, tiếp tục tu pháp định đó, sau khi mạng chung được sanh vào cõi Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Lại nữa, do tu tập nghiệp gì không sanh vào cõi Vô gián? Do tu các nghiệp, hồi hướng mọi chỗ mong cầu của mình, quyết định được sanh trong cõi thiện, không bị đọa vào cõi Vô gián.

Lại nữa, việc tạo nghiệp và thọ nhận quả báo ra sao? Nếu tu nghiệp thiện thì cảm quả báo đáng yêu thích, nếu tạo nghiệp ác thì cảm quả báo đáng ghét bỏ. Nếu xa lìa nghiệp thiện và bất thiện này thì trọn không thể có quả báo đáng yêu thích hay đáng ghét bỏ gì cả. Thí như người nữ hiền thục có chồng đi buôn nơi xa, đã lâu chưa về nhà thì làm gì cô ấy có con?!

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà không có quả báo? Do đã tạo nghiệp ác rồi, nhưng nghĩ lại hối hận, thành thật tò bày, tinh ngộ, trách mình trước chẳng suy nghĩ. Lúc ấy, tâm nghĩ miệng nói, hết lòng chuyên chú lo việc sám hối. Nghiệp ấy tuy đã tạo rồi nhưng không thọ quả báo. Đối với nghiệp thiện cũng lại như vậy.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà có được thân tâm viên mãn? Do tu tập hạnh nhẫn nhục nên được thân tướng viên mãn. Do tu tập pháp học hỏi, tư duy nên được tâm viên mãn. Tu tập theo nghiệp ấy chắc chắn đạt được quả báo như vậy.

Lại do tạo nghiệp gì mà sau khi tu tập không bị mất mát? Nếu có nghiệp thiện đã làm rồi không hối hận, không nghi ngờ, chán bỏ, không gây sự phiền hà, bức bộ, cũng không cho là không, không nói điều đúng điều sai, mà không xa lìa, cũng không gây náo động, tạo hạnh như vậy, tu tập nghiệp ấy rốt cuộc chẳng hề hao mất, chắc chắn thọ quả báo như vậy.

Lại do tạo nghiệp gì mà không có quả báo? Do tạo nghiệp vô ký nên không có quả báo.

Lại do tạo nghiệp gì mà chúng sanh thọ mạng mãi ở địa ngục không thoát ra được? Đó là có một chúng sanh đã tạo nghiệp thiện rồi, nhưng không hối hận, cũng không nghi ngờ, chán bỏ, lại không cho là

không, tâm không sâu nã, không nói điều phải trái, cũng không gây loạn động, tạo tác như vậy nên biết được sanh lên cõi trời. Trái lại nếu chúng sanh tạo các nghiệp trái ngược như trên, bị sanh trong địa ngục, trọn cả thọ mạng mà không thoát khỏi.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh ở trong địa ngục không trọn thọ mạng? Đó là do chúng sanh ấy tạo nghiệp ác rồi, nhưng không nghi ngờ hối hận, nhưng rồi phiền não tự hoại, tinh ngộ những điều sai quấy ở trước nên xa lìa nghiệp ấy mà không gây loạn động. Tạo tác như vậy nên chúng sanh đó đã tạo nghiệp như vậy sanh trong địa ngục nhưng không hết thọ mạng.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh sanh trong địa ngục liền được mạng chung? Đó là có chúng sanh đã tạo nghiệp ác rồi, hối hận, nghi ngờ, tự trách cứ, phủ nhận, dốc trừ bỏ, xa lìa phiền não xấu ác, không thể yêu thích, không tự tạo ra nữa. Như vua A-xà-thế đã tạo tội giết cha rồi hối lỗi thành tâm bày tỏ: “Con đã tạo nghiệp ác, con phải tự thọ quả báo. Nay đối diện với Đức Phật xin sám hối dứt bỏ tội lỗi trước”. Đức Phật thương xót nhà vua, bảo vua hãy quán tánh của tội từ duyên hư huyền mà có, tỏ ngộ là không thể có. Cho nên chúng sanh này sanh vào địa ngục liền được mạng chung.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh trước được vui sướng, sau bị khổ nã? Đó là có một chúng sanh ban đầu thực hành bố thí, tâm yêu thích, vui mừng, nhưng bố thí rồi lại hối tiếc, cho nên chúng sanh ấy sanh ở nhân gian trong gia đình giàu có, đầy đủ vàng bạc châu báu, voi, ngựa, xe; cha mẹ, vợ con, bạn hữu tri thức đều không thiếu, cho đến kho tàng cũng như vậy, nhưng sau thì sa sút dần trở nên bần cùng. Do đó gọi là có được quả báo, trước vui sướng, sau bị khổ nã.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh trước bị khổ sở, sau được vui sướng? Đó là có chúng sanh do nhân từ đời trước dùng tâm ở bậc thấp bố thí chút ít. Bố thí rồi tâm không hối tiếc, sau lại hoan hỷ, cho nên chúng sanh này sanh làm người trong dòng họ thấp kém, mọi sự ăn uống, y phục cho đến châu báu, tất cả đều thiếu thốn, cũng không được tự tại. Về sau, dần dần tài sản được tăng thêm, cho đến có vô số của cải không thiếu vật gì. Vì vậy, chúng sanh này quả báo trước bị nghèo khổ, sau được vui sướng.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh trước được vui sướng, sau cũng vui sướng? Đó là có chúng sanh khi chưa bố thí thì hoan hỷ muốn bố thí. Bố thí rồi cũng hoan hỷ, trước sau không hối tiếc. Chúng sanh này sanh làm người trong gia đình giàu có, thuộc tộc họ cao quý, cha mẹ vợ con, hàng thân thuộc bạn hữu, kho tàng châu báu, xe cộ, súc vật cho đến vườn rừng, ruộng nhà chẳng thiếu thứ gì, tự do thọ dụng. Vì vậy chúng sanh này đạt quả báo trước vui sướng, sau cũng vui sướng.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh trước không vui sướng, sau cũng không vui sướng, luôn bị khổ nǎo? Đó là có chúng sanh trước không có tâm bố thí, cũng không có bạn hữu tốt khuyên làm bố thí. Đã không có tín tâm, lại tham tiếc châu báu, từ đầu đến cuối chẳng hề bố thí một tơ hào nào. Cho nên chúng sanh đó sanh làm người ở trong tộc họ thấp hèn, bần cùng, khốn khổ, của cải, ruộng, nhà, cho đến quyền thuộc tất cả đều thiếu, trước đã không được vui sướng, sau cũng không được vui sướng. Cho nên chúng sanh này thọ quả báo trước bị khổ nǎo, sau cũng bị khổ nǎo.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh được giàu sang nhưng lại tham tiếc tiền của, không bố thí cho ai, dù rất ít? Đó là có chúng sanh trong đời quá khứ quy hướng Tam bảo, từng làm bố thí, nhưng không phát nguyện ở đời vị lai tiếp tục tu hạnh bố thí, cho nên chúng sanh này sau khi mạng chung, hoặc sanh ở nhân gian được giàu sang, được sanh vào tộc họ phú hào nhiều châu báu, tiền của, voi ngựa, nô tỳ, súc vật, ruộng nhà... thảy đều nhiều, tự do thọ dụng. Nhưng đối với tài sản của mình thì tham tiếc, yêu mến giữ gìn, không làm bố thí. Cho nên chúng sanh này tuy giàu có, nhiều tiền của, nhưng tham lam tiếc lẫn, cũng không có tín tâm.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh một đời nghèo khổ, lại ưa thích bố thí? Đó là có chúng sanh trong đời quá khứ, đối với thắng xứ của Tam bảo đã từng tu hạnh bố thí, lại còn phát nguyện: Cho đến đời vị lai tâm bố thí vẫn không dứt, nên sau khi mạng chung được sanh ở cõi trời, người, luôn được thọ phước báo. Người ấy, về sau phước hết, lại sanh ở nhân gian, dù bần cùng nhưng vẫn ưa thích bố thí. Cho nên chúng sanh này dù bần cùng nhưng ưa thích bố thí, tín tâm không đoạn.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh một đời nghèo khổ mà lại tham lam keo kiết, không có bố thí, dù rất ít? Đó là có một chúng sanh trong đời quá khứ không gặp bạn lành dẫn dắt, lại còn ngu si không tin nhân quả, đối với pháp bố thí Ba-la-mật dù cho chút ít cũng không thực hiện, cho nên chúng sanh ấy sau khi mạng chung, sanh làm người ở nhân gian, thuộc tộc họ bần cùng, tiền của, đồ ăn uống, ruộng vườn, tất cả đều thiếu thốn. Vì vậy chúng sanh này bần cùng, khốn khổ, cũng không thích bố thí.

Lại do tạo nghiệp gì mà cả thân tâm đều được vui sướng, giống như Chuyển luân vương, lại ưa làm phước? Đó là có một chúng sanh trong đời quá khứ tu giới không sát sanh, bố thí sự vô úy cho kẻ khác, lại còn phát nguyện: tâm bố thí luôn sáng suốt, cho nên chúng sanh này sau khi mạng chung, sanh làm người ở nhân gian, thân tâm đều luôn được an lạc, thường ưa thích bố thí.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh cả thân tâm đều được vui sướng như một cụ già việc nhà đã lo liệu xong xuôi, nhưng không tu phước? Đó là có chúng sanh trong đời quá khứ bố thí sự vô úy cho kẻ khác, không làm tổn hại đến các chúng sanh, nhưng không phát nguyện thù thắng, cho nên chúng sanh ấy sau khi mạng chung, sanh làm người ở nhân gian, thân tâm đều được an lạc, nhưng không chịu tu phước.



## PHẬT NÓI KINH PHÂN BIỆT THIỆN ÁC BÁO ỨNG QUYỀN HẠ

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh, hoặc thân tâm đều không an lạc, lại không tu phước? Đó là có chúng sanh trong đời quá khứ tạo sự nhiễu hại đối với chúng sanh, khiến họ sợ sệt, lại không có tín tâm, không phát nguyện lành. Cho nên chúng sanh này sau khi mạng chung sanh trong loài người, cả thân tâm đều bất an, có nhiều ngu ám, lại không tu hạnh bố thí.

Do đâu có chúng sanh ở nhân gian thì bị chết yếu, phải sống lâu trong ba đường ác? Đó là có chúng sanh đời quá khứ tạo nhân, ban đầu tu tập theo chút ít điều thiện nhưng sau thì tạo nhiều điều ác, cho nên chúng sanh ấy sanh ở nhân gian bị chết yếu, đời sau sanh vào cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và A-tố-ra (A-tu-la) thì thọ mạng lại lâu dài.

Do đâu có chúng sanh ở ba cõi ác thọ mạng ngắn nhưng ở cõi người thì thọ mạng lâu dài? Đó là có một chúng sanh tạo nhân ở quá khứ, ban đầu tạo nghiệp ác ít, về sau tạo nghiệp thiện nhiều, cho nên chúng sanh này ở ba cõi ác thì thọ mạng ngắn ngủi, đời sau sanh ở nhân gian thì thọ mạng lâu dài.

Do đâu có chúng sanh sanh ở nhân gian và ở ba cõi ác thọ mạng đều ngắn ngủi? Đó là có một chúng sanh tạo nhân ở quá khứ, ban đầu và về sau tạo nghiệp thiện, ác đều ít, cho nên chúng sanh này ở trong loài người và ở ba cõi ác thọ mạng đều ngắn ngủi.

Do đâu có chúng sanh khi mạng đã tận thì phiền não cũng tận? Do đâu có chúng sanh phiền não đã tận mà thọ mạng không tận? Đó là người đạt được các quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, Quyết định tánh và bất quyết định A-la-hán.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh tuy sanh ở cõi ác mà hình sắc thân tướng đoan nghiêm đẹp đẽ, ai thấy cũng hoan hỷ, ưa thích? Đó là có một chúng sanh trong đời quá khứ tu tập hạnh nhẫn nhục, nhưng vì phá tịnh giới của Phật nên bị đọa vào cõi ác, thọ thân hình

khác, có được hình sắc thân tướng đoan nghiêm, đẹp đẽ, các căn cù túc, ai thấy cũng hoan hỷ.

Lại do tạo nghiệp gì mà có chúng sanh sanh ở trong cõi ác mà thân tướng thô nhám, hình sắc xấu xí, ai thấy cũng không ưa? Đó là do chúng sanh này ở đời quá khứ tâm nhiều sân hận, không tu hạnh nhẫn nhục, đã phá tịnh giới của Phật lại không thành thật bày tỏ, sám hối. Cho nên người ấy sau khi mạng chung, sanh trong loài khác, hình sắc xấu xí, thân thể thô lậu, các căn khuyết tật, hôi thối, si mê tăm tối, ai thấy cũng không ưa thích.

Lại nữa, tạo mười nghiệp bất thiện sẽ thọ nhận quả báo như thế nào? Do nhân sát sanh nên thọ mạng về hình, sắc và sức lực đều không đầy đủ. Do nhân trộm cắp nên bị quả báo thời tiết không thuận hợp, côn trùng phá hoại, lụt lội, hạn hán, đói khát. Do nhân tà dục nên bị quả báo bên ngoài nhiều phiền não cầu uế, vợ không trình thuận. Do nhân nói hư dối nên bị quả báo hơi thở hôi thối, tiếng xấu lan khắp, người đều chán ghét. Do nhân nói ly gián nên bị quả báo quyến thuộc bất hòa, tật bệnh liên miên. Do nhân nói lời xấu ác nên bị quả báo khi tiếp xúc luôn gặp sự thô lậu, xấu xí, kết quả không tốt đẹp. Do nhân nói lời tạp uế nên bị quả báo luôn gặp cảnh rừng cây gai góc, vườn tược tiêu điều. Do nhân tham ái nên bị quả báo tài sản của cải nơi kho ít ỏi. Do nhân sân hận nên bị quả báo luôn gặp mùi vị cay đắng, dung mạo xấu xí. Do nhân ngu si nên bị quả báo hình sắc bên ngoài không sạch sẽ, tâm trí kém cỏi. Do tạo mười nghiệp bất thiện nên bị quả báo như vậy.

Tu mười nghiệp thiện thì được quả báo như thế nào?

Xa lìa việc giết hại, thì thọ mạng và y báo đều được đầy đủ. Xa lìa trộm cắp thì mọi sự bất hòa của thời tiết, côn trùng phá hoại, đói khát, các tai họa đều được dứt trừ. Nhân không tà dâm thì tiếng tốt đồn khắp, xa lìa mọi phiền não cầu uế. Nhân không vọng ngữ, thì miệng thường thơm sạch. Nhân không nói lời ly gián nên quyến thuộc được hòa thuận xa lìa mọi cảnh ngộ, sấm sét, mưa gió dữ dội. Nhân không nói lời thô ác nên gặp cảnh quả vị ngọt ngon, xa lìa mọi sự thô nhám. Nhân không nói lời tạp uế nên luôn gặp cảnh rừng cây, vườn tược tươi tốt sum suê. Nhân không tham ái nên tài sản nơi kho lẫm được đầy đủ đồ dào. Nhân không sân hận nên thân tướng được hoàn hảo, các căn

không khuyết tật. Nhân không tà kiến nên tín tâm không đoạn, trí tuệ hơn hết, đầy đủ mọi sự tốt đẹp. Do tu mười nghiệp thiện nên được quả báo như vậy.

Lại nữa, tạo mười điều ác có mười quả báo. Những gì là mười? Sát sanh có mười quả báo:

1. Oan gia ngày càng nhiều.
2. Ai thấy kẻ ấy cũng không vui thích.
3. Chúng sanh luôn sợ sệt.
4. Luôn chịu sự khổ nǎo.
5. Thường nghĩ đến việc giết hại.
6. Nầm mộng thấy sâu khổ.
7. Lúc lâm chung bị hối hận.
8. Thọ mạng ngắn ngủi.
9. Tâm thức bị ngu muội.
10. Khi chết đọa vào địa ngục.

Lại nữa, trộm cắp có mười thứ quả báo. Những gì là mười?

1. Kết thêm oan gia đời trước.
2. Luôn có sự nghi ngờ.
3. Bị bạn ác theo đuổi.
4. Bạn lành lánh xa.
5. Phá tịnh giới của Phật.
6. Bị phép vua trừng trị.
7. Buông lung, phóng dật.
8. Mãi mãi sâu lo.
9. Không được tự tại.
10. Chết đọa địa ngục.

Lại nữa, quả báo của tà dục có mười thứ. Những gì là mười?

1. Tâm dục luôn bùng cháy.
2. Thê thiếp không trinh thuận.
3. Tăng trưởng điều bất thiện.
4. Pháp thiện bị tiêu diệt.
5. Phóng túng trong quan hệ nam nữ.
6. Tài sản âm thầm tiêu tán.
7. Tâm trí nhiều nghi ngờ.
8. Xa lìa bạn lành.

9. Thân tộc không tin tưởng.
  10. Mạng chung bị đọa vào ba đường ác.
- Lại nữa, quả báo của vọng ngữ có mươi thứ. Những gì là mươi?
1. Hơi trong miệng thường hôi thối.
  2. Kẻ ngay thẳng xa lánh.
  3. Người dưa nịnh, dối trá ngày càng nhiều.
  4. Gần gũi kẻ phi nhân.
  5. Dù có nói thật cũng không ai tin.
  6. Trí tuệ ít dần.
  7. Tiếng tăm không thật.
  8. Không nói lời thành thật.
  9. Ưa nói chuyện thị phi.
  10. Thân chết sanh vào cõi ác.

Lại nữa, uống rượu có ba mươi sáu lỗi lầm. Những lỗi ấy như thế nào?

1. Tài sản bị mất mát.
2. Hiện tại có nhiều bệnh tật.
3. Ưa thích tranh giành.
4. Tăng trưởng sự giết hại.
5. Tăng trưởng sự sân hận.
6. Phản nhiều không toại ý.
7. Trí tuệ kém dần.
8. Phước đức không tăng.
9. Phước đức hao giảm.
10. Phơi bày sự bí mật.
11. Sự nghiệp không thành.
12. Tăng nhiều sự sâu khổ.
13. Các căn bị ngu muội.
14. Làm hủy nhục cha mẹ.
15. Không kính bậc Sa-môn.
16. Không tin Bà-la-môn.
17. Không tôn kính Phật.
18. Không kính Tăng, Pháp.
19. Thân cận bạn ác.
20. Xa lánh bạn lành.